Chương III

Sang Hồng Kông hoằng pháp

Mùa xuân năm 1949, sau kỳ truyền giới, bà A Nan Đà theo đại lão hòa thượng Hư Vân ra bắc, đến chùa Đại Giám Thiền Tự ở núi Vân Môn, huyện Khổng Nguyên, tỉnh Quảng Đông. Sau khi từ chức Giám Học học viện giới luật tại chùa Nam Hoa, Ngài qua chùa Đại Giám. Từ núi Vân Môn đến chùa Đại Giám khoảng tám dặm. Không kể trời tối sáng hay đường lộ khúc khuỷu cheo leo, Ngài vẫn tiến bước.

Mùa hè năm 1949, Ngài đến chùa Lục Dong ở Quảng Châu. Vị trụ trì là đại lão hòa thượng Minh Quán, người đã từng cùng Ngài ngồi thiền trong suốt mười tuần thiền thất tại núi Không Thanh thuở xưa. Đại lão hòa thượng Minh Quán thỉnh Ngài làm Ban Thủ. Ngài liền chấp thuận, nhưng chỉ muốn lưu lại nơi đó khoảng một tháng, rồi đến rằm trung thu sẽ trở về Vân Môn. Tuy nhiên, chỉ trong hai tuần, đường đi từ Thiều Quan đến núi Vân Môn bị cắt đứt vì tình hình chiến cuộc rối loạn. Thế nên, Ngài muốn qua Hồng Kông. Trong mình không một đồng xu, Ngài đến trạm xe lửa. Khi đó, hai cư sĩ là Tạ Khoan Huy và Trần Khoan Mãn cũng đi Hồng

Kông. Lúc gặp Ngài, họ liền mua vé xe lửa cúng dường. Ba ngày sau, Cộng Sản tiến chiếm Quảng Châu. Từ đó, Ngài lưu lại Hồng Kông, nhưng vẫn thường gởi thơ từ vấn an và gởi tiền cúng dường trợ giúp đại lão hòa thượng Hư Vân sửa chữa, kiến lập chùa Chân Như ở núi Vân Cư.

Ngài tự thuật: "Truyền giới xong, tôi đi theo ngài Hư Vân đến chùa Đại Giám tại Thiều Quan. Trên đường trở về Vân Môn, ngài Hư Vân cũng bảo tôi hãy đi theo. Tôi nghe lời, nhưng muốn trở về chùa Nam Hoa trước. Đầu tuần tháng năm, tôi đi đến chùa Đại Giác. Đường lên núi cheo leo khúc khuỷu, như những đường lộ tại Tứ Xuyên. Gần đến núi Vân Môn khoảng hai mươi dặm thì trời đã chập tối. Một mình độc hành trên đường sá xa lạ, đi đứng khó khăn. Đột nhiên, một chùm ánh sáng hiện ra trước mặt, cách khoảng một trăm bước. Tôi cứ đi hướng theo chùm ánh sáng đó. Khi đến gần, chùm ánh sáng đó liền biến mất, cũng là lúc tôi đặt chân đến cổng chùa Đại Giác. Trong chùa, đại chúng đã nghỉ ngơi, duy chỉ còn ngài Hư Vân. Tôi vừa bước vào cổng thì ngài Hư Vân hỏi:

- Sao con đến trễ vậy?

Tôi liền thuật lại việc mình được một chùm ánh sánh dẫn đường. Ngài Hư Vân bảo:

- Kỳ lạ nhỉ! Ban ngày, nếu không có người dẫn đường, thì dễ dàng lạc đường, còn nói chi đi trong ban đêm.

Sắp đặt chỗ ở cho tôi xong, ngài Hư Vân bảo:

- Tại chùa Nam Hoa con nhận chức ban thủ. Tại Vân Môn đây con cũng phải nhậm chức ban thủ, tức là lãnh đạo đại chúng lên chánh điện tụng kinh, thọ trai, ngồi thiền.

Ở Vân Môn chẳng bao lâu, vì không quen với khí hậu ẩm thấp nên tôi bị cảm bịnh nặng. Do đó, tôi xin cáo từ ngài Hư Vân để đến Quảng Châu dưỡng bịnh. Ngài Hư Vân không đồng ý bảo:

- Chớ có đi! Nếu đi thì khó mà trở lại!

Tôi thưa:

- Bạch Thầy! Không được! Ý chí của học nhân đã quyết, nên nhất định phải đi.

Ngài Hư Vân nghe thế, buồn rầu rơi lệ, cầm tay tôi, bảo:

- Nếu con đi, chắc sẽ không có ngày hội ngộ!

- Bạch Thầy! Con sẽ trở về đây ngay sau khi lành bịnh. Xin Thầy chớ quá lo lắng!

Đi lần này, con phải cố gắng tinh tấn vì Phật Thích Ca và lịch đại tổ sư mà kiến lập đạo tràng. Tiền đồ sáng chói vô lượng. Nỗ lực! Nỗ lực! Hãy

tu hành chân chánh. Chớ phụ lòng mong mõi của Thầy.

Tôi trân trọng cáo từ ngài Hư Vân, đi Quảng Châu rồi sang Hồng Kông, trú tại chùa Đông Phổ Đà. Tháng bảy, tôi trở lại Quảng Châu, trú tại chùa Lục Dong được hòa thượng Minh Quán mời làm Đường Chủ và phó trụ trì. Tôi đồng ý, nhưng chuẩn bị trở về Vân Môn sau rằm trung thu. Sơ tuần tháng tám, Thiều Quan thất thủ, giao thông đứt đoạn, nên không thể trở lại Vân Môn. Đêm mồng mười tám tháng tám, hai vị cư sĩ Tạ Khoan Huy và Trần Khoan Mãn mua vé xe lửa cho tôi trở lại Hồng Kông. Sau đó, tôi đến Thái Lan để xem xét về tình hình của Phật giáo Nam Tông. Năm 1950, tôi trở lại Hồng Kông, ẩn tu tại động Quán Âm như câm như điếc. Mỗi lần nhớ đến lời dặn dò của ngài Hư Vân, tôi lại hối hận vì không chịu nghe lời giáo huấn của bậc thiện tri thức. Tuy muốn trở vào Lục Địa để thân cận ngài Hư Vân, nhưng không thể được. Đau đớn thay! Chẳng còn lời nào để nói".

Tuy thời cuộc thay đổi, không cho phép trở về Vân Môn thân cận học hỏi, nhưng Ngài thường xuyên viết thư vấn an và tận lực hộ pháp ngài Hư Vân.

Tại Thái Lan, Ngài ngồi chính giữa.

Ngài cùng học Tăng Luật-học người Hoa hành trì hạnh Khất Thực ở Hồng Kông (Ngài đứng thứ ba về phía phải).

Tại Miến Điện (Ngài về phía phải)

Tại Miến Điện

Hai ngôi sao Bắc Đẩu của Thiền tông Trung Quốc thời cận đại là đại lão hòa thượng Hư Vân và thiền sư Lai Quả. Ngoài ngài Hư Vân ra, Ngài rất cung kính thiền sư Lai Quả. Sau khi Cộng Sản chiếm toàn Trung Quốc, Ngài thường viết thơ thỉnh ngài Lai Quả qua Hồng Kông, nhưng Thiền Sư đều từ chối.

Ngài Hư Vân khổ tâm, lo trùng hưng lại các đạo tràng và những ngôi tự viện, cùng bảo hộ tăng đoàn. Thiền sư Lai Quả vì pháp quên mình. Hai vị thiện tri thức, đại đức Thiền tông, phục hưng Phật giáo với tinh thần đại vô úy.

Ngài cùng cư sĩ Sầm Học Lữ, người viết lại quyển "Biên Niên Tự Thuật" của thiền sư Hư Vân, và ưu bà di Đàm Quả Thức, người có cô chị là Đàm Quả Chánh đã trợ giúp Ngài thành lập Tổng Hội Phật Giáo Trung Mỹ vào năm 1959.

Sau khi qua Hồng Kông một thời gian, Ngài đi Thái Lan để học hỏi những điểm dị đồng giữa Nam-tông và Bắc-tông. Ngài trú tại chùa Long Liên khoảng hơn bốn tháng, rồi trở lại Hồng Kông. Một vị cư sĩ biết thế nên mời Ngài về động Quán Âm ở Thiên Loan Phù Dong thuộc chùa Đông Phổ Đà, để tu hành.

Hóa Thân Bồ Tát, Hành Hạnh Đầu Đà.

1950, tại động Quán Âm, núi Phù Dung, Hồng Kông. Khi từ Thái Lan trở về Hồng Kông, trong mình Ngài không có một đồng xu. Một vị cư sĩ giúp Ngài tìm động Quán Âm nhỏ hẹp, âm u, bên cạnh sườn núi. Cúi mình đi vào động, tìm thấy một tảng đá bằng phẳng, Ngài ngồi xếp bằng trên tảng đá đó. Trong động, trừ bộ y ca sa, Ngài không có chi cả.

Bên trong, hang động âm u lạnh lẽo. Phía ngoài lại có những tảng đá lớn, nơi Ngài thường ngồi thiền. Lần nọ, ngồi khoảng một trăm giờ, rồi muốn đứng dậy nhưng hai bắp vế không thể cử

động mà Ngài vẫn không sợ, coi thường sống chết xả bỏ thân tâm, lại tiếp tục ngồi suốt thêm hai tuần. Sau khi xả thiền, kỳ lạ thay, hai bắp vế hoạt động trở lại. Lần khác, Ngài định ra ngoài cất am tranh trên những tảng đá lớn để ngồi thiền, nhưng gần đó có một vị thầy sanh tâm đố kỵ nên nói với tăng chúng chùa Đông Phổ Đà:

- Thầy An Từ ỷ mình có tiền nên cất am trên núi.

Ở Hồng Kông

Tư duy tĩnh lự tức thiền na
Ma ha Bát Nhã Bồ Đề nhạ,
Tài bồi quán khái cần tinh tấn
Ngộ vô sanh nhẫn phó Long Hoa.

Dịch:
Tư duy tĩnh lự là nghĩa Thiền
Ma Ha Bát Nhã mạ Bồ Đề
Vun bồi tưới nước cần tinh tấn
Ngộ nhẫn vô sanh đến Long Hoa.

Tại Động Quán Âm, Hồng Kông

Từ đó, chùa cắt đứt phần ăn mỗi ngày của Ngài. Qua hai tuần liên tiếp, Ngài ngồi thiền mãi trong động mà không ăn uống. Làng bên dưới núi Phù Dong có một ông cư sĩ, tuổi khoảng năm mươi, người nhỏ bé, chân bị chó cắn đã ba tháng mà vẫn chưa lành, và các bác sĩ Đông-y và Tây-y đều bó tay. Đêm nọ, ông nằm mộng ba lần liên tiếp, thấy Ngài đang ngồi thiền trong hang và cũng thấy Bồ Tát Vi Đà bảo:

- Ngày mai, nếu ông mang thức ăn cúng dường thầy An Từ ở đây thì bịnh của ông liền khỏi ngay.

Sáng hôm sau, ông mua hai mươi ký gạo cùng gom góp bảy mươi đồng mang lên núi. Khi đi ngang qua cửa sau chùa Đông Phổ Đà gần

đến động Quan Âm, ông thấy vị thầy nọ, liền hỏi:

- Bạch Thầy! Thầy An Từ có ở đây không ạ?

Thầy kia đáp:

- Tôi là trụ trì ở đây. Ông hãy để những phẩm vật cúng dường lại. Tôi sẽ cúng dường cho các thầy dùm ông.

- Thầy không phải là vị mà tôi thấy trong mộng. Bồ Tát Vi Đà bảo tôi rằng vị đó tên là An Từ, nên tôi chỉ cúng dường vị Thầy đó thôi.

Vị thầy kia chỉ trích:

- Sao lại như thế? Ai muốn cúng dường vật gì thì phải giao cho tôi.

Ngồi ngoài hang, Ngài nghe hết những lời tranh luận của họ. Đang dằn co với vị thầy kia, ông nhìn xa xa thấy Ngài ngồi nơi đó, bèn vui mừng nói to:

- A! Vị kia chính là thầy An Từ.

Thấy họ dằn co mãi không thôi, Ngài liền đi đến, bảo ông:

- Cúng dường cho tôi hay vị thầy khác, ông đừng phân biệt. Nay sẵn có vị thầy này, ông nên phân phần cúng dường làm hai.

Cúng dường xong, trở về nhà chân ông được lành ngay. Vị thầy kia thì lại rất bất bình. Vừa

khi ấy, cư sĩ Trần Thụy Xương thỉnh Ngài ra Hồng Kông, lập đàn Phổ Thiện để giảng kinh. Nhân dịp đó, Ngài rời khỏi động Quán Âm.

Đương thời, ông Du Quả Mãn thường đến động của Ngài để lấy nước suối, vì dòng nước đó giống như nước cam lồ của Bồ Tát Quán Âm. Khi trở lại lần cuối, ông thất vọng vì không thấy Ngài và nước suối trong động cũng ngưng chảy.

Ông Trần Thụy Xương chủ công ty Đại Xương Sơ Đầu ở Hồng Kông có cô cháu ngoại là Trần Kiến Khai, mồ côi cha mẹ từ tấm bé. Ông bà Trần Thụy Xương đem về nuôi nấng dạy dỗ cho đến lớn. Khi Trần Kiến Khai đến tuổi lập gia đình, ông bà Trần Thụy Xương lo lắng tìm nơi môn đăng hộ đối để gả. Cuối cùng, họ gả cô ta cho gia đình họ Phiên ở thành phố Cửu Long. Kết hôn chẳng bao lâu, Trần Kiến Khai lại phải khóc tang chồng. Do thương tâm thái quá nên cô ta khủng hoảng tinh thần và thường nói những lời nhăm nhí, cùng làm những cử chỉ điên cuồng. Thấy cháu mình như thế, bà Trần Thụy Xương đau như cắt ruột. Hai ông bà Trần Thụy Xương hoài nghi rằng bịnh tâm thần của cháu họ là do tà ma nhập vào tạo tác. Thế nên, họ thỉnh rất nhiều vị thầy đến tụng kinh trì chú cho cô cháu, hy vọng đuổi được tà ma, tiêu trừ

oan khiên đời quá khứ. Tuy nhiên, trải qua năm sáu ngày tụng kinh trì chú mà vẫn không hiệu quả. Trong các vị thầy đó, có người biết rõ về Ngài, nên bảo với ông bà Trần Thụy Xương là nếu muốn cứu cháu họ thì chỉ có một mình pháp sư Độ Luân làm được thôi. Lúc ấy, Ngài đang trú tại động Quán Âm, Thuyên Loan. Ngày nọ, biết được Ngài vừa đến Tánh Viên để làm Phật sự, ông bà Trần Thụy Xương liền mau mắn đến cầu kiến. Nghĩ rằng loài ma này, một mình không đủ lực nhiếp phục nên Ngài từ chối. Bà Trần Thụy Xương không bỏ cuộc, cố khẩn cầu Ngài gia trì cho đứa cháu. Thấy tâm họ chí thành, Ngài nhận lời đến nhà cứu cô cháu. Khi Ngài vừa bước vào thì cô cháu chạy đến, quỳ xuống đất cầu xin tha tội. Ngài trách mắng ma kia rằng không thể nhập vào thân người mà tác quái. Ma kia chấp nhận bỏ đi. Từ đó, sức khỏe của cô Trần Kiến Khai ngày một mạnh khỏe, dung mạo đoan chánh. Ông bà Trần Thụy Xương thấy thế, biết rằng chỉ những vị tu hành chân chánh mới có oai đức hàng phục tà ma. Vì vậy, toàn gia đình đều thọ giới quy y với Ngài.

Năm 1951, Ngài đi Thái Lan rồi trở về Hồng Kông. Vì được chư nhân sĩ, tín đồ Phật giáo sùng tín kính bái, nên trở về Hồng Kông không

bao lâu, Ngài lại được thỉnh mời đến đàn Thông Thiện giảng kinh Địa Tạng suốt hơn bốn mươi ngày. Mỗi ngày tín chúng đến nghe kinh không dưới một trăm người. Thượng tuần tháng chạp, sau khi giảng xong kinh Địa Tạng có nhiều vị cư sĩ đề nghị tìm một khoảnh đất để cúng dường cho Ngài xây dựng một tịnh xá. Nhân duyên đó mau chóng thành tựu. Chẳng bao lâu, họ tìm được một khoảnh đất hoang trên vùng núi cao thuộc làng Mã Sơn, sông Tây Loan. Tuy là vùng núi cao đường sá xa xôi, nhưng mỗi tấc đất là mỗi tấc vàng. Tìm được mảnh đất này là không phải chuyện dễ. Lại có một việc không may là trên núi không có suối nên việc lấy nước khó khăn muôn phần. Cư dân vùng phụ cận phải lấy nước từ mạch suối bên dưới chân núi cạnh đường lộ. Nhiều người lấy nước mà mạch suối chỉ có một nơi và lại rất sâu, nên công việc này rất vất vả. Lấy được nước rồi lại phải gánh lên núi khoảng trăm thềm đá. Tìm được mảnh đất đó xong, vấn đề lấy nước cũng là một việc ưu phiền. Lúc bắt đầu đề khởi công trình xây cất Tịnh Xá, các cư sĩ thưa trình với Ngài tìm cách lấy nước. Đến cuối năm, xây xong Tịnh Xá. Ngài đặt tên là "Tây Lạc Viên" thờ phụng Tây Phương Tam Thánh. Qua năm sau, mồng tám

tháng giêng chùa Tây Lạc Viên cử hành đại lễ Phật Đản.

Sắp đặt công việc trong chùa an ổn xong, Ngài ra sau chùa nơi những tảng đá to tìm được một nhánh tre nhỏ mọc trên một phiến đá bể. Nơi đó, vào mỗi ngày, Ngài chân thành khẩn thiết tụng chú Đại Bi và cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ ban cho một mạch nước suối. Chẳng bao lâu, nhánh tre đó mọc dài ra, rồi đất bắt đầu ẩm ướt; một mạch nước âm ỉ vụt chảy ra. Mùi vị của mạch nước này rất ngon ngọt

Chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông.

Vì vùng phụ cận của chùa không có nước, dân chúng rất khổ sở vì thiếu nước. Sau khi dời vào chùa Tây Lạc Viên, Ngài tìm thấy một lằn nứt trên một tảng đá cạnh chùa. Nơi đó, Ngài quỳ xuống cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ, ban cho một mạch nước cam lồ. Bên tảng đá đó, vào mỗi ngày, Ngài đều trì tụng chú Đại Bi. Chẳng bao lâu, một mạch nước chảy ra từ tảng đá đó.

Chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông.

Từng giọt, từng giọt, nước suối cam lồ chảy ra, đọng thành một hồ nước. Từ đó, nhờ hồng ân chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ, Ngài giải quyết được việc thiếu nước tại chùa.

chẳng khác nước cam lồ khiến mọi người đều ngạc nhiên. Sau đó, Ngài nhờ người xây hồ nơi mạch nước. Từ đó, vấn đề thiếu nước nghiêm trọng được giải quyết. Cư dân vùng phụ cận vốn không tin Phật pháp, nhưng khi chứng kiến sự việc này, đều tôn kính Tam Bảo.

Ngày mười chín tháng sáu, năm 1954, vào dịp lễ Quán Âm Bồ Tát thành đạo, Ngài cử hành pháp hội trong bảy ngày tại chùa Tây Lạc Viên. Vài trăm người đến dự pháp hội. Lúc đó, mùa hè trời nóng nực, chánh phủ Hồng Kông ra lịnh tiết kiệm nước dùng. Mỗi ngày chỉ được mở nước công cộng ba giờ. Dân chúng Hồng Kông đều than van vì thiếu nước, nhưng ao nước tại chùa Tây Lạc Viên vẫn nhất như bình thường. Nước vọt chảy ra không dứt, cung cấp đầy đủ

Chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông.

Sau khi tin mạch nước cam lồ thần kỳ lan truyền ra ngoài, dân chúng trong vùng rất kinh ngạc, sửng sốt. Sao lại có việc nước suối chảy ra từ một tảng đá khô cằn?

cho vài trăm người dùng. Thật là một việc không thể nghĩ bàn.

Chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông.

Ngài ngồi bên cạnh cây đu đủ tại chùa. Trong năm kiến lập chùa, Ngài trồng đủ loại cây trái xung quanh chùa như tre trúc, đu đủ, v.v... Khi ấy, một trận bão thổi đến Hồng Kông, bứt hết gốc rễ của những cây trái mà Ngài mới trồng. Vì vậy, Ngài nguyện: "Ngày nào còn ở Hồng Kông, tôi không cho phép một trận bão nào phát sanh nữa". Từ đó, hơn mười năm Ngài ở Hồng Kông, không trận bão nào thổi đến. Lần nào cũng vậy, tuy có tin bão sắp thổi đến Hồng Kông, nhưng trong khoảnh khắc, những luồng bão tố đều tan mất hoặc chuyển hướng về những vùng khác.

Chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông.

Hình Ngài chụp cùng chư thiện tín. Trong ảnh, hiện ra một luồng ánh sáng "Kim Cang".

Ngài tự thuật: "Mùa đông, tôi kiến lập chùa Tây Lạc Viên. Do lời thỉnh cầu của các cư sĩ La Quả Minh, Trần Quả Phát, Đường Quả Thiện, Mạch Quả Liên, Viên Quả Lâm, v.v... tôi giảng kinh Địa Tạng tại đàn Thông Thiện. Mùa thu năm kế, tôi giảng kinh Kim Cang cũng tại đàn Thông Thiện. Kế đến, tôi giảng kinh A Di Đà tại chùa Bảo Giác. Sau đó, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại chùa Tây Lạc Viên trong mười bốn

Niệm A Di Đà Phật Tam bối Cửu Phẩm Tùng Thử Đăng
Tu Ba La Mật Pháp Lục Độ Vạn Hạnh Tự Tư Viên

Tạm dịch:

Niệm Phật A Di Đà ba bối chín phẩm thăng từ đây
Tu Ba La Mật pháp lục độ vạn hạnh tự viên tròn

tháng. Kế tiếp, tôi giảng kinh Địa Tạng tại chùa Tịnh Uyển. Tôi lại kiến lập Từ Hưng Thiền Tự".

1953, Hồng Kông.

Hình chụp tại chùa Chí Liên Tịnh Uyển. Kỷ niệm công đức Ngài giảng kinh "Bồ Tát Địa Tạng Bổn Nguyện", được hoàn mãn.

Khoảng hai năm sau khi kiến lập chùa Tây Lạc Viên, đa số cư sĩ đến chùa đều là Phật tử sơ cơ. Mùa hè, chùa Tây Lạc Viên tổ chức Quán Âm thất. Sáng sớm lễ Phật, ai ai cũng thấy có một thanh gỗ giống như thanh kiếm được để trong chánh điện.. Vài người hiếu kỳ hỏi Ngài:

- Bạch Thầy! Đó có phải là cây kiếm gỗ không?

Ngài đáp:

Hồng Kông.

Ngài chủ trì lễ khai quang chùa Từ Hưng tại núi Đại Dữ.

- Đó là cây hương bản mà trong chùa thường dùng để đánh những ai không giữ quy luật, hay những người háo ăn làm biếng.

Ai nấy cũng đều sợ ăn gậy. Thất Quán Âm chấm dứt mau chóng mà cây hương bản vẫn nằm yên chỗ cũ. Đến ngày thứ bảy, khi làm lễ hồi hướng, mọi người thấy Ngài cầm cây hương bản ngang tầm trán rồi bước đi ra ngôi vườn. Kinh ngạc nhìn theo, họ thấy có một vị thầy tuổi trung niên vừa lên núi, đang quỳ xuống dập đầu sám hối trước mặt Ngài. Được biết rằng vị Thầy này tên là Vô Tấn. Khi ở núi Linh Nghiêm vùng

Tô Châu, vì có thần thông trị bịnh cho kẻ khác, Thầy tự xưng là "A La Hán" sống, nên được nhiều người tôn kính cúng dường. Ngài đã từng cảnh cáo Thầy:

- Nếu định lực không kiên cố mà đi trị bịnh cho người, thọ sự cúng dường thì nhất định đọa lạc. Song, vào lúc ấy tôi sẽ đến giúp, nhưng chính Thầy phải tự cứu mình.

Chẳng bao lâu, Ngài rời Trung Hoa đại lục đến Hồng Kông. Lần nọ, Ngài chợt gặp Thầy ta, nhưng đã hoàn tục và kết hôn với bà cư sĩ đã từng đi theo hộ pháp. Công phu tu hành khổ cực trong bao năm trường nay hóa thành chim bay và thần thông cũng biến mất. Gặp lại Ngài, Thầy ta hổ thẹn muôn vàn nên lại phát tâm xuất gia. Ngài đưa cho Thầy ta y phục tiền tài và những vật dụng cần thiết. Tuy nhiên, chưa đầy một năm Thầy ta lại hoàn tục. Vì hoàn cảnh bức bách Thầy lại cầu Ngài cho phép xuất gia lần thứ hai. Ngài cũng giúp đỡ khuyên nhủ, nên vào ngày đó Thầy quyết định đến chùa Tây Lạc Viên sám hối. Sau này, vì không nhận rõ những vết chân sai lầm khi trước, nghe nói Thầy cũng hoàn tục.

Tại Hồng Kông

Tại Tây Lạc Viên, Hồng Kông

Tại giảng đường Phật giáo, Hồng Kông

Từ quán bi quán hỷ xả quán
Phổ độ chúng sanh hóa đại thiên
Hữu duyên vô duyên đồng nhiếp thọ
Ly khổ đắc lạc phản bổn nguyên.

Tạm Dịch:
Từ quán bi quán hỷ xả quán
Độ khắp chúng sanh hóa đại thiên
Hữu duyên vô duyên đồng nhiếp thọ
Rời khổ đắc lạc về cội nguồn.

Chúng sanh thật điên đảo. Vừa sanh lên trời liền rơi xuống đất. Ai có thể phát tâm Bồ Đề mãi không thối chuyển thì quyết định sẽ sớm thành đạo Bồ Đề, tuyệt không nghi ngờ.

Chùa Tây Lạc Viên được xây cất xong, liền trở thành đạo tràng thường trụ nên tín đồ đua nhau đến chùa lễ Phật ngày một đông đúc. Thể theo nhu cầu tín ngưỡng chùa Tây Lạc Viên thường

cử hành pháp hội cùng thiết lập bài vị vãng sanh và truyền giới U Minh.

Lần nọ, trong một dịp truyền giới U Minh, ông Lê Quả Hợp, đệ tử của Ngài, đến chùa đại diện tổ tiên ông bà ghi danh thọ giới. Vì sơ xuất trong nhất thời, nên quên ghi tên mẹ ông. Buổi lễ chấm dứt, ông theo mọi người xuống núi trở về nhà. Trên đường, chân ông chợt đau nhức, muốn tiến bước mà đi không nổi. Thật lạ kỳ, khi ông xoay trở lại, hướng về núi mà đi thì hai chân linh hoạt như thường mà không hề có cảm giác đau nhức. Thử vài lần cũng đều như thế, nên ông chỉ còn cách là quay đầu trở lại chùa Tây Lạc Viên. Vừa thấy Ngài, Lê Quả Hợp liền thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Ngài cười đáp:

- Có phải con quên thay mặt mẹ thọ giới U Minh không?

Lê Quả Hợp nghe xong, liền hiểu rõ sự tình, nên mau mắn ghi tên mẹ ông, cầu thọ giới U Minh. Làm lễ xong, ông xuống núi trở về nhà mà hai chân không còn cảm giác đau nhức.

Mùa hè năm 1952, tại chùa Tây Lạc Viên, Ngài giảng phẩm Phổ Môn. Đến đoạn kết, chợt có một con ngỗng từ bờ giậu ngoài chùa đi vào tự viện rồi nằm yên trước cửa chánh điện ra vẻ như đang nghe kinh. Có người thấy vậy bèn lấy

chổi đuổi nó đi. Đuổi một hồi lâu, ngỗng cũng trở lại. Người tiếp tục đuổi mà ngỗng cứ tiếp tục chạy vài lần như thế. Thấy trước cửa chánh điện nháo động nên Ngài hỏi nguyên do. Biết rõ cớ sự, Ngài không cho họ đuổi ngỗng và cũng truyền tam quy y cho nó. Ngài thuyết tam quy y xong, ngỗng đứng dậy đi thẳng vào chánh điện vòng quanh bồ đoàn rồi nằm và cúi đầu xuống đất dạng như lễ Phật. Nghe giảng kinh xong, ngỗng liền rời khỏi chùa. Phật thuyết rằng chúng sanh đều có Phật tánh và sẽ thành Phật.

Ngài từ chùa Nam Hoa tỉnh Quảng Đông đến Hồng Kông chẳng bao lâu, nữ cư sĩ La Quả Minh dẫn ba đứa con đến quy y Tam Bảo. Mùa thu năm 1952, La Quả Minh gặp nghịch cảnh, bao việc đều không như ý, khiến tâm tình buồn bã, rồi sanh trọng bịnh. Bao bác sĩ cố gắng chữa trị nhưng đều vô hiệu quả. Con gái bà là Hoàng Quả Tùng nghe các bác sĩ tuyên bố như thế, nên bàng hoàng đau xót, chỉ biết quỳ trước chánh điện mà cầu Phật và Bồ Tát cứu người mẹ. Trong một sát na, vừa cúi đầu xuống đảnh lễ Phật thì cô ta chợt thấy pháp tướng của Ngài xuất hiện. Chẳng bao lâu, bịnh tình mẹ cô hết hẳn. Dưới đây là câu chuyện chính Hoàng Quả Tùng kể lại:

"Mùa thu năm Nhâm Dần, mẹ tôi vì gặp bao chuyện bất như ý nên sanh trọng bịnh, khổ đau muôn phần và khiến gương mặt xanh xao, không cách chi chữa trị. Bao bác sĩ đến chẩn mạch mà bịnh tình cũng không hồi phục. Thời gian sau, các bác sĩ bảo rằng mạng của mẹ tôi chỉ còn trong vài đêm nữa thôi. Người nhà nghe thế đều lo lắng bối rối, và tôi càng thêm bàng hoàng. Chẳng biết làm gì hơn, tôi chỉ việc cúi đầu rơi lệ cầu khẩn Phật và Bồ Tát gia hộ cho người mẹ. Đột nhiên, trước mắt tôi hiện ra một luồng hào quang cùng một vị pháp sư đang ngồi xếp bằng. Nhìn kỹ, vị pháp sư đó chính là thầy bổn sư. Vui mừng vô hạn, tôi lại âm thầm niệm Phật nhiều hơn. Chốc sau, mẹ tôi thoát cơn hôn mê, nhưng sắc diện vẫn chưa hồng hào. Khi ấy, vì cảm giác có điềm lạ nên tôi tìm người cùng nhau đến gặp Ngài. Khi thấy Ngài, tôi vừa khóc nức nở vừa thỉnh cầu cứu người mẹ. Ngài bảo:

- Bịnh của mẹ con, thầy đã biết trước. Con hãy mau trở về nhà, chí tâm niệm Phật. Chư Phật và Bồ Tát nhất định gia bị cho mẹ con.

Lễ bái xong, tôi liền trở về nhà, y theo lời dạy của thầy. Tối đó, tôi không ngủ, chỉ một lòng niệm Phật, cầu mong chư Phật cứu độ mẹ mình. Sáng hôm sau, bịnh của mẹ tôi giảm bớt hơn

phân nửa, tinh thần bình phục rất nhiều. Qua sự việc này, khiến tôi càng thâm tín và hiểu rõ Phật pháp bất tư nghì. Ân đức của thầy, tôi mãi không quên".

Ngày mười bảy tháng mười một năm 1952, Ngài cử hành vía Phật A Di Đà và pháp hội niệm Phật, liên tục suốt bảy ngày, mỗi ngày từ tám giờ sáng đến bảy giờ chiều. Chùa Tây Lạc Viên nằm trên núi cao, nhưng người tham dự pháp hội đông đảo. Đến chiều tối ngày thứ năm trong tuần Phật thất, khi đánh hương bản lần thứ sáu đột nhiên có một con quỷ nhập vào thân Trương Quả Vũ đến quỳ trước mặt Ngài, khẩn cầu thọ tam quy y và năm giới cấm. Ngài chấp nhận lời thỉnh cầu của quỷ. Trương Quả Vũ tỉnh dậy từ trạng thái hôn mê. Người tham gia pháp hội, ai ai cũng cho là kỳ lạ. Quỷ cũng biết cầu giới, sao con người chẳng thích tu hành!

Cư sĩ Lý Quả Viễn có con gái là Lý Điệp Nghiên; một lần nọ, đang lúc đi bộ cô Lý Điệp Nghiên chợt vấp té. Tuy không có gì xảy ra, nhưng qua vài ngày toàn thân phát nóng, bắp đùi đau đớn kịch liệt. Vợ chồng Lý Quả Viễn biết rằng bịnh này phát sanh là do vấp té khi trước, nên nhờ bác sĩ chuyên trị chân là Lý Tử Phi đến chẩn bịnh. Bác sĩ họ Lý xem xét một hồi, phát

hiện bịnh nhức chân của cô bé không phải do bị té mà bắp đùi bị mụt nhọt làm nhức nhối. Trở về nhà, Lý Quả Viễn lại mời thêm một vị bác sĩ nữa đến trị bịnh, nhưng vẫn không hiệu quả. Sau này, do lời giới thiệu vợ Lý Quả Viễn mang con gái tới chùa Tây Lạc Viên cầu cứu, nhưng Ngài nói rõ là không rành về y thuật, nên không biết cách chữa trị. Vợ Lý Quả Viễn không nản lòng, lại mang con gái đến lần thứ hai và Ngài cũng từ chối như trước. Đến lần thứ ba, bà Lý Quả Viễn vừa lên chùa Tây Lạc Viên, bèn quỳ lạy tha thiết khẩn cầu Ngài cứu con bà. Thấy vợ chồng rất đỗi thành tâm nên Ngài chấp thuận và bảo họ rằng phải thường cầu nguyện chư Phật chư Bồ Tát gia hộ. Qua một tuần sau, bịnh của con họ chợt bớt dần. Hai vợ chồng cùng toàn gia đình đều tin tưởng thâm sâu đức hạnh của Ngài và oai lực của chư Phật, chư Bồ Tát. Vì vậy, tất cả họ đều quy y Tam Bảo làm đệ tử Ngài.

Ngài nghiên cứu các tông phái, cùng tham thiền quán thoại đầu. Tuy nhiên, bình thường đối với các đệ tử, Ngài chỉ dạy họ niệm Phật A Di Đà. Pháp môn niệm Phật, không luận là người thông minh hay kẻ ngu đần, đều được tiếp độ. Việc quan trọng là ngày thường phải niệm nhất tâm bất loạn thì chắc chắn sẽ được cảm ứng; lúc

lâm chung sẽ được vãng sanh qua cõi Tây Phương Cực Lạc. Đối với người học Phật, đây là con đường tu tắt hữu hiệu nhất.

Bà Quả Thiện quy y Ngài rất lâu và luôn chân thành tín kính Phật pháp. Ngày nọ, bà đến chùa, vừa khóc lóc lễ lạy vừa nói rằng ông chồng bị bịnh lao phổi đã gần đến thời kỳ cuối cùng. Tất cả bác sĩ đều tuyên bố là không còn cách chữa trị. Nghe thế, Ngài an ủi bà ta đừng quá ưu sầu mà hãy về nhà bảo ông chồng phải niệm Phật A Di Đà. Nếu thọ mạng của ông ta chưa hết thì nhờ nương oai lực của chư Phật bịnh tình sẽ thuyên giảm. Nếu kiếp số đã mãn nhưng chân thành niệm Phật thì khi lâm chung, ông sẽ được vãng sanh. Ngài lại dặn dò kỹ lưỡng:

- Trời cao khó lường. Mạng người vô thường.

Về nhà, nghe bà vợ thuật lại những lời dạy của Ngài, ông chồng liền tin ngay và cầu thỉnh thọ giới quy y. Đêm thứ ba từ ngày thọ giới quy y, ông mộng thấy Ngài đến, đầu đội mũ Địa Tạng Bồ Tát, thân mặc y ca sa màu đỏ, cùng chư Bồ Tát pháp tướng trang nghiêm đoan chánh. Ngài bảo:

- Bịnh của ông sẽ bớt. Chớ có ưu sầu.

Vừa thức giấc, bao tử tiết ra chất mặn không ngừng, khiến khối u trong đó cũng dẹp xuống. (Lúc trước, ngoài bịnh phổi ra, bao tử ông cũng trương lên một khối. Vì sợ bà vợ lo lắng, nên ông không nói rõ bịnh trạng.) Từ đó, ông càng thâm tín Phật Pháp, nên cho dù đi đứng nằm ngồi, tay ông không rời tràng chuỗi, mỗi ngày niệm cả muôn ngàn danh hiệu Phật. Tâm thành tức được cảm ứng. Chưa đầy một tháng, thân thể ông bình phục tráng kiện. Khi đến nhà thương chiếu quang tuyến thì thấy lá phổi hoàn toàn bình phục như xưa.

Bà Lưu Quả Quyên tai bị điếc nên không thể trò chuyện với người khác mà chỉ thường lần chuỗi niệm Phật. Ngày ngày, bà đều leo lên thềm đá trăm cấp để đến chùa nghe Ngài giảng kinh thuyết pháp. Người điếc nghe kinh, thật quý báu vô cùng.

Mồng hai tháng năm, trước khi Ngài giảng kinh A Di Đà, đại chúng đồng niệm: "Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát".

Lúc ấy, bà chợt đứng dậy nói:

- A! Các vị niệm Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát. Tôi nghe rõ hết.

Từ đó, tai bà nghe được như thường. Do nghe kinh, tuy không cầu mà bà vẫn được cảm ứng. Tai nghe được rồi, bà vẫn dụng công niệm Phật, nhưng ma chướng lại đến. Bà bị chứng bịnh kỳ lạ là cả ngày ăn uống không ngừng. Nếu không ăn thì đại tiểu tiện không được. Bác sĩ đông tây tìm không ra nguyên do. Mồng bảy tháng hai năm 1954, nghe tin Ngài từ núi Đại Hưng trở về chùa Tây Lạc Viên, Bà bèn đến chùa kể lể:

- Bạch Thầy! Trong bụng con có người nói chuyện.

Ngài hỏi:

- Có người nói chuyện trong bụng, vậy bà mang thai à?

- Bạch Thầy! Con đã ngoài sáu mươi tuổi rồi!

- Vậy trong bụng bà nói những gì?

- Sáng sớm, con lấy bột làm bánh để ăn. Vừa ăn một miếng bánh thì những thằng nhỏ trong bụng lại nói là chúng không muốn ăn gì cả. Con bảo rằng các ngươi không ăn bánh, vậy muốn ăn gì? Ăn đã no bụng mà còn kén chọn này nọ! Khi đó, bao tử không nói gì hết. Đây là những lời con nghe rõ ràng.

- Những đứa bé trong bụng bà biết nói chuyện. Vậy phải giúp chúng đi ra ngoài. Trở về

nhà, vào nửa đêm bà hãy lên chánh điện quỳ trước bàn thờ dâng hương cúng Phật.

Bà làm theo lời Ngài dạy khi về đến nhà. Kỳ lạ thay! Trong cơn mơ màng, bà thấy ba đứa nhỏ rất dễ thương từ trong bụng vọt ra, và lại thấy Bồ Tát Vi Đà dùng tay phải tay trái bắt chúng bỏ vào lỗ tai. Lập tức, bà cảm thấy bụng trống không. Bịnh đói ăn không cần thuốc mà tự nhiên hết. Trong ba đứa nhỏ kia, hai đứa là rắn tinh, một đứa là nhái tinh. Tin hay không tùy ý quý vị. Bịnh lạ lùng này do quả báo tiền kiếp của bà vì không tin có bịnh kỳ quái như vầy. Đời nay, vào đêm nọ bà mơ thấy ba đứa bé tai lớn xinh xinh, nên sanh tâm tham ái. Vì vậy, ba con quỷ nhỏ kia mới nhập vào bụng bà được. Thế nên, việc đầu tiên của người tu đạo là phải khử trừ tham ái.

Mùa xuân, năm Dân Quốc thứ 41, pháp sư Thân Giác tại Cửu Long Toản vùng Thạch Sơn, xây một am thất nhỏ. Vừa ở được một năm, ông chủ đất ép bức, yêu cầu thầy phải phá am thất đó để trả lại mảnh đất. Vừa nhận được thơ của ông chủ đất và không kịp chuẩn bị nên Thầy nghĩ là việc này chắc chắn sẽ bị thua thiệt, khiến tâm tư bối rối, sanh bao khổ não. Đêm nọ, vào lúc mười một giờ, Thầy đang đọc quyển luận

Trung Quán, phẩm Quán Tứ Đế, đến đoạn: "Chúng nhân duyên sanh pháp. Ta bảo đó là không, cũng là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo. Chưa từng có một pháp, không từ nhân duyên sanh. Thế nên, tất cả pháp không phải là không".

Khi đó, Thầy từ từ nhập vào trạng thái hôn trầm, lại nhờ mặc niệm đoạn kinh trên mà tiêu giải được nỗi phiền muộn u uất. Lúc đó, không biết mình đang mơ, Thầy cảm thấy một luồng gió lớn thổi đến, rồi một cơn mưa ào ạt đổ xuống. Nghe gió rồi lại nghe mưa. Trên hư không sét đánh ầm ầm, khiến gần điếc tai. Trong lúc bàng hoàng sợ hãi đó, Thầy ngửng đầu lên thấy một vị Phạm tăng, bay từ trên không xuống, toàn thân phóng hào quang màu vàng tím. Lúc ấy, mưa to gió lớn liền ngưng. Thầy Thân Giác nhận ra đó là hiện thân của Bồ Tát, liền quỳ xuống lễ bái. Khi vị Phạm tăng đó đến trước mặt, thầy Thân Giác chợt nhận ra đó là vị Tôn Chứng Sư của mình, tức là ngài Độ Luân. Trong mộng, Ngài bảo:

- Con chớ ưu sầu! Tất cả khổ nạn, Thầy sẽ giúp con giải quyết.

Mộng đến đó, Thầy giựt mình thức giấc. Chẳng bao lâu, Thầy tìm được một khu đất,

chuẩn bị xây cất một am tranh, nhưng thiếu hụt tài chánh. Đang giảng kinh Địa Tạng tại Chí Liên Tịnh Uyển, nghe việc của thầy Thân Giác, Ngài liền gởi cho một ngàn đồng. Nhờ vậy, thầy xây được am thất nơi núi đá làm chỗ nương thân. Việc này, Ngài chưa từng nói với ai, vì sợ có người sẽ cho là không thật. Ngài dạy thầy Thân Giác rằng từ đó về sau, chớ nên viết thư kể lại việc này.

Mùa hè năm 1953, sư cô Khoan Huệ pháp chủ Chí Liên Tịnh Uyển tại núi đá Cửu Long Toản và cư sĩ Đẳng Quả Kỳ thỉnh Ngài giảng lại kinh Địa Tạng tại chùa. Quý cư sĩ không quản đi xe cộ tàu đò mệt nhọc, mỗi ngày tới lui Hương Cửu tham gia nghe kinh. Sư cô Khoan Huệ vốn là đệ tử của đại lão hòa thượng Hư Vân. Lúc chưa xuất gia, cô làm thuê giúp người nấu cơm nước. Do công việc nên có khi cô phải giết gà giết vịt. Lần nọ, cô mua một số cua sống về định luộc cho chủ ăn. Vì không cẩn thận, nên bị cua kẹp ngón tay không nhả. Vì đau thấu xương, cô nhẫn tâm cầm dao chặt cua. Thân thể và càng cua phân hai và chân cua bị cắt đoạn. Cuối cùng cua đương nhiên là món ăn chính trên mâm cơm buổi tối. Chẳng bao lâu, ngón tay bị cua kẹp chợt sanh ra một miếng thịt dư. Từ

sáng đến tối, ngón tay đau nhức không thể tả. Dẫu dùng bao nhiêu thuốc men cũng không thể chữa lành được. Sau này, cô theo người đến núi Phù Dong lễ bái sám hối. Qua bảy ngày lễ lạy kinh Thủy Sám, miếng thịt cua chợt biến nhỏ lại; tuy không bằng khi trước nhưng ngón tay vẫn còn đau. Trong đàn giảng kinh Địa Tạng, Ngài nghe cô ta thuật lại đầu đuôi câu chuyện và khẩn thiết cầu xin cứu giúp giải nỗi oan khiên. Do đó, giảng kinh xong, Ngài truyền giới quy y cho cua. Lạ lùng thay, truyền giới xong, miếng thịt cua trên ngón tay của cô bỗng tiêu mất. Ngón tay linh hoạt như xưa không còn đau nhức. Báo ứng nhân quả, thật không sai tơ hào chỉ việc đến sớm hay muộn.

Bé Hoàng Tuyết Mai cháu gái cư sĩ Cam Quả Ngạn vừa chào đời khoảng một trăm ngày thì trên đầu chợt sanh mụn nhọt làm rụng tóc, máu mủ chảy ra tanh hôi khó chịu. Vì mùa hè nóng nực, bịnh tình càng thêm trầm trọng. Năm đó, gia đình mang bé đi tìm bác sĩ chữa trị khắp nơi, nhưng đông y hay tây y đều bó tay. Khi bé được ba tuổi cha lại qua đời. Bà mẹ mướn người chăm sóc bé. Tiền lương mỗi tháng, bà mẹ đều đổ dồn vào thuốc thang cho bé nhưng bịnh tình vẫn không thuyên giảm. Mỗi lần nhìn thấy con

như thế, bà mẹ đấm ngực dậm chân tự than bạc mạng. Đến lúc mười tuổi, mụn nhọt trên đầu vẫn không hết. Duyên lành đến, bé quy y Ngài. Lạ lùng thay! Quy y xong, mụn nhọt bắt đầu kết sẹo, tóc cũng từ từ mọc ra. Bỗng chốc, bịnh mụt nhọt trên đầu hoàn toàn bình phục. Thấy tóc bé mọc sung túc, mọi người suy nghĩ không biết nguyên do nào mà được lành bịnh như thế.

Mồng mười tháng tám năm 1954, cư sĩ Trần Thụy Xương cùng ông bạn họ Kì đến chùa Tây Lạc Viên bái kiến Ngài. Ông Kì vốn là thầy thuốc chuyên trị trật chân. Ngài luôn tùy theo căn duyên mà thuyết pháp giáo hóa. Ngài hỏi ông Kì:

- Xương đầu bị gãy hay căn mạng bị đứt đoạn thì có thể nối lại được không?

Ông Kì đáp:

- Không thể được!

- Tại sao? Xưa kia tay Quan Công bị tên độc bắn, mạng sống trong buổi sớm mai. Hoa Đà giúp ông nạo xương trị liệu khiến sống lại. Vậy có phải mạng sống được nối lại không? Tuy nhiên, phương pháp nối mạng này cũng chưa hay lắm. Nay tôi sẽ chỉ cho ông một cách nối mạng. Phương pháp này là phải minh tâm kiến tánh, chấm dứt sanh tử, thoát khỏi sáu đường

luân hồi, phục hồi bản lai diện mục mà mình và chư Phật đồng nhau không khác. Muốn minh tâm kiến tánh phải chân thật tham chứng. Cách thức này giống như gà ấp trứng mèo rình chuột, mãi mãi liên tục không rời tâm tánh. Một khi khai ngộ, liền chứng đắc thật thể sanh mạng. Niệm Phật cùng tham thiền vốn khác nhau. Tham thiền tức phải tham thoại đầu. Tham khán đến tận sơn cùng thủy, thì nhất định hoa trí huệ nở rộ, mây u ám được tiêu trừ. Khi đó, sanh mạng nằm trong tay mình. Đại lão hòa thượng Hư Vân, hiện nay đã một trăm mười tuổi. Ngài là một vị cao tăng am tường phương thức nối mạng.

Nghe thế, ông ta hiểu lý thâm sâu nên vui vẻ muôn phần. Từ đó, ông thường đến chùa Tây Lạc Viên thân cận Ngài.

Đệ tử Ngài là Trương Quả Trần bị bịnh ung thư. Ngài quán sát nhân duyên khuyên ông nên cúng dường y vải cùng dược phẩm cho tăng ni để kết duyên lành cùng cầu giải trừ nghiệp tội. Nghe dạy như thế, ông quyết định làm theo. Đầu tiên ông thông báo các tự viện, tịnh xá tại Hồng Kông, hãy đếm số tăng ni, để y theo đó mà mua vải cùng thuốc men cúng dường. Tuy nhiên, vì nghe lời gièm pha, Trương Quả Trần

giảm bớt số lượng cúng dường. Do đó, Ngài phải lấy đồ cúng dường của tín chúng ở bổn tự, bổ túc vào những phần thiếu. Mồng chín tháng sáu, y vải thuốc men được chuyển đến, phân phát tại chùa Phổ Đà ở Thuyên Loan, Trúc Lâm Thiền Tự, Lộc Dã Uyển v.v... Hôm sau, đồ cúng dường được phân phát đến Nam Thiên Trúc, Đông Lâm Niệm Phật Đường, tịnh xá Hoằng Pháp v.v... Ngày kế, vật cúng dường được chuyển đến Thiền Viện Thanh Sơn Hải, Nguyên Lãng v.v... Vùng Nguyên Lãng, tự viện ít mà tịnh thất lại nhiều. Ngài thông báo họ, hợp lại một nơi để dễ bề phân phát. Vào dịp ấy, tất cả tăng ni toàn Hồng Kông đều nhận được đồ cúng dường. Cách giải quyết sự việc của Ngài có ngăn nắp rõ ràng. Phương thức làm việc hữu hiệu, kết duyên với tăng ni, khiến nhiều người bội phục.

Tây Lạc Viên vừa được xây xong, cư sĩ họ La thường đến chùa lễ Phật. Con gái bà lấy chồng đã lâu mà chưa có con. Bà thường tác bạch xin Ngài trợ giúp, cùng cầu chư Phật chư Bồ Tát ban cho một đứa cháu ngoại. Ngày nọ, vừa từ ngoài trở về chùa, Ngài đổ nước đầy nửa bồn rồi rửa chân. Lúc ấy, bà bước vào vườn giậu rồi tiến vô chùa. Lễ Phật xong, bà chạy đến, quỳ lạy dưới chân Ngài khóc lóc khẩn cầu:

- Bạch Thầy! Xin Thầy từ bi cho con một đứa cháu ngoại! Gia đình con thật bạc phước, chưa có một bé trai nào nối dõi tông đường. Làm sao con nhìn mặt tổ tiên dòng họ La! Hôm nay, trước mặt Thầy con nhất tâm phát một lời nguyện: Dẫu Ngài dạy lời gì, con sẽ làm theo (vì nghĩ rằng Ngài sợ bà không dám bỏ tiền để tạo tượng Phật, sửa chữa chùa chiền. Những việc này, bà sẵn sàng làm).

Ngài hỏi:

- Người xưa tu đạo, vì xả bỏ tất cả nên tín tâm mới kiên cố. Vậy thì lòng thành của bà có chắc thật không? Khi Thầy bảo gì, bà có dám làm theo chăng?

Bà cúi đầu chấp thuận.

Ngài bảo:

- Thế thì tôi sẽ giúp bà mãn nguyện. Bà có thể uống nước trong bồn rửa chân này không?

Không ngờ Ngài lại bảo như thế nên bà mở mắt to đứng chết trân. Trừ bậc đại trí mới có thể ném phức sáu trần không chấp trước sắc thanh hương vị xúc pháp. Là phàm phu, ai dám uống loại nước đó? Đợi hồi lâu thấy bà không dám uống, Ngài bưng bồn nước lên vừa uống vừa nói:

- Nếu bà uống nước này thì chắc chắn sẽ mãn nguyện, có được một cháu trai, nhưng đã quá trễ.

Bà ta khóc lóc thưa:

- Bạch Thầy! Xin cho con một cơ hội nữa.

Về nhà, bà nên thành tâm khẩn ý niệm Phật thì chư Phật và chư Bồ Tát sẽ gia hộ cho vì có cầu có nguyện, tức có cảm ứng.

Một năm sau, quả nhiên bà vui mừng được một đứa cháu trai.

Đệ tử của Ngài, Văn Quả Mật, vốn mồ côi cha, là người con thứ chín, và cũng là bé trai duy nhất nối dõi tông đường. Vì phải theo lời bác sĩ nên đến mười ba tuổi bé vẫn ở nhà dưỡng bịnh mà không cùng chúng bạn đồng tuổi cắp sách đến trường học tập, vui chơi đá banh đánh cầu. Ngày nọ, bé biết được bí mật của người chị là cô ta đã quy y Phật. Cô ta có mang về nhà quyển "Sự tích của thiền sư Độ Luân".

Bé rất cung kính và thường đòi chị dẫn đi gặp Ngài nhưng lại bị khước từ:

- Đi bộ và leo lên cả trăm bậc thềm đá mới đến chùa Tây Lạc Viên. Chắc bịnh tim của em sẽ tái phát. Chị không thể lo được.

Từ đó, bé âm thầm lễ lạy hình của Ngài trong quyển sách kia. Ba tháng sau, vào ngày nọ, đang lễ bái trong phòng bé thấy pháp sư trong pháp tượng bước ra xoa đầu. Vì vậy, bé quyết tâm nhất định đòi đến chùa Tây Lạc Viên để bái kiến pháp sư Độ Luân. Lạ lùng thay, khi bé lên núi bịnh tim không còn tái phát, hơi thở bình thường. Từ đó, bé thường xuyên lên chùa lễ Phật. Sau này, khi khám sức khỏe, bác sĩ không ngờ là tim bé đập bình thường. Bé rất thông minh sáng suốt. Nghỉ học bao năm, nhưng khi đến trường bé học trội hẳn chúng bạn. Năm mười chín tuổi, em tốt nghiệp trung học. Bên cạnh siêng năng học hành, em cũng dụng công tu đạo ngồi thiền nhập định. Lần nọ, lúc giảng kinh tại Phật Giáo Giảng Đường, Ngài ngồi trên pháp tòa mà không nói một lời nào chỉ có Quả Mật thuyết thôi. Thính chúng kê đầu nói to nhỏ vì tâm không kính phục. Mọi người đều nghĩ: "Chúng ta đến nghe Ngài thuyết pháp. Sao thằng con nít này lại bước lên giảng tòa, nói những lời bá đạo xằng bậy".

Giảng kinh xong, Ngài bảo đại chúng:

1953, Hồng Kông.

Vừa lúc kiến lập chùa Từ Hưng, liền phát sanh một việc: Xây dựng ngôi chùa mới, khiến Ma Vương ghen ghét. Năm đó, một con rắn mình xanh đầu đỏ, thường xuất hiện trong chùa. Tăng chúng bắt rắn, đem thả cách chùa khoảng vài dặm, nhưng nó luôn trở lại, trước khi mọi người đi về chùa. Bao lần bắt rắn thả nơi khác, nó vẫn cứ trở về chùa. Lần nọ bắt rắn thả cách chùa rất xa, nhưng khi mở rọ ra thì không thấy rắn đâu hết. Người mang thả rắn, lấy làm lạ, thay nắp rọ bằng lưới. Ông chợt thấy phân nữa thân rắn xuất hiện. Đương khi ông trở về chùa, toàn thân rắn lại hiện ra, nằm cuốn mình, ngước cổ, thè lưỡi, trước chánh điện. Rắn thuộc loại rồng. Vì vậy, Ngài đắp tượng rồng trên tảng đá "Phục Long", bên phải của chùa. Đồng thời, Ngài tụng chú Lăng Nghiêm liên tục suốt một tuần, trong hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Sau khi tượng rồng vàng được đắp xong và mang rắn thả nơi khác, nó không còn hiện trở lại nữa.

- Chúng ta dễ dàng chấp vào hình tướng bên ngoài. Vừa thấy không phải vị pháp sư thuyết pháp thì không luận là người kia giảng kinh sai hay đúng, lập tức sanh tâm phân biệt. Quả Mật giảng cũng như tôi giảng. Em y theo tâm tôi mà thuyết pháp.

Phá trừ tâm phân biệt thật là một việc rất khó.

Hồng Kông là thuộc địa của thực dân Anh. Vì vậy, đa số cư dân đều theo đạo Cơ Đốc, nên đạo tràng Phật giáo vắng lặng ít người. Xem ra chỉ có chùa Phổ Đà ở Thuyên Loan, chùa Bảo Liên ở Ngang Bình, núi Đại Hưng là nơi tín chúng thường đến lễ bái. Lúc ấy, thời cuộc chánh trị rối loạn bất an. Tăng ni lưu lạc từ Trung Hoa Đại Lục qua Hồng Kông rất nhiều nhưng không đủ chỗ trú ngụ. Do đó, đạo nghiệp tăng ni hoang phế, định lực tán thất. Chứng kiến cảnh này, Ngài nhận thấy phải xây cất tự viện Phật giáo, nhưng không thể làm thong thả được. Tuy có tâm nhưng Ngài không đủ lực. Đạo tràng Tây Lạc Viên lại nhỏ hẹp không đủ phòng ốc cho tăng ni các nơi đến trú ngụ. Mùa thu năm 1953, cư sĩ Đổng Quả Kì phát đại nguyện cúng dường Phật đà tòa biệt thự hai tầng, tọa lạc tại núi Đại Hưng, Vạn Trượng Bộc. Những phiến đá bên

Đại Giáo tổng trì vô nhân ngã.

Làm lễ Sái Tịnh Đàn Tràng ở chùa Từ Hưng Thiền Tự, Hồng Kông.

Vào mùa đông năm 1954.

cạnh ngôi biệt thự chính là di tích của thiền viện Quốc Thanh. Lúc Hồng Kông bị bao vây, quân Nhật đốt phá chùa chiền. Thầy trụ trì bị nạn hỏa hoạn mà tịch. Ngày nay, thiền viện năm xưa chỉ còn một bức tường hư hoại. Bốn bên chánh điện cây cỏ hoang dã mọc um tùm trông thật thê lương. Vì được núi non bao bọc, vùng Vạn Trượng Bộc là nơi chim hót quạ kêu nên rất tĩnh lặng. Đường lên núi lại cheo leo khúc khuỷu nên ít dấu chân người qua lại. Được khu đất thánh và được chánh phủ đồng ý cho xây chùa, Ngài rất vui mừng. Vì vậy, Ngài hợp thiền viện Quốc Thanh và tòa biệt thự lại thành một, tiến hành công trình xây cất. Vì tiền tài sức lực giới hạn, Ngài chỉ bắt đầu sửa chữa tòa biệt thự, tạm thời làm ngôi chánh điện. Sau này, ai ai cũng biết đến, đó là tả viện của chùa Từ Hưng.

Mùa xuân năm 1954, tả viện chùa Từ Hưng và các phòng ốc được xây cất xong. Lúc đó là giao thời giữa mùa xuân và hạ nên mưa rơi không ngừng, khiến mặt đất như được bao trùm bởi một màng lụa trắng xóa. Bắt đầu ngày mười ba tháng ba, đại chúng liên tiếp lạy ba ngàn Đại Bi Bảo Sám. Đêm rằm, làm lễ Tam Đại Sĩ Diệm Khẩu thì trời ngưng mưa. Qua ngày mười sáu, trời trong mây tạnh, Ngài tổ chức lễ vía Tây

Hồng Kông.

Ngài ngồi trước cổng chùa Từ Hưng, núi Đại Dữ.

Phương Tam Thánh. Hôm đó, từ sáng đến trưa trên một ngàn thiện nam tín nữ các nơi toàn Hồng Kông đến tham dự ngày lễ.

1953, Hồng Kông.

Đích thân Ngài nắn tượng rồng tại chùa Từ Hưng, núi Đại Dữ.

Năm 1954, rằm tháng bảy âm lịch vốn là ngày chư Phật hoan hỷ. Nơi núi Đại Hưng, chùa Từ Hưng tổ chức pháp hội Vu Lan trong ba ngày. Tăng ni cùng chư thiện tín tham gia đông đảo. Tỳ kheo Hằng Việt cùng cư sĩ Quả Căn, Quả Toàn v.v... thỉnh cầu Ngài truyền giới U Minh trong ngày cuối của pháp hội. Họ muốn cha mẹ, anh em, bà con, thân bằng quyến thuộc được

thọ giới U Minh để thoát ly khổ ải trong đường địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Ngài chấp nhận lời thỉnh cầu. Chín giờ tối ngày mười lăm, cử hành truyền giới U Minh nơi khách đường. Sau khi thỉnh chư Thánh, vừa lúc lên tòa ngồi, Ngài chợt nghe tiếng người nhao nháo bốn bên đàn tràng. Ngài biết đó chính là quỷ ma tùy hỷ đến thọ giới. Khi ấy, ai ai cũng đều cầm bài vị trên tay. Thầy Hằng Việt quỳ trước giới đàn, thấy cha mình đột nhiên xuất hiện. Đương thời, hai cô họ Văn chuẩn bị trở về phòng nghỉ ngơi và dự tính bốn giờ sáng hôm sau sẽ xuống núi để đáp chuyến tàu trở về Hồng Kông lúc bảy giờ sáng. Hai cô vừa mới đóng cửa phòng, định lên giường nghỉ ngơi thì nghe tiếng chân người chạy náo loạn bên ngoài hành lang. Mới đầu họ tưởng rằng đó là những người ở tầng lầu trên, nhưng khi mở cửa thì không thấy gì hết. Vừa đóng cửa thì lại nghe tiếng chân người bước đi rầm rầm. Lúc ấy, họ mới biết rằng đó là quỷ ma đến chùa nên sợ dựng tóc gáy. Thầy Hằng Định, đệ tử Ngài, một mình tĩnh tu tại am thất nhỏ cách chánh điện hơn trăm thước. Am thất đó xây ngay cạnh đường lộ. Nếu có người muốn đi đường tắt xuống núi thì nhất định phải đi ngang qua cửa am. Đêm đó, khoảng mười giờ rưỡi, thầy nghe có rất nhiều bước chân người đi xuống núi. Họ

vừa đi vừa nói chuyện, lại cười to la lối. Sáng hôm sau, thầy Hằng Định và hai cô cư sĩ thuật lại việc đêm hôm trước cho đại chúng nghe.

Rất nhiều tăng sĩ, vì không đủ định lực, nên khi đến Hồng Kông sống trong cảnh phồn vinh liền biến chất, quên mất mục đích xuất gia là tu đạo chứ không phải tụng kinh để mong kiếm tiền mua nhà tậu cửa. Ngài thường hy vọng tìm được một nơi để cùng chúng tăng dụng công tham thiền tu đạo. Vì vậy, xây xong chùa Từ Hưng mỗi năm đều cử hành mười tuần thiền thất trong mùa đông. Ngài có một đệ tử xuất gia từ miền đông bắc Trung Quốc qua Hồng Kông. Tuy đã xuất gia mà trì giới không nghiêm túc và chẳng chân thật tu hành. Ngài thường khuyên răn Thầy ta. Lần nọ, để biểu thị sự dụng công của mình, Thầy thỉnh cầu Ngài cho phép đả thất "Ban Chu". Vui mừng vì có người phát tâm tu hành, Ngài đặc biệt cất một am thất cách chùa khoảng nửa dặm cho Thầy ta tu trong chín mươi ngày. Ban Chu là tiếng Phạn, được dịch là Phật Vị. Vì khi tu pháp tam muội này, ngay trong định sẽ thấy chư Phật hiện ra trước mắt. Tông Thiên Thai gọi tam muội Ban Chu là tam muội Thường Hành tức là thường niệm Phật không gián đoạn. Ngày nọ, đang ngồi tĩnh tọa tại chùa

Từ Hưng, Ngài chợt nghe tiếng niệm Phật của Thầy kia rất lớn và âm thanh càng lúc càng gấp rút, khí lực như sắp đứt đoạn. Hiểu rõ sự việc, Ngài lập tức đứng dậy đi đến am thất đó. Ngài thấy thầy kia vừa niệm Phật to tiếng vừa phát cuồng, chạy vòng quanh am thất mỏi mệt gần như đứt hơi. Lúc Ngài bước vào, thầy kia từ từ ngồi xuống đất, nói:

- Phật A Di Đà đã đến rồi!

Ngài quát:

- Phật A Di Đà nào đâu! Đó là con trâu nước.

Phật với ma chỉ khác biệt trong lằn tơ kẻ tóc. Lúc tu đạo, ma hóa hiện bao cảnh giới để phá hoại. Thế nên, muốn tu hành nhất định phải đoạn trừ tâm tham sân si, tức là không màng lợi dưỡng, cũng không cầu được thấy Phật hay Bồ Tát. Bình thường, phải trì giới căn bản, rồi do đó mà sanh định. Có định lực thì tự biết đối phó với cảnh giới động tịnh để không bị chúng chuyển. Thầy kia vừa đả thất Ban Chu trong vài ngày thì truy cầu thục mạng, mong muốn Phật A Di Đà đến gia bị. Tu hành như thế là sai trái. May mà gặp được thiện tri thức chỉ chỗ lầm lẫn; nếu không thì làm quyến thuộc ma vương.

Kinh điển của chư Phật dùng để hoằng dương chánh pháp làm công cụ lợi ích chúng

sanh. Kinh điển giá trị vô vàn ví như ngọn đuốc sáng trong đêm tối. Nếu thế gian không có kinh điển của chư Phật thì từ sáng đến tối bóng đêm bao trùm khắp nơi. Vì vậy, việc phiên dịch ấn hành kinh điển, khiến ba tạng giáo điển lưu hành trên thế gian là công tác đầu tiên trong việc cứu độ chúng sanh. Thế nên, từng giờ từng phút Ngài chưa từng quên bi nguyện hoằng dương Phật pháp và ấn tống kinh điển. Đầu tiên, Ngài ấn hành phẩm Phổ Môn, kinh Địa Tạng, kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm, v.v... để phân phát cho các tự viện khác. Ngài nhờ họa sĩ vẽ lại cuộc đời của đại lão hòa thượng Hư Vân. Ngài cũng tự tay viết những bài kệ tán thán trong quyển "Tập ghi chú về cuộc đời của đại lão Hòa thượng Hư Vân".

Ngài không quản gian nan, luôn in kinh ấn tống, tô đắp tượng Phật, Bồ Tát, với lòng mong ngôi Tam Bảo mãi được lưu truyền trên thế gian. Chấn hưng Phật giáo là mục đích trọng yếu của cuộc đời Ngài.

Năm 1956, cư sĩ Du Quả Mãn bị gãy tay đến nhờ bác sĩ đông y chữa trị. Bác sĩ lấy xương rắn làm thuốc nhưng Quả Mãn không chịu, bảo:

- Không thể dùng được, vì tôi đang ăn chay.

Ngồi trong phòng mạch, cạnh cô ta có cư sĩ Diêu Quả Bạch, nghe thế liền hỏi:

- Thầy cô là ai?

- Tôi chưa quy y, nhưng đã từng gặp một vị pháp sư chân thật tu trì tại núi Phù Dong, động Quán Âm. Hiện nay, tìm mãi nhưng tôi vẫn không biết Ngài đang ở đâu.

- Vị pháp sư đó là ai?

Giảng Đường Phật Giáo, Hồng Kông.

Hình Ngài chụp với chư đệ tử trên mái nhà Giảng Đường Phật Giáo.

- Ngài thường đeo chuỗi hạt trầm hương và trên thân có khắc chữ Vạn.

- A! Đấy là thầy tôi.

Giảng Đường Phật Giáo, Hồng Kông.

Hình Ngài chụp tại Giảng Đường Phật Giáo vào năm 1956.

Đối đáp qua lại, cô Quả Mãn vui mừng vô hạn. Sau đó, không quản mệt nhọc cô đến chùa

Tây Lạc Viên quy y Ngài. Vì muốn trợ giúp Ngài trong việc hoằng dương Phật pháp rộng rãi, họ phát tâm mua căn nhà hai tầng tại vùng Bảo Mã, Hồng Kông. Do đó, Phật giáo Giảng Đường được thành lập vào năm 1956. Thật đúng theo tên của chùa, mỗi khi giảng kinh thuyết pháp Ngài luôn khuyến khích quý cư sĩ luân phiên giảng thuyết. Lão cư sĩ Hồ Quả Vi tuổi ngoài sáu mươi, nghe lời Ngài dạy nên mỗi lần đến chùa, đều bước ra giảng thuyết. Ngài thường bảo:

- Biết thuyết pháp khác với việc biết nghe pháp. Biết nghe pháp khác với việc biết hành trì.

Mồng chín tháng tư năm 1956, từ núi Vân Cư, đại lão hòa thượng Hư Vân gởi qua Hồng Kông, nguyên lưu tổ phái dòng Quy Ngưỡng của Thiền tông, truyền trao cho Ngài, chính thức làm vị tổ thứ chín dòng Quy Ngưỡng, hầu mong giữ mạch hệ tông phái và ban cho Ngài pháp hiệu "Tuyên Hóa", cùng viết bài kệ biểu tín:

"Tuyên vi diệu nghĩa chấn gia thinh
Hóa thừa Linh Nhạc pháp đạo long
Độ dĩ tứ lục truyền tâm ấn
Luân thí vô hưu tế khổ luân".

Dịch:

"Tuyên vi diệu nghĩa chấn mọi nhà
Hóa thừa Linh Nhạc đạo pháp sanh
Độ bốn sáu đời truyền tâm ấn
Luôn hành không nghỉ cứu khổ luân".

Như thế, Ngài chính thức là vị tổ thứ chín dòng Quy Ngưỡng và cũng là vị tổ thứ bốn mươi lăm của Thiền-tông Đại Thừa.

Năm 1962, Ngài là tăng sĩ người Tàu đầu tiên đến định cư tại tiểu bang California nước Mỹ. Ngài tự đảm nhận trọng trách hoằng dương Phật pháp tại Tây Phương, bồi dưỡng giáo dục những kẻ hậu lai, lưu truyền pháp môn tâm địa dòng Quy Ngưỡng, kế thừa di chúc của đại lão hòa thượng Hư Vân. Từ khi qua Mỹ, Ngài thường dùng pháp hiệu "Tuyên Hóa".

Lần nọ, một pháp sư tóc dài hành hạnh đầu đà đã từng đốt một ngón tay, đến Phật Giáo Giảng Đường tham bái Ngài. Ngài bảo:

- Thưa Thầy! Tôi có một câu đối liễn. Nếu đáp được thì tôi xưng tán Thầy là lão tu hành, còn nếu không thì tôi gọi Thầy là lão Ma Vương.

Nói xong, Ngài viết câu kệ: "Bạch thủy tuyền trung nhất đại thiên (trong dãi nước trắng có một đại thiên".

Lão pháp sư kia lấy tay xoa đầu mà không lời đối đáp. Ngài liền thuyết thêm một bài kệ để giáo huấn lão pháp sư kia:

"Phùng thủ cấu diện lão ma vương
Đáo xứ linh nhân thuyết đoạn trường
Phóng hạ. Vật Phóng hạ?"
Dịch:

"Gặp lão ma vương mặt nhơ nhuốc
Đến nơi nơi, người người than vãn
Xả bỏ! Sao không cố xả bỏ?"

Tại sao Ngài lại vấn nạn vị pháp sư đó như thế? Vì lão pháp sư đó khi đến Hồng Kông tuyên bố rằng lão là thầy của hòa thượng Hư Vân, khiến cho rất nhiều đệ tử của ngài Hư Vân tin theo, hộ pháp và cúng dường lão ta.

Năm 1957, lãnh sự sứ quán Miến Điện là Trần Chấn Phú và phán quan là Du Trấn Đông đến Phật Giáo Giảng Đường, thỉnh Ngài qua Ngưỡng Quan, Miến Điện. Ngài luôn ước mong hợp nhất Đại Thừa và Tiểu Thừa để đoàn kết lực lượng Phật giáo trên thế giới mà không chia rẽ tông phái. Đi Miến Điện, Ngài đến tham quan trường đại học Phật giáo Tí Cổ, lễ bái tháp Đại Kim ở Ngưỡng Quan, hướng dẫn hơn trăm tín đồ đi nhiễu tháp niệm Phật. Tại chùa Mộng Phật, Ngài cùng chư tăng Miến Điện ngồi thiền tĩnh

tọa. Ngài tự làm gương, hiển thị Phật giáo Đại Thừa và Tiểu Thừa đều đồng chung mục đích, đường hướng trong việc tham thiền học Phật.

Miến Điện.

Ngài đứng hàng thứ hai, bên cạnh vị thầy Tiểu Thừa.

Năm 1958, ngài Hư Vân tự tay hoàn tất biên thảo, giải thích kệ cú ý văn quyển "Tăng Đính Đạo Ảnh Phật Tổ". Đây là một cống hiến giá trị cho Phật giáo; đại lão hòa thượng Hư Vân cũng gởi đến cho Ngài một bản.

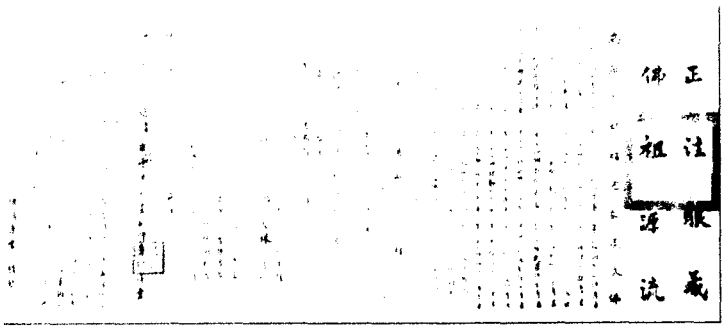

Văn Khế

Chánh pháp nhãn tạng, Phật tổ nguyên lưu
Pháp mạch tông Qui ngưỡng truyền từ đức Thế Tôn đến Ngài là đời thứ 46

Ngài tự thuật: "Sau khi liên lạc, ngài Hư Vân gởi đến tôi văn khế "Chánh Pháp Nhãn Tạng", tức là Phật Tổ Nguyên Lưu, dùng tâm ấn tâm, truyền ngoài giáo lý, Niết Bàn diệu tâm thật tướng vô tướng, pháp chân không bất không, trên thừa ý chư Tổ, dưới hóa độ chúng sanh. Thâm trọng ân cần tiếp nhận pháp nhũ này, tôi luôn luôn ghi khắc trong tâm niệm. Ngài Hư Vân lại khuyến khích tôi tạo công lập đức. Tôi phát nguyện cúng dường số tiền lớn để đắp tượng Phật cho đại hùng bảo điện của chùa Chân Như. Tôi đi Miến Điện, mua hơn ba trăm hộp vàng lá để đắp lên trên tôn tượng. Ngài Hư Vân rất vui mừng viết thư cảm tạ. Điều này

chứng minh ngài Hư Vân rất lo lắng đến những kẻ hậu bối, với đức tánh khiêm nhượng không ai sánh bằng, chẳng hề phụ bạc hậu nhân, xả mình vì người tinh thần, vĩ đại từ bi vô thượng, đạo đức cao thượng, bình đẳng chất trực khiến người người thích mến cảm phục.

Ngài Hư Vân gởi thơ bảo tôi trở lại Vân Cư. Trong lúc thiền quán, tôi cảm giác rằng ngài Hư Vân muốn giao chùa Chân Như cho mình đảm nhận. Tuy nhiên, vì vừa thành lập giảng đường Phật Giáo nên suốt ngày bận rộn trong công việc Phật sự, nhưng tôi định rằng sẽ tìm người có khả năng để giao phó công việc rồi trở lại Vân Cư hầu hạ thầy mình. Vì nghịch duyên chướng ngại, tôi không thể thi hành ý định trên. Do đó, mãi đến ngày nay tôi hối hận vô vàn vì không còn dịp để nghe những lời dạy bảo của thầy mình.

Tháng bảy năm 1959, được tin ngài Hư Vân bị bệnh nặng kịch liệt, tâm tôi ngày đêm bất an, cảm giác có điềm chi không tốt. Xem hình ngài Hư Vân chụp vào năm 1958, tôi thấy cặp mắt của thầy mình nhìn thẳng dọc và đôi mi rũ dài tận đằng sau đôi tai. Xem hình này, tôi xúc động lễ bái, tự bảo: "Xưa nay, mỗi lần chụp hình, ngài Hư Vân luôn nhắm mắt. Hôm nay, mắt ngài Hư

Vân từ bi nhìn chúng sanh thật rất lạ thường. Trong vòng một năm chắc sẽ có biến cố gì xảy ra".

Vì vậy, tôi thỉnh chư tăng ở khắp nơi đồng tụng kinh và đảnh lễ "Bảo sám Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật" cùng lạy sám Phổ Phật trong vài mươi ngày. Tôi lại viết thư trên báo, thông cáo chư đệ tử của ngài Hư Vân khắp nơi để cùng họ cầu nguyện, hầu mong sẽ được cảm ứng. Tôi lại bảo đại chúng:

- E rằng đây là cơ hội lần cuối mà chúng ta thay mặt hòa thượng Hư Vân lễ Phật, lạy kinh bảo sám Dược Sư Tiêu Tai Diên Thọ.

Tiếng nói tôi ngẹn ngào đau xót lạ lùng, khiến đại chúng khóc thầm nức nở. Sau này, tôi nhận được thơ từ Vân Cư, bảo rằng bịnh tình của ngài Hư Vân được giảm bớt đôi chút. Điều này an ủi chúng tôi phần nào. Tôi liền nhờ thợ vẽ hơn hai trăm bức ảnh về cuộc đời của ngài Hư Vân. Bên cạnh những bức tranh, tôi viết muôn lời ca tụng, tán thán đạo đức một đời tu hành của ngài Hư Vân: Tinh thần đơn độc hành trì khắc khổ, mãi mãi làm khuôn mẫu mô phạm cho đời, dẫn đường cho những bậc hiền thánh mai sau. Vạn cổ vị lai, chưa có ai làm bậc mô phạm như ngài Hư Vân.

Bất hạnh thay, không thể tránh khỏi tang thương ly biệt. Ngày mười sáu tháng mười năm 1959, tôi nhận được điện tín từ núi Vân Cư báo: "Ngài Hư Vân đã an tường viên tịch tại chùa Chân Như, núi Vân Cư vào lúc 1:45 chiều ngày mười hai tháng mười (tức ngày mười một tháng chín, âm lịch). Ngài Hư Vân để lại di chúc rằng những vị hậu học phải chuyên cần tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si, quên mình vì pháp, hỗ tương ái kính, v.v...

Nghe tin này, tôi cảm giác như trời long đất lở, nhân thế tận diệt, kiếp hỏa cháy hừng hực khắp nơi mà không biết đang mộng hay tỉnh, lời này thật hay hư nên mê muội mất hết tri thức như cây cỏ đá gạch. Dần dần, tri giác hoàn phục, nhưng tâm tôi bi ai thống thiết, thương cho chúng sanh trong cõi Ta Bà không còn nghe lời giáo huấn của một vị đại Bồ Tát Thánh Tăng! Hôm đó, vào ngày mười bảy tháng mười năm 1959, tôi vân tập chư đàn việt của bổn đường để bàn việc làm lễ truy điệu, quyết định cử hành lễ niệm Phật trong hai mươi mốt ngày, rồi cử hành tụng kinh Đại Bát Nhã trong một trăm hai mươi mốt ngày với niềm hy vọng báo đáp thâm ân của ngài Hư Vân: Suốt đời hoằng pháp lợi sanh".

Ngài vân tập đệ tử xuất gia cùng cư sĩ, thành lập hội truy niệm đại lão hòa thượng Hư Vân nhập Niết Bàn. Ngài cử hành thất Niết Bàn trong một trăm hai mươi ngày và Phật thất trong hai mươi mốt ngày. Các ủy viên hội truy niệm, gởi thơ đánh điện tín thông báo cho các đoàn thể Phật giáo khắp thế giới. Ở Hồng Kông, nhật báo Phát Triển cũng kêu gọi quý cư sĩ đệ tử đại lão hòa thượng Hư Vân tham gia lễ truy niệm và tụng sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã. Mồng bốn tháng mười, Ngài phái hai đệ tử đến núi Vân Cư ngưỡng thỉnh xá lợi đại lão hòa thượng Hư Vân đem về chùa phụng thờ. Ngày mười tám, họ thỉnh được hơn mười viên xá lợi rắn chắc năm màu sáng trong rồi trở về Hồng Kông. Xá lợi vốn là linh cốt của các bậc thánh tăng và là tinh khí kết tụ trong thân của các bậc chân tu đạo hạnh. Kinh Kim Quang Minh, phẩm Xả Thân nói:

"Có xá lợi là do sự huân tu giới định huệ, nên chẳng phải dễ dàng mà có".

Vì vậy, chúng ta lễ bái cúng dường xá lợi tức là cúng dường Tam Bảo. Dưới đây là bài kệ tối hậu của đại lão hòa thượng Hư Vân:

"Thỉnh các pháp lữ
Chớ nên ưu phiền

Phục nghiệp sanh tử
Như tằm vướng tơ
Tham mê không ngừng
Giam trong ưu hỷ
Muốn trừ hoạn kia
Nỗ lực tu hành
Diệu khế vô danh
Thông suốt đất tâm
Đoạn tâm thương ghét
Thoát hiểm luân hồi
Hành ba tịnh học
Kiên trì bốn niệm
Thệ nguyện viên thành
Huyễn chất sương mai
Chứng ngộ chân không
Muôn pháp nhất thể
Ly hợp bi hoan
Bọt nước tùy duyên".

Hỏa táng thân tôi xong, xin quý vị hãy lấy tro cốt, tán nhuyễn trộn với dầu đường bột v.v... nắn thành chín quả, rồi ném xuống sông bố thí cho loài thủy tộc. Quý vị giúp tôi mãn nguyện, thật đa tạ vô cùng".

Ngài viết: "Tôi lại đánh hàng trăm điện tín, thông báo các pháp lữ đồng tham học tại hải ngoại như giảng đường Phật Giáo tại vùng Cựu Kim Sơn, hội Phật giáo ở Honolulu, hội Phật giáo tại Tân Gia Ba, cư sĩ Lý Tuấn Thừa, Tất Tuấn Huy, cư sĩ Chiêm Lệ Ngô tại Gia Nã Đại, cùng chư đệ tử của Ngài tại các quốc gia như Nam Dương, Đài Loan, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ, Tích Lan, và cư sĩ Vu Chấn Đông chủ tịch hội Phật giáo thế giới. Chư sơn trưởng lão cùng quý cư sĩ các nơi đồng hưởng ứng làm lễ truy điệu ngài Hư Vân. Các tín chúng đệ tử tại Hồng Kông được thông báo trực tiếp bằng điện thoại. Ngày mười tám tháng mười, tin ngài Hư Vân viên tịch được đăng trên nhật báo Hồng Kông. Có ai ngờ rằng, vì việc này mà tôi bị đố kỵ ghen ghét phỉ báng. Quỷ ma tung hoành tán loạn. Chúng không biết việc gì đúng việc gì sai khi nghe tin này. Một số người tự xưng là thiện tri thức cũng hùa theo chúng. Thật đáng thương thay! Đúng như lời người xưa bảo: "Việc tốt, khiến sanh nhiều ma".

Nói chung, tôi chỉ để việc này cho ngài Hư Vân phán xét. Khổng Tử viết quyển Xuân Thu khiến loạn thần tặc tử khinh sợ. Quan Tư Mã viết sử nên những can tội đều chết. Tôi hy sinh

hết sức lực vì ngài Hư Vân. Nếu có muôn ngàn giáo mác đâm thân, tôi vẫn không khiếp sợ. Vĩnh Gia đại sư nói: "Quán lời ác là công đức thì chúng trở thành thiện tri thức. Không nên vì những lời quở trách phỉ báng mà sanh khởi oán thân. Nếu không thì lòng từ bi, sức nhẫn nhục, trí huệ vô sanh làm sao phát khởi".

Hãy để họ tùy tiện phỉ báng. Tôi sẽ nhẫn chịu. Những ai cố ý đốt trời, chỉ tự mệt nhọc. Khi tôi nghe những lời này như nước cam lồ, tiêu dung đốn nhập không thể nghĩ bàn.

Phải biết nhân quả báo ứng không thể nghĩ bàn. Hãy cẩn trọng! Khi đọa vào địa ngục cắt lưỡi chịu khổ đau, dẫu có hối hận nhưng đã muộn.

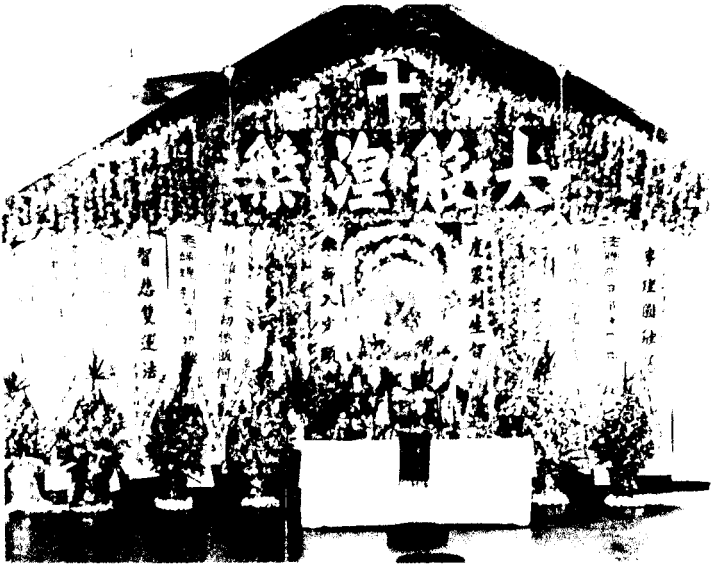

Đại lễ truy niệm đại lão Hòa thượng Hư Vân viên tịch, tháng 10, năm 1959.

Mồng bốn tháng mười âm lịch, tôi nhờ cư sĩ Quả Phượng và Quả Tiên đến núi Vân Cư cung thỉnh xá lợi cùng linh cốt của ngài Hư Vân để đem về Hồng Kông cúng dường. Mồng bảy, họ đến núi Vân Cư, tiếp thọ hơn mười hột xá lợi chiếu sáng năm màu sắc lạ kỳ. Ngày mười tám, họ trở về bổn tự tại Hồng Kông. Tôi dẫn đại chúng, dâng hương hoa nghinh tiếp đảnh lễ. Ai ai cũng vui mừng hoan hỷ. Lúc đó, tôi cảm thấy trọng trách nặng nề trên vai đã giải quyết xong.

Lễ kính xá lợi của đại lão Hòa Thượng Hư Vân.

Linh Sơn tâm truyền,
Phái thừa Qui Ngưỡng,
Hoằng Dương Ngũ Tông,
Dung hội Nam Bắc,
Nhiếp thọ chư giáo.

Hôm sau, bốn cư sĩ Mao Văn Đạt, Lý Trung Du, Quả Phượng, Quả Tiên cùng tôi đến gặp cư sĩ Sầm Học Lữ (người viết quyển biên niên tự thuật của hòa thượng Hư Vân), định bàn việc viết tập sách truy điệu ngài Hư Vân nhập Niết

Bàn. Cư sĩ Sầm Học Lữ đề nghị rằng hãy tạm đình chỉ, chờ các nơi tại hải ngoại gởi văn thơ về để ghi vào tập sách đó. Hiện giờ quyển tập sách này đã được phát hành khắp nơi. Hy vọng từ đây về sau, Phật giáo tại các quốc gia trên thế giới cùng nhau hòa hợp với tinh thần đoàn kết tôn trọng ái kính".

Năm 1961, bất chấp gian nan khổ cực, Ngài quyết định qua châu Úc hoằng pháp để gieo duyên cho những ai chưa từng biết đến Phật pháp. Ngài đến vùng Tuyết Lê và Mộc Nhi Bổn. Vào thời ấy, người tin hiểu Phật pháp tại châu Úc rất ít, đừng nói chi đến chùa chiền tự viện. Thật vậy, chỉ có một hội Phật giáo châu Úc tại vùng Tiểu Quy Mạc. Ngày lễ Phật đản, họ thỉnh

1961, tại thành phố Vương Thọ, Úc Đại Lợi.

Ngài ở Úc Đại Lợi, một năm trước khi qua Mỹ.

Ngài đến làm chủ lễ thuyết pháp. Một học giả cư sĩ trường đại học Tuyết Lê phiên dịch những lời Ngài thuyết giảng. Sau một năm lưu trú tại đó, Ngài nhận thấy cơ duyên chưa chín muồi nên khó phát triển Phật giáo. Tuy nhiên, với oai nghi cử chỉ nghiêm trang của Ngài, khiến cho người Tàu và dân bản xứ có ấn tượng tốt, kính

phục người xuất gia, gieo trồng nhân duyên tu học Phật pháp sau này.

Chương IV
Sang Mỹ hoằng pháp

Năm 1962, vào tháng ba từ châu Úc, Ngài trở về Hồng Kông. Được sự khuyến khích của ông Lữ Thứ, lãnh sự sứ quán Mỹ, trong cùng tháng Ngài đáp máy bay đến Hạ Uy Di, nghỉ ngơi hai tuần rồi lại bay sang Cựu Kim Sơn.

Ngài thường dạy các đệ tử: "Tự lợi, lợi người. Hoằng pháp lợi sanh", là trách nhiệm căn bản của người con Phật. Tháng tư năm 1958, hai đệ tử sinh viên du học của Ngài, không quên lời giáo huấn của thầy mình, từ Hồng Kông sang thành phố Cựu Kim Sơn ở California, thành lập phân hội Phật Giáo Giảng Đường (trung tâm chính tại Hồng Kông). Giảng đường Phật Giáo mở cửa sáu ngày trong tuần. Khi đó, có khoảng mười người thường đến chùa, rồi từ từ tăng lên vài chục người. Cuối năm đó, Giảng Đường được dời về đường Bách Tư Thành. Ngôi chùa được rộng rãi hơn, có thể chứa khoảng hơn trăm người. Nơi đó, bên cạnh mỗi năm cử hành lễ Phật Đản, họ còn thỉnh mời các học giả người Tàu và Mỹ đến diễn giảng Phật pháp. Lúc ấy, những thiện tín đến chùa muốn quy y Tam Bảo đều được Ngài gián tiếp ban cho pháp danh.

Sau này, khi qua Mỹ, Ngài chính thức cử hành lễ quy y cho họ. Quý cư sĩ thuộc Phật Giáo Giảng Đường tại Cựu Kim Sơn một lòng thỉnh cầu Ngài chống tích trượng qua Mỹ giáo hóa chúng sanh mê muội.

Đến tháng ba năm 1962, Ngài qua Mỹ, được sự nghinh đón ân cần của các đệ tử tại phi trường. Ân sư đại đức ngưỡng mộ bấy lâu, nay đã đến.

Trên đường qua Mỹ, Ngài ghé lại Nhật Bổn khoảng mười ngày. Ngài viếng thăm ngôi chùa của các thầy Tàu, nhưng bị họ ganh ghét kịch liệt. Dầu nguyện ăn mỗi ngày một buổi, Ngài vẫn cùng chung họ dùng trà bánh để không ra vẻ khác biệt. Ngài nhận và dùng sáu bảy miếng bánh đậu, khiến cho họ càng thêm ganh ghét. Tuy nhiên, những chiếc bánh này đã được tẩm thuốc độc. Tuy biết rõ, nhưng sắc mặt Ngài vẫn điềm nhiên và cũng không nhổ xác những chiếc bánh này ra. Dầu không bị hại chết, nhưng độc dược trụ một nơi trong cơ thể và một mụn nổi dưới chân, rất đau nhức. (Xưa kia, Tổ Bồ Đề Đạt Ma nhổ xác những chiếc bánh độc của kẻ gian.) Hãm hại không thành công, một trong những thầy Tàu đó, tới thành phố Cựu Kim Sơn trước, nơi Ngài sẽ đến để tìm cách phỉ báng. Sau khi

thành lập giảng đường Phật Giáo tại Cựu Kim Sơn, danh tiếng đạo đức từ bi và cung cách hành trì của Ngài ngày một lan xa, khiến nhiều người tìm đến quy y. Những thầy Tàu vì ghen ghét nên dùng mọi cách để triệt hạ danh dự của Ngài mà bảo tín chúng:

- Tuy bảo rằng chỉ dùng ngọ thôi, nhưng chính mắt tôi thấy thầy ta ăn vào buổi chiều tại Nhật Bổn.

Kể lại việc này, nhưng họ quên nhắc đến việc bỏ thuốc độc vào những chiếc bánh đó. Do những cách gièm pha khéo léo của họ, nhiều người không ra đón Ngài tại phi trường.

Tại Hạ Uy Di, 1962

Pháp hải uông dương vô bất độ, chúng sanh dữ ngã hy tự tha

Dịch:
Biển pháp rộng sâu độ hết thảy, chúng sanh cùng tôi rời mình người.

Mang Phật Pháp truyền sang Tây Phương

Các đệ tử ở Hồng Kông nghinh tống Ngài lên phi cơ sang Mỹ, 1962

Tạm dừng chân ở Nhật Bản

Khi Ngài ghé sang đảo Honolulu, Pháp Sư Trí Định, Pháp Lượng, v. v. . . nghinh đón Ngài tại phi trường.

Một cậu bé dâng hoa cúng dường, khi Ngài vừa bước chân xuống phi trường Cựu Kim Sơn, 1962.

Bước chân vĩ đại trong lịch sử Phật giáo.

Vào những năm đầu của thập niên 60, tại Mỹ quốc.

Ngài đưa cho các đệ tử xem chứng thư:

"Chánh Pháp Nhãn Tạng, Phật Tổ Nguyên Lưu". Đây là biểu tín truyền thừa tông Quy Ngưỡng. Tháng 5, năm 1956, thiền sư Hư Vân từ Vân Cư, Trung Hoa Lục Địa, gởi chứng thư biểu tín này đến Hồng Kông cho Ngài. Ngoài ra, thiền sư Hư Vân cũng gởi kèm theo một lá thơ, viết:

"Tọa Hạ vì pháp tâm thiết, tích Phật Tổ huệ mạng, đương mãn Tọa Hạ chi nguyện, phụ kỳ nguyên lưu tỉ thừa tổ phái, tổ đạo lại trùng hưng, thị sơ chí vọng, chuyên phúc bất tận, tức tụng".

Dịch:

"Con có tâm thiết tha vì đạo, muốn tiếp nối huệ mạng của Phật Tổ. Hôm nay, thầy sẽ giúp con mãn nguyện. Bên cạnh lá thơ này, có một chứng thư biểu tín về việc truyền thừa tông phái, nối mạch chư tổ, nay giao cho con. Mạch pháp chư tổ, sẽ lưu truyền mãi. Đó là niềm hy vọng của thầy".

Trong chứng thư biểu tín viết: "Quy Ngưỡng chánh tông đời thứ tám, Đức Thanh tự Hư Vân lão nhân, nay đem Chánh Pháp Nhãn Tạng phó chúc cho thiền nhân Tuyên Hóa Độ Luân, đời thứ chín, hãy tự cố gắng hộ trì".

Trong hình này, Ngài đốt hương trên ngực, thành chữ "Vạn" (biểu thị Trang Nghiêm Vạn Đức).

Lúc ấy cũng là năm xảy ra vụ hỏa tiển tại Cuba. Thời điểm căng thẳng nhất là lúc nước Nga bắt đầu đặt căn cứ hỏa tiển tại Cuba. Tổng thống Kennedy gởi tối hậu thơ cho Nga Sô và Cu Ba: "Nước Mỹ sẵn sàng nghinh chiến nếu căn cứ hỏa tiển vẫn cứ thiết lập".

Vì ba lý do: Mối hiểm họa chiến tranh vì hỏa tiển ở Cuba, tình trạng của bộ tộc Hopi, và chất độc trong người, nên Ngài bắt đầu tuyệt thực để hồi hướng công đức cho nền hòa bình của thế giới. Phương pháp tuyệt thực là hành theo pháp

Vì cầu thế giới hòa bình, Ngài tuyệt thực trong 35 ngày.

Đại Bi của bồ tát Quán Thế Âm. Trong vài ngày đầu, Ngài không ăn uống gì hết, rồi trong những ngày sau chỉ uống nửa ly nước. Gần cuối ba mươi lăm ngày tuyệt thực của Ngài, điều khiến mọi người sửng sốt vui mừng là Nga Sô đột nhiên tự động hủy bỏ việc thiết lập căn cứ hỏa tiển tại Cuba. Lúc đó, phong trào quyền tự do dân chủ bắt đầu nổi lên khiến cả nước chú ý đến tình trạng của những người dân da đỏ. Cuối ngày tuyệt thực, chất độc trong người của Ngài đã được thảy ra, chỉ để lại dấu sẹo dưới chân.

Jimmy Hoàng là một trong những thành viên sớm nhất của giảng đường Phật Giáo trước khi Ngài qua Mỹ. Đang học Thái Cực Quyền nơi đó, anh ta nghe về đạo đức tu hành của Ngài nên thường viết thơ sang Hồng Kông để tham vấn.

Kim Lee, lúc đó chỉ có mười bốn tuổi, vừa trông thấy Ngài liền cầu xin làm đệ tử. Kim Lee cùng Jimmy Hoàng là một trong những đệ tử quy y đầu tiên của Ngài tại Mỹ. Pháp danh của Kim Lee là Quả Dương. Pháp danh của Jimmy Hoàng là Quả Nhân. Họ bỏ hết sức lực để trợ giúp Ngài tại giảng đường Phật Giáo, như in ấn những tư liệu kinh sách Phật giáo và phiên dịch những lời giảng dạy. (Hiện nay, Kim Lee vẫn làm thợ in cho tổng hội Phật Giáo Pháp Giới). Vì

giảng đường Phật Giáo vốn là ngôi nhà thứ hai, nên họ sống gần gũi với Ngài và rất cảm kích những kỳ tích lạ lùng. Cá nhân Jimmy Hoàng chứng kiến ba mươi lăm ngày tuyệt thực của Ngài. Mỗi ngày, Ngài chỉ uống không đầy một ly nước. Trong hai tuần cuối, Ngài cũng không uống một giọt nước nào qua môi. Jimmy Hoàng biết rằng nếu là người khác thì sẽ bị suy nhược vào hai tuần đầu, nhưng Ngài vẫn tiếp tục làm những công việc hằng ngày trong suốt thời gian đó.

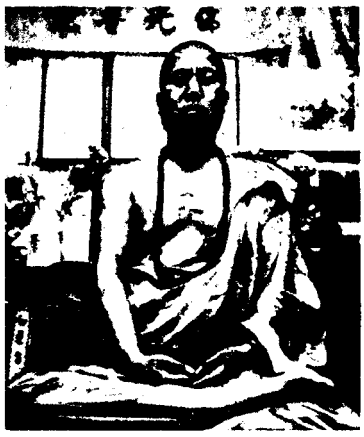

Khi ấy, nhật báo Trung Hoa đăng tin: "Vì cầu nguyện thế giới hòa bình, một vị pháp sư tuyệt thực: Pháp sư Độ Luân đã tuyệt thực trong hai mươi ngày tại giảng đường Phật giáo, số 731

đường Sacramento, vùng Cựu Kim Sơn, với mục đích cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Theo tin tức cho biết, pháp sư Độ Luân tuổi khoảng năm mươi. Đây là lần tuyệt thực thứ năm. Ngài từ Hồng Kông đến vùng Cựu Kim Sơn vào sáu tháng trước. Mỗi ngày, Ngài thức dậy lúc bốn giờ sáng, đắp y ca sa, rồi ngồi thiền và tuyệt thực. Sự tuyệt thực này đến bao giờ sẽ được chấm dứt, chúng tôi không biết đến".

Đầu thập niên 60, tại San Francisco.

Ngài dạy các đệ tử tu thiền định. Ngài chủ trương ngồi xếp bằng cùng tham khán thoại đầu. Ngài dùng rất nhiều phương tiện thiện xảo để chỉ dẫn thanh niên học sinh tu học pháp môn thiền định.

Ngài dạy đệ tử tu thiền. Bên trái, người thứ hai là Lý Cẩm Sơn, và người cuối cùng bên phải là Hoàng Quả Nhân. Hai thanh niên này rất chân thành, phụ giúp phiên dịch lời Ngài giảng dạy trong những năm đầu ở Mỹ.

Tại Cựu Kim Sơn, 1962

Giới Hương Huân Tu
Thanh Tịnh Thể
Tại Cựu Kim Sơn.

Xưa kia, tổ Bồ Đề Đạt Ma không quản đường xá xa xôi, mang Phật pháp qua Tàu. Thuở trước, Ngài đã từng phát nguyện qua Âu Mỹ để độ những kẻ hữu duyên, mong họ lên thuyền Bát Nhã, đạt đến bờ giác. Được lời thỉnh mời của các đệ tử, Ngài đơn thân độc mã từ Hồng Kông qua Mỹ, trú tại vùng Cựu Kim Sơn. Khi ấy sự sinh hoạt hằng ngày rất khó khăn. Ngài trú dưới hầm nhà cư sĩ, không cửa sổ, không ánh sáng mặt trời, rất ẩm ướt giống như phần mộ. Do đó, Ngài tự gọi mình là "Mộ Trung Tăng", tức ông tăng trong phần mộ. Ngài viết bài kệ "Mộ Trung Tăng":

"Quý vị nay gặp tăng trong mộ
Trên không nhật nguyệt, dưới không đèn
Phiền não Bồ Đề, băng là nước
Sanh tử Niết Bàn, sắc tức không
Xả bỏ phan duyên, xa việc giả
Tâm cuồng ngừng, tâm giác viên dung
Ngộ đạt tự tánh, tạng quang minh
Báo thân xưa nay tức pháp thân".

Ngài trú nơi đó, ẩn nhẫn tu hành, đợi cơ duyên thành thục đến thì sẽ ra giáo hóa chúng sanh. Vào mùa hè năm 1969, thể theo lời mời của trường đại học Berkeley, Ngài thuyết trình đề tài "Giới thiệu về đạo Phật". Nhân dịp đó,

Ngài giải thích bài kệ về "Mộ Trung Tăng" như sau:

"Quý vị nay gặp tăng trong mộ": Quý vị, những thanh niên thông minh đầy năng lực, hỏi mộ trung tăng này rằng làm sao vào đó? Tôi cũng không biết. Mộ trung tăng này làm sao vào và ra, việc này không quan trọng, nên quý vị chớ có hỏi. Tuy nhiên, tôi sẽ kể cho quý vị nghe, ngôi mộ đó như thế nào.

"Trên không nhật nguyệt, dưới không đèn": Câu này mô tả điều gì? Đó là vô minh. Tuy không có tên tuổi, chúng ta phải phá vô minh này. Không những là tôi mà quý vị cũng nên phá vô minh. Quý vị có thể bảo rằng chưa vào ngôi mộ đó thì làm sao phá vô minh được? Vâng, hiện tại tuy chưa vào, nhưng tương lai nhất định quý vị sẽ vào mà không thể tránh khỏi, vì vẫn còn vô minh. Còn vô minh tức không có ánh sáng. Ngay cả Bồ Tát địa vị đẳng giác vẫn còn một phần sanh tướng vô minh mà chưa phá trừ. Vì vậy, pháp giới Bồ Tát cùng tám pháp giới khác đều là pháp giới chúng sanh nên vẫn còn vô minh. Tuy vậy, đức Phật bảo rằng vô minh tức phiền não, phiền não tức Bồ Đề. Nếu có công phu, chúng ta có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề.

"Phiền não Bồ Đề, băng là nước": Vì mọi người đều có phiền não nên ai ai cũng có Bồ Đề. Mọi người đều biết cách khởi phiền não, nhưng lại quên việc phát tâm Bồ Đề. Nếu quên tâm Bồ Đề, chúng ta không thể dùng nó được. Ví như băng đá, nó vốn là nước. Vì nhiệt độ lạnh nên nước kết thành băng đá. Nếu thời tiết nóng, băng sẽ tan thành nước lỏng. Đây là ví dụ của phiền não và Bồ Đề. Khí hậu lạnh, tức là phiền não. Ngược lại, mặt trời ửng hồng chiếu sáng, tức là dụ cho tâm Bồ Đề. Làm sao tạo khí hậu lạnh? Do vì tham sân si. Mặt trời chiếu sáng ánh nắng hồng ấm áp là gì? Tức là giới định huệ. Vì vậy, chúng ta cần phải "cần tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si". Chuyển biến phiền não thành Bồ Đề, tức là chuyển băng đá thành nước. Đây chỉ là ví dụ, chớ nên chấp trước mà bảo: "Băng đá là nước. Phiền não là Bồ Đề".

Quý vị có thể bảo: "Tôi muốn giữ phiền não lại, vì phiền não tức là Bồ Đề. Lại vì băng đá vốn là nước, nên tôi giữ băng đá lại để xem nó biến thành nước".

Không thể được! Mặc dầu ai ai cũng có thể thành Phật, nhưng phải cần tu hành. Làm sao tu hành? Phải y theo Phật pháp mà tu hành và đi tham phương tầm cầu minh nhãn thiện tri thức,

hầu mong họ chỉ dạy chúng ta cách thức hành trì dụng công.

"Sanh tử Niết Bàn, sắc tức không": Ai ai cũng đều tham sống sợ chết. Tuy nhiên, nếu không có sanh tử thì không có Niết Bàn. Phải tìm cầu Niết Bàn ngay nơi sanh tử. Một khi đã thấy Niết Bàn rồi thì không cần phải tiếp tục tìm kiếm nữa. Chớ nên "cỡi lừa đi tìm lừa". Hiện tại chúng ta chưa đạt đến Niết Bàn vì vẫn còn bị sanh tử trói buộc. Nếu cắt đứt dòng sanh tử thì Niết Bàn là mình, không cần tìm kiếm. Vì vậy bảo rằng sắc tức là không, không tức là sắc.

"Xả bỏ phan duyên, xa việc giả": Nếu muốn chứng đạt đến cảnh giới nhân không, pháp không, niết bàn sanh tử đều không thì phải xả bỏ muôn duyên, cùng nhìn xuyên thấu suốt chúng. Nếu còn tham đắm chấp trước thì không thể nào xả bỏ được. Nếu làm được tức gọi là xa lìa các vọng duyên. Nếu không thể xa lìa vọng duyên, tức là phan duyên nên không thể trừ hết muôn việc chướng ngại. Nếu không biết sanh hoặc không biết tử thì không còn chấp trước.

"Tâm cuồng ngừng, tâm giác viên dung": Phải ngưng tâm cuồng loạn. Làm thế nào? Chỉ việc ngừng. Lại còn có cái "ngừng", không? Khi tâm

cuồng loạn ngừng, liền giác ngộ tất cả pháp đều viên dung vô ngại. Do đó, đức Phật bảo: "Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Tuy nhiên, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc".

"Ngộ đạt tự tánh, tạng quang minh": Tự tánh vốn là tạng quang minh sáng suốt. Nếu giác ngộ được như thế thì chứng được "báo thân xưa nay tức pháp thân". Đại tạng quang minh của tự tánh, tức là tạng tánh của Như Lai. Báo thân chưa thọ nghiệp báo, vốn là pháp thân. Hiện tại chúng ta thọ nghiệp lành xấu, đều do trong đời quá khứ đã gieo nghiệp thiện ác. Nếu tạo nghiệp lành thì sẽ thọ quả báo lành. Nếu tạo nghiệp xấu thì sẽ thọ quả báo xấu. Phải giác ngộ bản lai diện mục của mình thì mới giác ngộ tự tánh tạng quang minh. Đến lúc đó, sẽ có việc gì? Học sinh trở thành giáo sư. Giáo sư trở thành học sinh. Ai ai cũng đều giống nhau. Chư Phật là chúng sanh. Chúng sanh là chư Phật. Nếu hiểu lý này, tức là sáng suốt chân chánh. Ngược lại, vẫn còn vô minh".

Mộ Trung Tăng (Vị Tăng trong phần mộ)

Tại Giảng đường Phật giáo, Ngài cung thỉnh mười phương chư Phật đến chứng minh.

Tại San Francisco.

Hình chụp, lần thuyết pháp đầu tiên tại Mỹ. Trong sáu năm đầu, Ngài luôn thuyết giảng những kinh điển Đại Thừa, dầu lúc ấy, đang bán khai bế quan nhập thất.

Sáu năm sau, khoảng ba mươi sinh viên và giáo sư trường đại học Hoa Thịnh Đốn đến cầu thỉnh Ngài giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Họ được một sinh viên đồng học phiên dịch. Trong khóa tu học kinh Thủ Lăng Nghiêm, ông Alan Nicholson nhận bằng thưởng. Ông cũng cống hiến tay nghề thợ mộc của mình vào việc kiến thiết sửa chữa chùa Kim Sơn và chùa Vạn Phật Thánh Thành. Hiện tại, ông cùng với bà vợ, cô Terri Nicholson, và con cái đang sống trong chùa Vạn Phật Thành.

Alan nhận phần thưởng trong lần tu học kinh Lăng Nghiêm

1968, tại San Francisco.

Hình chụp sau khi Ngài giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm xong, và kỳ tu tập vào mùa hè. Nhờ lòng kiên nhẫn, từ bi, và phương tiện thiện xảo, Ngài chỉ dẫn dạy dỗ cho những thanh niên người Mỹ, khiến họ được giác ngộ tùy theo trình độ của mỗi người. Đầu tiên, hầu hết họ đều không hiểu Phật pháp, nhưng đến cuối mùa hè, có rất nhiều người thọ năm giới cấm và Bồ Tát giới. Trong hình, sau khi đã thọ giới, họ mặc áo tràng màu đen cùng giới y và tọa cụ.

1968, tại San Francisco.

Pháp hội phóng sanh. Lần đầu tiên các thanh niên người Mỹ, chứng kiến và tham gia pháp hội phóng sanh, trên mái ngói Giảng Đường Phật Giáo. Sau khi ba mươi tám con chim bồ câu được phóng thả, những con chim này đều bay mất duy chỉ còn lại hai con. Chúng quanh quẩn và thường tham gia mọi hoạt động ở trong chùa. Ngài rơi lệ, giải thích rằng hai con chim bồ câu này chính là đệ tử xuất gia của Ngài trong đời Đường (750 AD).

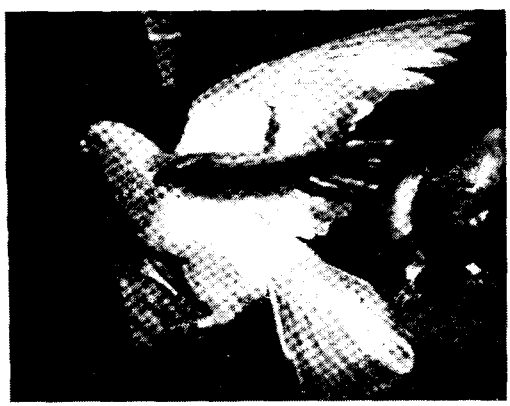

1968, tại San Francisco.

Ngài đặt tên cho chúng là "Mười Hai Nhân Duyên" và "Thất Bồ Đề Phần". Con "Mười Hai Nhân Duyên" rất hiền hòa. Con "Thất Bồ Đề Phần" rất nóng nảy, thường vỗ đôi cánh lên mình Ngài, người dùng bi trí giáo hóa nó.

1968, tại San Francisco.

Hoặc nó sẽ bay tới bay lui, những khi không thuận theo ý. Ngài dùng phương tiện thiện xảo để giáo hóa người cùng thú vật, khiến mọi loài đều đạt được ích lợi, bớt phiền não. Một trong những phiền não là ăn uống. Rất nhiều đệ tử, thanh niên người Mỹ, vì kính phục Ngài hành hạnh ăn một ngày một bữa, nên cũng tự cố gắng hành trì theo.

Tại vùng Cựu Kim Sơn, 1968.

Ngài khéo léo dạy hai con chim bồ câu về bài học tham lam thức ăn bằng cách cho chúng lọ gạo đầy nhất. Trước hết lọ gạo đầy tràn cả vành; hai con chim vui vẻ đứng bên vành lọ mà mổ gạo.

Từ từ số gạo trong lọ giảm dần cho đến khi chim phải chui đầu vào lọ để ăn và thường bất cẩn mất thăng bằng để mổ gạo. Hình chụp Ngài đang cho chim ăn với lọ gạo gần cạn và giảng 24 thư pháp chữ Tàu vào mỗi buổi tối trong năm 1969. Ngài viết kinh Lăng Nghiêm và dung hợp những nội dung tu học, bao gồm viết chữ Tàu theo từng nét, phương cách viết thư pháp, giải thích đơn giản các kinh văn, và luyện giúp khả năng ghi nhớ của các đệ tử.

Sau khóa tu học mùa hè năm đó, Ngài tổ chức một buổi lễ truyền giới. Hầu hết tất cả người tham dự đều thọ tam quy y, ngũ giới, và giới Bồ Tát (mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh). Một đệ tử tham dự toàn khóa, thọ giới Sa Di. Vào năm 1969, có năm người Mỹ phát tâm xuất gia tu đạo, rồi sang Đài Loan, thọ giới cụ túc tại chùa Hải Hội tỉnh Cơ Long. Năm vị này là chúng đệ tử xuất gia thọ giới cụ túc đầu tiên tại Mỹ. Những điều Ngài dạy năm người đệ tử xuất gia trước khi qua Đài Loan thọ giới, được Quả Dật ghi lại.

Ngày 27 tháng 10, năm 1969. Ngài dạy:

- Tôi chỉ ăn mỗi ngày một buổi vì biết rằng nhiều người trên thế gian đang bị đói khát. Hy vọng, họ sẽ dùng những lương thực mà tôi để dành. Ăn mỗi ngày một buổi cũng chính là giới Phật chế ra. Khi tu hành, chớ nhìn lỗi của người khác. Ngược lại, hãy bàn những điểm tốt của họ. Đây là tu "khẩu đức", tức là đức tánh của miệng. Nếu không có đức tánh này thì dầu có nói gì, ai ai cũng không tin tưởng. Nếu thân, khẩu, ý đều đầy đủ đức hạnh thì vừa gặp mặt, người khác sẽ tôn kính. Nhìn vào lời ăn tiếng nói và cử chỉ hành động, người khác sẽ biết rõ mình có đức hạnh hay không.

Tương lai, tôi sẽ truyền pháp cho mười đệ tử: Năm đệ tử xuất gia và năm đệ tử tại gia. Lãnh hội được kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, cùng nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm xong, quý vị sẽ làm pháp chủ, đi khắp mười phương, giáo hóa những chúng sanh có duyên lành. Trong giới Phật giáo, quý vị sẽ tự đứng một mình. Đừng lo lắng! Mọi việc đều đơn giản.

Ngày 28, tháng mười 1969, Ngài dạy:

- Không ai có thể biểu diễn hạnh khác thường. Chúng ta sống trong một đoàn thể, không ai là giỏi nhất hay dở nhất. Chớ khen ngợi hoặc khinh khi người khác. Chớ chấp vào những lời tán tỉnh hay chê bai. Phải làm mọi việc đúng đắn để chứng minh rằng người Mỹ có thể tu đạo. Phải luôn chú ý, duy trì "khẩu đức". Không bao giờ nói lỗi của người khác. Nếu có ai nói lời sai trái, hãy đi chỗ khác. Đừng để lỗ tai bị nhiễm ô. Ngay cả nghĩ về hạnh xấu của người khác cũng không được. Những điểm này tuy nhỏ nhặt nhưng rất quan trọng.

Ngày 29, tháng mười, năm 1969, Ngài dạy:

- Quý vị có biết chăng, việc của tôi giống như thợ nề nung gạch. Gạch được nung từ đất sét để làm nhà. Nếu để đất sét khô thì chúng sẽ nứt nẻ, nên phải nung nấu thì chúng mới không rạn bể. Một năm vừa qua, quý vị đã được nun đúc, nên nay là ngói gạch không bể nứt. Gạch đã được nung đúc, mai sau sẽ được dùng vào công việc xây nhà, tức tòa nhà Phật pháp. Ngói gạch này sẽ làm nền tảng kiên cố vững chắc. Mầm Bồ Đề đã được gieo từ trước, nên nay là thời điểm kết quả. Quý vị đi thọ giới, tức

là phải trưởng dưỡng nuôi nấng cây Bồ Đề để bất cứ ai khi nhìn thấy quả Bồ Đề đều muốn hái. Người khác vừa nhìn qua, liền biết ngay quả này chua ngọt như thế nào. Lại nữa, phải giống như ngói gạch, không bị nứt nẻ. Những lời này thật hành rất khó. Hãy cùng nhau hộ trì những lời phát nguyện.

Trong sự tu hành, việc quan trọng nhất là phải có tam muội, tức là định lực, và nhận chân tự tánh sẵn có của mình. Làm sao nhận ra? Tự tánh vốn thanh tịnh thuần lương không nhiễm ô. Khi đối đầu bất cứ cảnh giới nào trên thế gian như gặp duyên lành hay ma oán, đừng để tâm giao động.

Dầu người khác có bảo mình hay hoặc dở, chớ màng đến. Đã theo tôi tu học bao năm tháng, quý vị chớ để tình cảm ràng buộc.

Không thể đánh giá người nào hoàn toàn xấu hoặc hoàn toàn tốt. Phật Thích Ca được nhiều người ca ngợi tán thán, lại cũng bị nhiều kẻ hủy báng. Đề Bà Đạt Đa tuy là kẻ xấu xa nhất mà cũng có rất nhiều đệ tử của Phật lại nghe theo.

Lắm khi, có người gọi đệ tử Phật là heo hoặc chó. Đừng để tâm mình động. Hãy chuyển cảnh, chớ để cảnh chuyển mình. Nếu biết vạn vật tình không thì là điều tối vi diệu.

Thiện và ác không đến từ những người khác mà phát xuất từ tâm mình. Nếu mình tốt mà người khác bảo là xấu thì tự biết rõ mình đúng. Tuy nhiên, nếu làm việc xấu mà người khác bảo là hay thì mình là người ngu si. Nếu mình đúng thì người khác có nói gì cũng mặc kệ họ.

Tôi rất vui mừng vì quý vị phát tâm xuất gia thọ giới. Trong tương lai, quý vị phải xiển dương Phật pháp khiến chánh pháp lan rộng khắp nơi. Tuy nhiên, không được phan duyên hay cầu cạnh. Tôi đã từng bảo quý vị rằng những ai xuất gia với tôi phải tuân thủ ba đại tông chỉ, vì chúng rất hệ trọng. Người xuất gia phải:

"Dầu lạnh chết, không phan duyên
Dầu đói chết, không xin xỏ
Dầu nghèo chết, không cầu cạnh".

Tuân thủ ba đại tông chỉ này thì quý vị mới được theo tôi xuất gia. Hoằng dương Phật pháp, xả bỏ ngã tướng thì mới thực sự tu hành theo chánh pháp. Trong Phật giáo, không có việc khổ nhọc hoặc khó khăn. Hãy giúp đỡ người khác, chớ ích kỷ. Hãy chuyển tham, sân, si, như xoay trở bàn tay. Trước kia, tâm tôi thường tham lam, oán hận, ngu si, nhưng giờ đây đã tẩy trừ. Đó là tâm ấn của chư Phật Tổ nay truyền trao cho quý vị. Quý vị có hiểu chăng?

Đừng có "bản ngã". Hãy vứt "bản ngã" qua một bên để giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, chớ suy nghĩ: "Vì thường giúp người, nên tôi chính là Bồ Tát".

Đã làm việc gì tốt cho người hãy quên đi. "Các pháp, tướng của chúng đều là không".

Không có gì cao thấp. Kinh điển nhà Phật thường nhắc nhở điều này. Chớ đi nơi khác tìm cầu, mà hãy nhìn lại chính mình.

Ngài Quy Sơn (vị tổ sư của dòng thiền Quy Ngưỡng), được cúng dường một gói tiền, nhưng Ngài không thèm đụng đến. Ba năm sau, tín chủ trở lại thấy gói tiền đó vẫn còn y nguyên nơi chỗ cũ. Với thiền định tam muội như tổ Quy Sơn như thế, chắc chắn quý vị sẽ đạt thành tựu! Nghe lời diệu pháp này, quý vị ngộ chưa?"

Lúc năm đệ tử người Mỹ qua Đài Loan thọ giới, Ngài ngưng giảng kinh Pháp Hoa để giảng kinh A Di Đà. Khi họ thọ giới xong và trở về Mỹ, giảng đường Phật giáo ngày càng bận rộn, người xin quy y làm đệ tử ngày một gia tăng.

(Nhật báo Seattle đăng tải trang bìa lớn, chụp ảnh năm vị đệ tử xuất gia của Ngài vào ngày thứ hai, mồng mười tháng mười một, 1969. Sau đây là phần trích lược:

"(Đài Loan) Năm người Mỹ, gồm có bốn sinh viên đại học Washington, hy vọng sẽ trở thành những tu sĩ Phật giáo. Hôm nay, họ bắt đầu tu học tại chùa Hải Hội, thành phố Cơ Long, Đài Loan. Năm người này, họ đến Đài Loan vào ngày 31 tháng mười...Nếu đúng theo lịch trình thì họ sẽ được thọ giới làm tu sĩ vào mồng một tháng mười hai. Họ đã nghiên cứu tu học Phật pháp tại Mỹ và sẽ trở về đó vào tháng mười hai, để nhận công tác tại giảng đường Phật Giáo, thành phố Cựu Kim Sơn".

Trong những người quy y, thọ giới vào năm 1969 có cô Bob và anh Fran Laughton (khi ấy, cả hai chưa cưới nhau), và cô Barbara Waugh (sau này cô ta có dịp may được Ngài đứng ra làm chủ lễ kết hôn với anh Ernie tại giảng đường Phật Giáo). Barbara và Fran làm y tá tại vùng thung lũng Ukiah. Cùng với gia đình, họ thường đến chùa Vạn Phật lễ bái.

Trên mười năm kết hôn, Bob và Fran vẫn chưa có con. Sau những lần khám nghiệm, họ được bác sĩ cho biết là không thể có con được. Nhờ thành tâm cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm, cuối cùng họ có được hai đứa con trai mạnh khỏe, khiến bác sĩ ngạc nhiên vô cùng.

Con số của những người đệ tử quy y, ngày càng gia tăng. Giảng đường Phật Giáo vẫn chứa đựng hết số người đó. Trong những người quy y thọ giới với Ngài, có một cô tiến sĩ sau này xuất gia (tức là sư cô Hằng Hiền hiện nay), thường viết những bài giảng dạy chữ Phạn trên nguyệt san Kim Cang Bồ Đề Hải, cùng phiên dịch những lời giảng dạy của Ngài.

Giảng Đường Phật Giáo tại vùng Cựu Kim Sơn, 1968-1970

Giảng Kinh thuyết Pháp

Hướng dẫn đại chúng tu hành

Năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên ở Mỹ sau khi sang Đài Loan thọ đại giới, họ trở về lễ Ngài.

Dạy đệ tử không mỏi mệt.

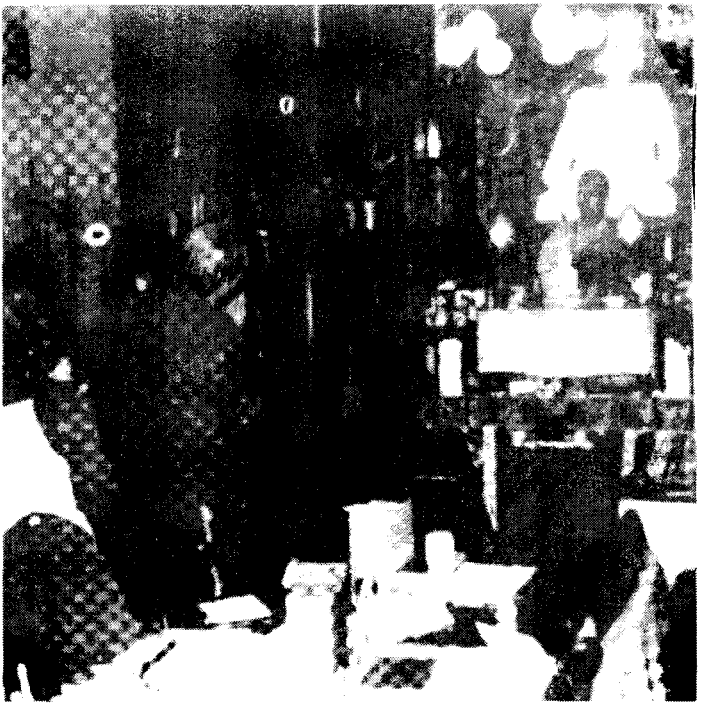

1969, tại San Francisco.

Mùa hè, vài lần Ngài truyền giới quy y cho các đệ tử. Sau lưng là một tượng Phật bằng thạch cao, do chính tay Ngài tự nắn lấy.

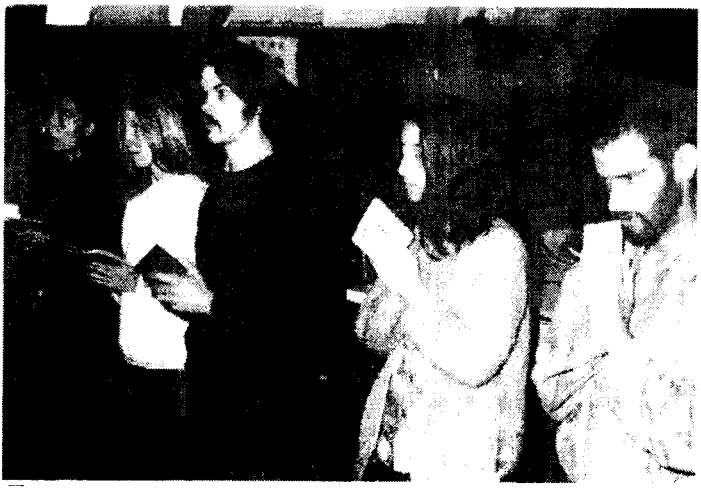

Thọ giới Quy y

Thêm nhiều đệ tử thọ giới Quy y

Giảng Đường Phật Giáo, San Francisco, trong thập niên 60.

Giảng đường tuy nhỏ nhưng cũng đủ chỗ cho những thanh niên người Mỹ, đang khát khao học Phật pháp. Căn phòng này, được dùng làm giảng đường, thiền đường, nhà ăn, phòng khách, lớp học, phòng hội họp, phòng học.

Đương thời, vào những dịp đặc biệt, Ngài dẫn đệ tử đi thăm những "Tịnh Xá" (nghĩa là những ngôi chùa chỉ có một vị thầy Tàu trú ở). Lần nọ, trên xe chở các đệ tử đến ngôi "Tịnh Xá" được trang hoàng lộng lẫy với nệm dày sơn mỏng, Ngài dạy họ những cách thức nhã nhặn:

- Khi bước vào chùa, hãy cởi giày ra, đừng ngó xung quanh như muốn ăn cắp đồ vật, đừng làm đổ nước trà, đừng đi một mình trong những phòng ngủ hoặc những nơi không ai thấy. Nếu không, vị trụ trì sẽ lo lắng về việc quý vị lấy của hay đập phá đồ đạc.

Lần đó, sự thăm viếng của Ngài và các đệ tử làm cho các thầy Tàu trong những ngôi "Tịnh Xá" chột dạ. Vừa bước vào cửa, các thầy Tàu đó đều kinh ngạc sửng sốt, vì Ngài và chư đệ tử không "hợp" với môi trường đó.

Thái độ tiếp thọ và lòng từ bi của Ngài khác biệt hoàn toàn với họ. Lòng kiên nhẫn và phương tiện thiện xảo, khiến đệ tử đến với Ngài như bị nam châm thu hút. Ngài từ từ dạy các đệ tử tẩy rửa, sửa đổi những lỗi lầm. Đạo tràng của Ngài lập ra hoàn toàn khác với những "Tịnh Xá" của các vị thầy Tàu. Giảng đường Phật Giáo vốn là đạo tràng cũ kỷ, chỉ để đáp ứng nhu cầu tu học của hai chúng xuất gia và tại gia. Lắm người thường tự hỏi: "Tại sao Ngài thu hút được nhiều

người trẻ tuổi, khiến họ muốn theo xuất gia tu hành?" Quý vị hãy tự nghiền ngẫm.

Một đoạn văn trích từ bài "Kiếm Chặt Ma":

"Độc giả hãy cẩn thận! Có những người tự xưng là thiện tri thức như 'Lạt ma, thiền sư, du già sư, thượng sư', v.v... Họ đều là những người cầu danh cầu lợi. Tại mỗi nhà sách, đại học, bất luận già trẻ, họ thường tự xưng hàm hồ những lời điêu ngoa xảo quyệt, giảng công án, hay khẩu đầu thiền: 'Quý vị là Phật. Tôi cũng là Phật. Tất cả chúng ta đều giác ngộ! Hãy lắng nghe tôi điều này. Tự do phóng túng!...'

Họ thường dụ dỗ những người ngây thơ và làm nhơ các 'đệ tử', những ai không biết đâu là chân đâu là giả".

Thỉnh thoảng, Ngài bảo các đệ tử đến gặp những "Tổ Sư" người Mỹ đó. Họ cũng không thích đệ tử Ngài cho lắm. Nhân dịp đại lễ Phật đản tại vùng Cựu Kim Sơn do các đệ tử của Ngài tổ chức, các viên chức thành phố Cựu Kim Sơn tán thán "...Đại lễ Phật đản được tổ chức long trọng do sự cố gắng tích cực của hội Phật giáo Trung-Mỹ. Đây là đại lễ Phật đản được tổ chức lần đầu tiên tại vùng Cựu Kim Sơn..."

Dưới đây là bài phát biểu của ông Sam Lewis (Sufi Sam): "Tôi rất lấy làm hối tiếc là phải đính chính lời phát biểu của các vị ủy viên chánh phủ... Phật pháp đã đến thành phố này vào đầu thế kỷ... Đặc biệt, tôi nhớ lại rằng chính mình đã chính thức tham dự đại lễ Phật Đản vào năm mươi năm về trước... Sau cuộc viễn du trong một thời gian ngắn, trở lại đây tôi thấy những người trẻ tuổi ở quốc gia này tích cực tu học Phật pháp. Với bầu nhiệt huyết hăng say, hôm nay các thanh niên Phật tử thay thế địa vị của chúng ta để cử hành đại lễ Phật đản trọng đại này".

Ông Sam Lewis (Sufi Sam), người sáng lập phái Mật Tông tại nước Mỹ, thường dẫn đệ tử đến giảng đường Phật giáo. Tuy nhiên, sau cái chết đột ngột, ông mới chấp nhận rằng Ngài là vị truyền đúng chánh pháp. Ông ta trở về, báo mộng cho các đệ tử, thúc giục họ phải đến quy y với Ngài, và bảo rằng rất hối tiếc là lúc còn sống, không đến tu học Phật pháp với Ngài.

Thêm một "Tổ Sư" người Mỹ tuyên bố: "Mọi người đều là Phật", có nghĩa rằng ông ta là Phật.

Giáo sư Epstein bình luận: "Đương thời, có rất nhiều hội đoàn Phật giáo lạ lùng. Tuy tự

xưng là Phật tử nhưng thực chất thì không. Lại nữa, có một số người Mỹ rất thích làm "Tổ Sư". Họ muốn Ngài ấn chứng cho làm "Tổ Sư" người Mỹ đầu tiên. Trong số những người đó, có lẽ ông Joe Miller là người thông minh xảo quyệt nhất. Ông ta vốn là chủ tịch hội Thần Học tại thành phố San Francisco. Ông ta cũng có đệ tử. Có lẽ tôi gặp ông ta cùng bà vợ vào mùa đông 1967-1968, lúc đến tham thiền tại giảng đường Phật Giáo. Khi ấy, vào mỗi đêm, Ngài có tổ chức buổi ngồi thiền công cộng từ bảy giờ đến tám giờ tối. Theo tôi được biết, nhân duyên của ông Joe Miller đối với Ngài rất phức tạp. Ngài thường bảo rằng tuy đã cố gắng chỉ dạy ông ta bao đời, nhưng không thể thành công. Tôi nhớ lại Ngài kể rằng ông Joe Miller đã từng khiến Ngài bị rắc rối từ đời Đường hoặc đời Tống. Ông ta cùng bà vợ cũng tham dự khóa tu học mùa hè trong một thời gian cho đến khi bị Ngài trách mắng công khai vì hành vi bất chánh. Ông ta rời chùa và kể từ đó, ít khi liên lạc với Ngài.

Lại có một người nữa mà tôi không nhớ tên; ông ta được các đệ tử gọi là "thiền sư trèo núi và đi trên lửa". Những tờ nguyệt san Kim Cang Bồ Đề Hải đầu tiên thường đề cập gián tiếp về những người này trong phần "kiếm chặt quân

ma" và "chày hàng phục quân ma". Khi thấy phát hành những tờ nguyệt san này, họ rất tức giận vì nhận ra rằng những lời lẽ đó trực tiếp chỉ thẳng đến mình dầu không nhắc tới tên tuổi ai cả".

"Thanh tịnh ý chí, hồi tâm hướng thiện, phát tâm dũng mãnh tinh tấn, lập chí tu thành đạo quả. Độ khắp đồng luân cùng lên bờ giác; cùng chư thượng thiện nhân, hoan hỷ sống chung một nơi; cùng chư Bồ Tát bất thối, mãi mãi làm bạn lữ".

Đây là mục đích của quyển sách "Thủy Kính Hồi Thiên Lục" (nghĩa là nước trong tấm gương sáng, xoay vận mệnh trời). Về phần lý lẽ rất dễ bàn luận, nhưng về phần sự tướng lại rất khó hành trì. Tại sao? Khi giáo hóa chúng sanh hành việc lành, dầu có la hét mắng chửi chỉ dạy năm ba lần, họ vẫn không thay đổi tánh tình. Tuy nhiên, nếu họ gặp duyên ác thì niệm ác tăng trưởng, tự thông đạt dễ dàng. Người bỏ mê xoay về giác thì rất ít.

Ví như ánh trăng sáng hiện trên mặt nước, hoa soi trong gương sáng, chúng vốn là những ảnh giả, không có thật thể. Hy vọng trong những việc không thể hy vọng. Cố gắng thành tựu

những gì không thể thành tựu. Vì vậy, quyển sách này được gọi là "Thủy kính hồi thiên lục".

Một pháp hội tại Kim Sơn Thiền Tự, vùng San Francisco.

Trong hình, Ngài cho phép các đệ tử làm pháp chủ trong pháp hội, nhằm huấn luyện cho họ có kinh nghiệm thực tế. Mặc dầu giữ tánh khiêm nhường, nhưng Ngài vẫn rất chú ý về mọi hoạt động của tự viện cùng việc huấn luyện dạy dỗ các đệ tử. Không nghi ngờ gì cả, lực hổ trợ mạnh nhất cho việc bồi dưỡng mầm móng Phật giáo tại Tây Phương là sự hiện diện của Ngài từng giờ từng ngày từng tháng từng năm.

1969, tại San Francisco.
Trong năm, mỗi chiều thứ bảy, Ngài giảng kinh tại "Rừng Cư Sĩ", thuộc vùng Richmond, San Francisco. Ngài để một tôn tượng Địa Tạng tại đó, và giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện.

Niên biểu từng năm đến khi nhập diệt.

Năm 1970 Ngài giảng luận Đại Thừa Trăm Pháp Môn. Ngài thành lập chùa Kim Sơn, Cựu Kim Sơn. Từ ngày mười lăm tháng mười một đến ngày hai mươi tháng hai năm tới, Ngài cử hành thiền thất trong một trăm ngày. Khi ấy, Ngài giảng truyện Cao Tăng và cho ra tờ nguyệt san Phật Giáo chánh pháp, tức là Kim Cang Bồ Đề Hải.

Năm 1971 Ngài giảng luận Đại Thừa Khởi Tín, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Sơ Tự kinh Hoa Nghiêm, Sớ Sao kinh Hoa Nghiêm.

Năm 1972 Ngài giảng "Thập pháp giới, không ngoài một tâm niệm", kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Phật Tổ Đạo Ảnh. Ngày hai mươi tháng chín, kỳ Truyền Thiên Phật Tam Đàn Đại Giới được tổ chức lần thứ nhất tại chùa Kim Sơn.

Năm 1973 Ngài thành lập viện Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế. Tại chùa Kim Sơn, Ngài thành lập trường tiểu học Dục Lương. Hai đệ tử xuất gia, Hằng Cụ và Hằng Do, phát tâm hành ba bước một lạy, từ thành phố Cựu Kim Sơn, California đến thành phố Seattle, Washington vì cầu thế giới hòa bình. Lần đầu tiên trong lịch sử

Phật giáo quốc tế, có người xuất gia hành ba bước một lạy.

1970, San Francisco.

Hội Phật Giáo Trung Mỹ (sau này trở thành Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới), tổ chức ngày lễ Phật đản lần đầu tiên. Hơn sáu trăm tín chúng đến làm lễ tắm Phật tại công viên quảng trường Liên Hợp. Chư tăng hướng dẫn tín chúng vào chánh điện ở nhà thờ Công Lý. Hình chụp Ngài ngồi trong lễ đường nhà thờ Thiên Chúa giáo, và xem các đệ tử xuất gia trẻ đang hướng dẫn lễ tắm Phật, tượng trưng cho sự thanh tịnh hóa thân tâm.

Giảng Đường Phật Giáo, San Francisco.

Ngài tập trung tinh thần, cong mình xuống để viết chữ. Có lần, Ngài bảo các học sinh đang học lớp viết chữ Tàu: "Các con có thể phát triển công phu của mình trong mọi lúc. Các con có thể không cảm nhận được điều này. Nhưng đối với Thầy, trong lúc viết chữ Tàu, luôn tự khống chế hơi thở của mình. Thật vậy, các con có thể học rất nhiều việc trong cuộc sống hằng ngày.

Trên mái nhà của Giảng Đường Phật Giáo, San Francisco.

Ngài dạy chư đệ tử người Mỹ cách thức vừa đi nhiễu, vừa tụng niệm. Khi đã thành một vòng tròn thì mất đi ý nghĩa của vị trí người đi trước và người đi sau cùng. Người đi trước biến thành người đi sau cùng. Người đi sau cùng biến thành người đi trước. Mỗi người đều trở thành người đi sau cùng, và mỗi người đều biến thành người đi trước. Thật vậy, lý của vòng tròn là không có trước và sau. Ngài dùng ví dụ này để dạy về lý đấu tranh tham vọng, tham cầu lợi danh địa vị.

Quán Âm Bồ Tát Ngàn Tay Ngàn Mắt.

Tôn tượng chính đặt trong chánh điện Vạn Phật Thánh Thành là thánh tượng Bồ Tát Quán Âm. Hình bên dưới là tôn tượng Bồ Tát Quán Âm thuở xưa được đặt tại chùa Kim Sơn, và chưa được mạ vàng.

Trai Đường (nhà ăn), chùa Kim Sơn.

Cây gỗ để sửa chữa chùa Kim Sơn có được là do sự cảm ứng của Bồ Tát Quán Âm. Ngày nọ, vợ chồng Quả Đồng, Lao Đốn, đệ tử của Ngài, biết một cơ sở thương mãi ở vùng Cựu Kim Sơn đang được kiến thiết, nên phải bỏ đi những gỗ cây cũ. Ai ai cũng có thể lấy được mà không tốn tiền. Vợ chồng Lao Thốn báo tin này cho chùa. Sau đó một nhóm đệ tử trẻ được phái đi lấy củi đem về chùa. Những gỗ cây này là nguyên liệu chính để sửa chữa lại chùa Kim Sơn. Những mãnh gỗ nhỏ còn dư lại được làm bàn ghế để trong nhà ăn. Ngài dạy những đệ tử người Tây Phương, không nên lãng phí vật dụng. Những nguyên liệu này được dùng tới dùng lui trong việc sửa chữa chùa Kim Sơn.

Đầu năm 1970, tại San Francisco.

Kim Sơn Thiền Tự, Nghi Thức Truyền Cúng. Ngài hướng dẫn nghi thức Truyền Cúng lần đầu tiên. Khi ấy, một vị tỳ kheo đệ tử làm Pháp Chủ. Từ lúc bắt đầu, Ngài huấn luyện các đệ tử bằng cách đặt họ vào vị trí lãnh đạo, còn chính Ngài thì luôn giữ thái độ khiêm cung; chỉ ban lời huấn dụ khi cần thiết.

Trì Giới thanh tịnh vô hà vết,
Trí tuệ quang chiếu biến đại thiên

dịch:
Trì giới thanh tịnh không tỳ vết,
Trí huệ chiếu sáng khắp đại thiên

Tam Đàn Đại Giới được tổ chức nhiều lần ở phương Tây.
Tại chùa Kim Sơn, 1972

1973, San Francisco.

Lễ Khai Mở Viện Phiên Dịch Quốc Tế. Đây là nơi xuất bản những bản kinh tiếng Anh, được phiên dịch đầu tiên, đã hoàn thành. Trường tiểu học Dục Lương cũng được thành lập ở đây vào năm 1976.

Với đệ tử xuất gia và tại gia trên nóc chùa giảng đường Phật giáo.

1973, Viện Dịch Kinh Quốc Tế, San Francisco.

Ngài khai quang điểm nhãn thánh tượng Quán Âm Bồ Tát, bốn mươi hai thủ nhãn, để trang nghiêm và hộ trì viện Dịch Kinh Quốc Tế. Ngài dạy tụng câu chú: "Thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra, tần đà ra. Sân đà, sân đà. Hổ hồng, hổ hồng", tức đoạn đầu, phần thứ tư, trong chú Lăng Nghiêm. Ngài viết kệ, giải thích câu: "Thập Phật ra, thập Phật ra", là:

"Phật bảo phóng ánh sáng khắp nơi
Chiếu cùng pháp giới, tạng hư không
Chỉ rõ nhập vào chánh tri kiến
Vô thượng Bồ Đề, vua đại giác".

Ngài cùng với trợ giáo Lưu Tế Sanh

Giảng kinh thuyết pháp sau khi trùng tu chùa Kim Sơn

Với các đệ tử ở trước cổng chùa

Tại Kim Sơn Thiền Tự, 18-11-73

Pháp hội tại Giảng Đường Phật Giáo

1973, San Francisco.

Lễ xuống tóc, xuất gia tại chùa Kim Sơn vào tháng mười một. Hình chụp sáu vị vừa xuất gia, đứng sau lưng Ngài.

1/ Hằng Phước, Quả Mãn, đứng ngay sau lưng Ngài. Bà là vị thí chủ của Giảng Đường Phật Giáo tại Hồng Kông.

2/ Hằng Phủ, đứng sau cuối bên trái, sau lưng Ngài. Khi chưa xuất gia, lần nọ, Thầy đến phỏng vấn Ngài. Tay Thầy cầm bao giấy, trong đó có một cây búa, mà vị đệ tử theo hầu Ngài chẳng biết. Đến khi Ngài hỏi ra, thì mới biết là trong bao giấy có cái búa.

3/ Hằng Trân, người thứ nhất về bên phải, sau lưng Ngài. Ni cô đã phiên dịch "Sự Tích của ngài Tuyên Hóa", và "Chú Giải Kinh A Di Đà" của Ngài ra tiếng Tây Ban Nha.

4/ Hằng Không, người cao nhất, đứng bên phải ni cô Hằng Phước. Thầy đã từng nhịn ăn trong bảy mươi hai ngày, trì chú Lăng Nghiêm tám giờ một ngày trong một khoảng thời gian, mỗi lần ngồi thiền trong tư thế kiết già khoảng mười hai giờ.

5/ Hằng Lộc, con trai độc nhất của một thương gia tại vùng San Francisco.

6/ Hằng Trầm, một phụ nữ đến từ Nam Phi.

Kim Sơn Thiền Tự, San Francisco.

Hình Ngài chụp với hai cặp vợ chồng giáo sư Edward Conze và Lewis Lancaster. Giáo sư Edward Conze là một học giả Phật giáo nổi tiếng. Khi đang dạy tại đại học "University of Washington, Seattle," một học sinh của ông ta là Ronald Epstein (hiện là giáo sư trường đại học San Francisco State University) viết bài luận án cho bản dịch của ông ta về bài kệ chú giải Tâm Kinh của ngài Tuyên Hóa. Một học sinh khác của ông, sau khi tham dự pháp hội giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm trong mùa hè 1968, liền phát tâm xuất gia, pháp danh là Hằng Tĩnh. Giáo sư Lewis Lancaster, khoa trưởng phân khoa Phật học tại đại học "University of Berkeley", cũng là ủy viên chủ khảo luận án tiến sĩ của ông Ronald Epstein (tức giáo sư Ronald Epstein, hiện tại) về bài dịch "Bảy Chỗ Hỏi Tâm của Ngài A Nan". Thật rất kỳ lạ, trong hình chụp, hiện ra điềm lành, một bảo cái ba cạnh tám góc, màu trắng.

Redwood City, California.

Giáo sư Lewis Lancaster thỉnh mời Ngài diễn giảng cho sinh viên đại học "University of Berkeley" nơi khu tu học tại Redwood City. Nơi đó, Ngài giải thích cho thanh niên sinh viên về nguồn gốc của chữ "Buddha". Chữ "Buddha" này được phiên dịch ra tiếng Tàu là "Phật Đà Da". Sau này được gọi tắt là "Phật". Ngài bảo rằng nếu như sống vào thời phiên dịch chữ "Buddha", thì Ngài sẽ đề nghị phiên dịch chữ "Buddha" ra tiếng Tàu là "Bất Đại", nghĩa là không lớn. Do vì Phật không lớn, không nhỏ, không đến không đi.

San Francisco.

Kim Sơn Thiền Tự, ảnh Ngài cùng các đệ tử chụp với nhóm người "Huyễn Mộng Ca Ly". Sau cái chết đột ngột của Sơn Mỗ (Sufi Sam), vài thành viên của nhóm "Huyễn Mộng Ca Ly", đồng mơ thấy Sơn Mỗ hiện về, ba lần trong một đêm. Sơn Mỗ bảo: "Nay mới hiểu rõ rằng tôi thật không đủ tư cách dạy các vị, vì tôi không thật chứng đắc. Nay tôi rất lấy làm hối tiếc là tuy gặp ngài Tuyên Hóa mà không học được gì cả. Các vị phải nên đến chùa, quy y ngài Tuyên Hóa. Ngài Tuyên Hóa có đủ tư cách để dạy các vị. Ngài thật là vị đã chứng đắc".

Ngày kế, sau khi luận bàn về giấc mộng, nhóm người "Huyễn Mộng Ca Ly", gọi điện thoại đến chùa Kim Sơn, hỏi thăm khi nào có lễ truyền tam quy y. Quy y xong, họ thường đến chùa Kim Sơn để tu học, nghiên cứu Phật pháp. Sau khi trường tiểu học Dục Lương được thành lập vào năm 1976, họ cũng gởi con cái đến học.

Năm 1974 Ngài thành lập trung tâm Bồ Đề Đạt Ma tại Seattle. Ngài giảng kinh Bốn Mươi Hai Chương, Sa Di Luật Nghi Yếu Giải. Chư đệ tử hộ pháp cúng dường khu đất rộng gần năm trăm mẫu đất tại vùng bắc California. Từ ngày hai mươi tháng mười một đến ngày mười hai tháng giêng năm kế, Ngài hướng dẫn chư đệ tử qua hoằng pháp tại Hồng Kông, Ấn Độ, Tân Gia Ba, Việt Nam, Đài Loan, v.v...

Năm 1975 Ngài thành lập chùa Kim Luân tại Los Angeles. Ngài giảng chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Mãn.

Năm 1976, ngày ba mươi tháng tám, tại Vạn Phật Thánh Thành Ngài cử hành kỳ Truyền Thiên Phật Tam Đàn Đại Giới lần thứ hai. Ngài thành lập trường nam nữ trung học Bồi Đức và đại học Phật Giáo Pháp Giới.

1974, Berkeley.

Nhân ngày vía Quán Âm Bồ Tát Thành Đạo, Ngài chủ trì pháp hội phóng sanh tại Berkeley Marina, năm 1974. Ý nghĩa phóng sanh: Nếu chúng ta tôn trọng quyền lợi tự do, việc sanh tồn của mọi loài chúng sanh, và thường phóng sanh thì áp bức, chiến tranh, và giết chóc có thể tận trừ mà không dùng võ lực. Chuyển tâm hận thù, ghen ghét, xâm lược, thành tâm từ bi, hòa bình. Phóng sanh những chúng sanh xấu số, chúng ta có thể tự giải thoát chính mình và thế giới vượt ngoài nghiệp giết hại.

Berkeley, Pháp hội phóng sanh tại Berkeley Marina.

Trong những năm Ngài vừa đến Mỹ, đa số tín chúng là người Tây Phương, gồm nhiều sắc tộc, văn hóa khác nhau. Đối với truyền thống, nghi thức Phật giáo, không ai biết đến cả. Do đó, Ngài phải lập đi lập lại, giải thích, hướng dẫn về phương thức làm lễ, hoạt động v.v..., cho đến khi nhóm đệ tử thuần thành, hiểu rõ, hòa đồng sự hiểu biết và nhận thức. Trong hình, Ngài hướng dẫn các đệ tử đặt những hộp củi thành hình chữ Phật, trước khi làm lễ phóng sanh.

Vì số người xuất gia ngày càng đông, Ngài cần phải tìm một đạo tràng tương xứng. Ngài cũng bỏ ra một phần thời gian, sức lực, mồ hôi, mệt mỏi tìm kiếm đạo tràng tương xứng để xây dựng tu viện, chánh điện, viện dịch kinh, trường học, trung tâm huấn luyện, viện dưỡng lão, nhà cư sĩ v.v... Trong những ngày tìm kiếm chỗ, Ngài là người đầu tiên leo lên núi non, và cũng là người đi sau cùng.

1974, Seattle.

Ngài chủ trì pháp hội "Hòa Bình Thế Giới". Hơn năm trăm người tham gia hoạt động trong ngày đó với tâm chân thành, một lòng cầu nguyện thế giới hòa bình.

1974, Seattle.

Pháp hội "Hòa Bình Thế Giới" trùng hợp với ngày hai thầy Hằng Cụ và Hằng Do hoàn thành nguyện hạnh "Đi ba bước, lạy một lạy", từ thành phố San Francisco đến thành phố Marblemount, Washington. Hai vị tỳ kheo khác, thầy Hằng Quán và Hằng Không, cũng tham dự pháp hội đó vào lúc đang nhịn ăn trong bảy mươi hai ngày.

1974, Seattle.

Hai tỳ kheo, Hằng Cụ và Hằng Do, vì cầu thế giới hòa bình, nên hành nguyện "Ba Bước Một Lạy", từ thành phố San Francisco đến thành phố Marblemount, Washington. Cuộc hành trình bắt đầu vào tháng mười năm 1973 và hoàn thành vào tháng tám năm 1974. Đây là cuộc hành trình kỳ đặc trong lịch sử Phật giáo thế giới.

1974, Seattle.

Thầy Hằng Quán và Hằng Không tuyệt thực trong bảy mươi hai ngày, không ăn uống chi cả, chỉ uống một ly nước lạnh vào mỗi ngày. Hình Ngài chụp với hai thầy Hằng Quán và Hằng Không (đang đứng), và Quả Hồi (cũng nhịn ăn trong ba mươi lăm ngày).

Kim Sơn Thiền Tự, San Francisco.

Ngài cho thầy Hằng Cụ bánh pie, chúc mừng thầy hoàn thành nguyện hạnh "Ba Bước Một Lạy" từ thành phố San Francisco đến thành phố Marblemount, Washington. Câu chuyện xảy ra như sau:

Thầy Hằng Cụ, khi còn làm cư sĩ, học hạnh ăn một ngày một buổi, nhưng rất khó. Ngày nọ, trên đường đi làm về, chàng mua một hộp bánh pie, rồi bỏ vào túi áo choàng. Trong lúc nghe giảng kinh thuyết pháp vào buổi tối, chàng không nhớ nghĩ chi hết ngoại trừ hộp bánh pie. Thế nên, chàng nóng lòng, mong đợi buổi giảng kinh sớm kết thúc để được ăn bánh pie.

Nghe giảng kinh xong, không nói lời nào với ai, chàng lẳng lặng trèo lên cầu thang ống khói để leo ra khỏi nóc nhà. Chàng bắt đầu đi vòng vòng, rồi mở hộp bánh pie ra ăn; cắn một miếng bánh to tướng. Đang khi đi vòng vòng ống khói trên nóc nhà, đột nhiên chàng thấy ngài Tuyên Hóa, cũng vừa leo lên cầu thang ống khói. Ngài Tuyên Hóa bắt đầu đi rảo, ngược vòng và đối diện với chàng. Lúc đó, miệng chàng đang ngậm một miếng bánh pie to tướng, nên không thể nói năng chi được. Chàng chỉ cuối đầu lễ bái và tiếp tục đi vòng vòng. Như thế, họ đi ngược và đối diện với nhau cả thảy ba vòng. Lần thứ ba, ngài Tuyên Hóa hỏi chàng: "Con cảm thấy thế nào? "

Sau đó, Ngài bước xuống cầu thang ống khói.

Tháng mười 1974, Sài Gòn, Việt Nam.

Phương Quả Ngộ, đệ tử của Ngài, là người thường đi du lịch khắp thế giới. Bà cùng chồng sống ở Sài Gòn. Nơi đây, họ có rất nhiều công ty và đất đai. Trước khi tình hình chính trị biến đổi ở Sài Gòn, Ngài đột nhiên gọi điện thoại cho vợ chồng bà. Khi đó, cả hai vợ chồng đều ở nhà. Bà Phương Quả Ngộ rất ngạc nhiên về cú điện thoại đó, nên nhanh nhẩu hỏi Ngài rằng có việc gì quan trọng không. Được trả lời là không có việc gì quan trọng hết, nhưng trong lúc điện đàm, Ngài khuyên hai vợ chồng là nếu không có gì đặc biệt, nên thu xếp công việc làm ăn gọn gàng, để qua Mỹ sớm. Tuy thế, họ không nghe lời khuyên của Ngài mà qua Mỹ sớm. Kết quả, sau khi tình thế chính trị thay đổi, họ bị mất mát hơn nửa gia tài.

1975, Oregon.

Ngài hướng dẫn bốn chúng đệ tử đến tu hành tại một khu rừng ở tiểu bang Oregon. Nơi đó, Ngài cử hành pháp hội niệm danh hiệu Phật A Di Đà ngoài trời. Ngài cũng giải thích về pháp môn Tịnh Độ, tức luôn niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Đang lúc giải thích về phương pháp niệm Phật trong cuộc sống hằng ngày, ánh đèn dầu đột nhiên phực lên một luồn hào quang tỏa sáng, bao trùm xung quanh đầu Ngài.

Oregon.

Trong hình, Ngài đang chủ trì lễ phóng sanh tại bờ biển Oregon, vào lúc cực điểm của kỳ Phật thất tại "Phật Căn Địa", tức vùng đất có căn tánh Phật. Ngài dùng nhiều phương tiện thiện xảo để dẫn dắt thanh niên người Mỹ, bước vào cửa Phật. Sau kỳ Phật thất kết thúc, Ngài dời toàn bộ hội tràng từ trong khu rừng ra đến ngoài bãi biển. Khi hoàng hôn vừa xuống, mọi người đều hướng về phía tây, phát nguyện cầu vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc, và hồi hướng công đức lành tu tập, cho tất cả chúng sanh.

Trong hình, Ngài và pháp sư Huệ Sanh, cùng các đệ tử xuất gia, giảng pháp cho sinh viên đại học. Có những năm, Ngài thường đến các trung tâm giáo dục, để giảng kinh thuyết pháp, như đại học University of California at Berkeley và Davis; the University of Southern California, Los Angeles; Stanford University; the University of Wisconsin; the University of Minnesota; Humbolt State University; the University of Oregon; the University of Washington; the University of Hawaii; the University of British Columbia.

1976, Santa Clara.

Tại Công Viên Trung Ương, Ngài thuyết giảng cho thanh niên Mỹ nghe về đề mục: "Tinh Thần Hòa Bình". Trong hình này, chứng minh rõ ràng rằng Ngài có nhiều nhân duyên với thanh niên người Mỹ. Đến bất cứ chỗ nào, thanh niên người Mỹ luôn bị thu hút bởi lòng từ bi ấm áp, lời ngay thẳng, siêu vượt chướng ngại của ngôn ngữ và văn hóa, năng lực tương thông thần kỳ của Ngài.

1976, Santa Clara.

Do đức hạnh tu hành, Ngài cảm hóa được những thanh niên người Mỹ, khiến họ từ từ dẹp bỏ tâm niệm "Tự Do, Độc Lập", và lần lần nghiên cứu, học Phật pháp, như trì thánh hiệu Phật A Di Đà. Hình chụp những thanh niên người Mỹ, đi nhiễu và niệm Phật theo các vị tăng ni.

1976, San Francisco.

Ngài chủ trì buổi lễ cạo tóc xuất gia. Trong năm, có thêm bốn vị thanh niên nam nữ, phát tâm tu đạo, gia nhập tăng đoàn, như thầy Hằng Thật, Hằng Thuận, sư cô Hằng Cư, và một vị tăng người Á Châu (đây là vị đệ tử xuất gia người Á Châu đầu tiên, kể từ khi Ngài qua Mỹ).

Thập niên 70, tại Kim Sơn Thánh Tự.

Các đệ tử đang nghe Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, Sao Tự của kinh Hoa Nghiêm, Sớ Sao kinh Hoa Nghiêm.

Trong những buổi giảng kinh, Ngài thường khuyến khích các đệ tử chuẩn bị, tập giảng kinh. Các vị đệ tử thường không bao giờ biết được là Ngài sẽ gọi tên ai lên tập thuyết pháp.

Các đệ tử thường dùng máy nghe để lắng nghe tiếng Tàu, trong lúc tiếng Anh đang được phiên dịch. Đồng thời, có các đệ tử, vừa lắng nghe tiếng Tàu vừa đánh máy và phiên dịch kinh ra tiếng Anh trong phòng cách âm.

Thập niên 70, San Francisco.

Ngài luôn tùy duyên lành mà hóa độ chúng sanh. Làm bất cứ phương tiện thiện xảo gì, Ngài đều nhắm vào việc giáo hóa chúng sanh. Ví như những việc mà Ngài cho phép các đệ tử làm cho mình, không nhất định là do ý muốn.

Ví như, trong lúc giảng kinh, các đệ tử thường thích đem nước uống cho Ngài dùng. Thời gian sau, một trong những người đệ tử, vì lo chuẩn bị nước uống cho Ngài, nên bỏ buổi tụng kinh chiều. Ngài không thích việc này, nhưng không nói điều chi. Sau này, Ngài bắt đầu than phiền là tách nước mà người đệ tử mang nước uống cho Ngài, rất là dơ. Việc than phiền này không kết quả, nên cuối cùng, Ngài dùng phương pháp khác. Tối nọ, Ngài uống gần cạn hết nước trong tách, rồi bắt đầu cố ý nhìn chăm chú vào tách nước đó. Chẳng bao lâu mọi người đều để ý đến sự chăm chú nhìn tách nước của Ngài. Khi đó, trong lúc xem xét tách nước, Ngài gọi thầy Hằng Tĩnh lên nơi tòa giảng kinh, rồi tuyên bố rằng có một con trùng trong tách nước. Thế nên, Ngài bảo thầy Hằng Tĩnh hãy nhìn vào tách nước và nói với đại chúng những gì mà thầy thấy. Thầy Hằng Tĩnh ngó vào tách nước rồi nói:

- Những gì con thấy chỉ là trong nước có cặn cáu.

Ngài bảo:

- Không phải là cặn cáu, mà là con trùng. Hãy chuyền tách nước này cho mọi người xem.

Thầy Hằng Tĩnh làm theo lời dạy của Ngài. Những đệ tử nhìn xem xét rõ ràng, thì chỉ thấy một lớp cặn cáu bên dưới đáy tách nước. Chuyền vòng vòng giảng đường xong, cuối cùng tách nước được mang về và đặt trên bàn giảng kinh của Ngài.

Ngài tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm. Nhưng trong những lúc các đệ tử phiên dịch lời giảng giải ra tiếng Anh thì Ngài đều nâng tách nước lên và nhìn chăm chú vào đó. Cuối cùng, Ngài lại gọi thầy Hằng Tĩnh lên trên bục giảng, bảo:

- Hãy nhìn kỹ vào đó, rồi nói cho thầy nghe những gì con đã thấy.

Thầy Hằng Tĩnh ngó vào tách nước, rồi kinh hoàng phản ứng:

- Sao lạ kỳ! Một con trùng hiện rõ trong tách nước.

- Hãy chuyền vòng vòng.

Lần này các đệ tử thật sự thấy rõ một con trùng tám chân, sắc thân năm màu, không giống như những con trùng trên thế giới này. Tối đó, mọi người đều thấy được những gì mà họ chưa từng thấy, còn thầy dâng nước lên cho Ngài cũng học được một bài học.

Sau việc này, Ngài dạy:

- Thầy không muốn là người mà khiến cho con phải bỏ mất buổi tụng kinh chiều. Thầy không có đủ phước đức, nên không muốn chịu trách nhiệm về nhân quả này.

Tháng tám, năm 1976, Vạn Phật Thánh Thành.

Lần thứ nhất tại Vạn Phật Thánh Thành tổ chức Tam Đàn Đại Giới. Khi đó, Ngài làm vị Đắc Giới Hòa Thượng. Hình chụp ba vị đại sư truyền giới và bảy vị thầy chứng minh (Tam Sư Thất Chứng), đang ký tên vào những bản giới điệp để cấp cho các vị tân giới tử (đặc biệt, trong lần truyền giới này, có sự chứng minh của nhị vị hòa thượng người Việt Nam là hòa thượng Đức Niệm và cố hòa thượng Thiện Thanh).

Truyền Đại Giới tại Vạn Phật Thành, 1976

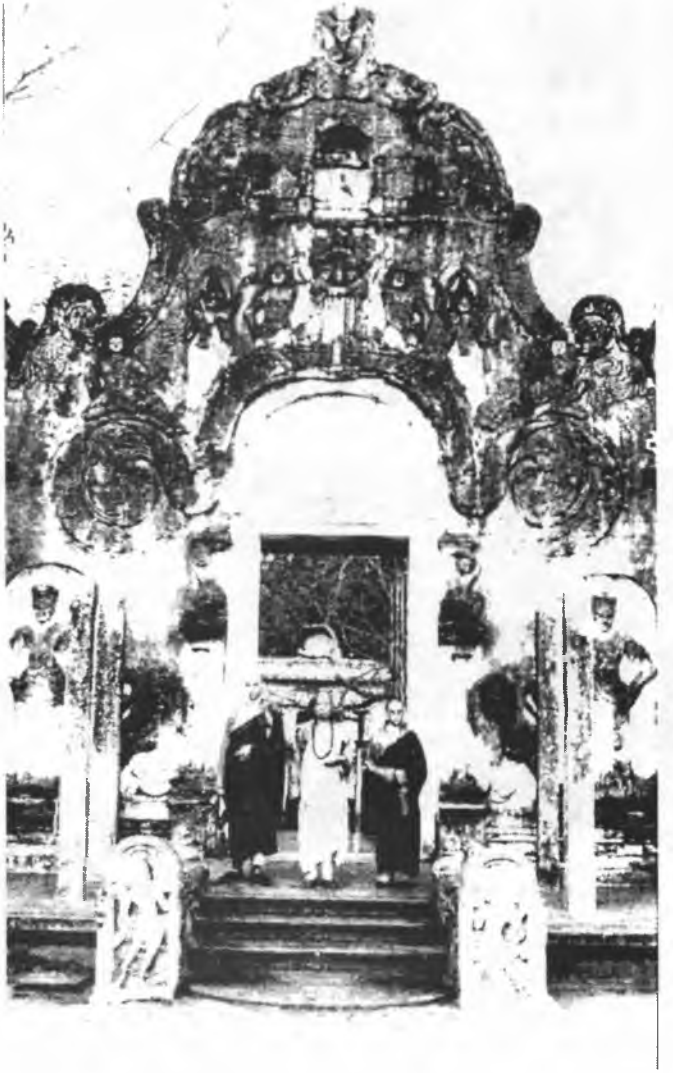

Dưới cội Bồ Đề ở Tích Lan, Ngài cùng với 2 đệ tử xuất gia

Vạn Phật Thánh Thành.

Do đức hạnh của Ngài chiêu cảm, càng ngày có thêm nhiều thiện nam tín nữ, phát tâm xuống tóc tu hành, gia nhập tăng đoàn. Hình chụp trước nền điện đường Diên Thọ (trước khi được xây cất), kỷ niệm ngày xuống tóc xuất gia của các vị phát tâm tu đạo.

Ban phước lành cho rùa.

Sau khi được thả xuống nước, những con rùa trong hình, không nở rời xa ân nhân của chúng, nên quay đầu lại nhìn, trước nguyên do được thả kỳ lạ. Việc xoay đầu lại nhìn, biểu thị sự cảm ân của chúng, khiến Ngài nhoẽn miệng cười, âm thầm ngửa tay ra để ban phước lành cho chúng.

1977, Vạn Phật Thánh Thành.

Hình Ngài chụp với hồng y thiên chúa giáo, Vu Bình. Khi phái đoàn tôn giáo đến thăm Vạn Phật Thánh Thành, ngài bảo hồng y Vu Bình:

Ngài là Phật Tử giữa những người thiên chúa giáo, còn tôi sẽ là người Thiên Chúa giáo giữa những người Phật Tử.

Hồng y Vu Bình đồng ý.

1977, Tại công viên cầu Kim Môn.

Tín chúng đang trên đường đến công viên cầu Kim Môn, để tham gia pháp hội "Cầu Mưa", hy vọng giải trừ hai năm hạn hán đã khiến vùng California, trở nên khô cằn.

1977, Tại công viên cầu Kim Môn.

Mọi người đều luân phiên niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và chú "Cầu Mưa". Cộng thêm, có những bài pháp, giảng về lý nhân quả căn bản: "Tại sao trời không mưa? Chỉ vì chúng ta quá tham lam ích kỷ, tiêu xài nước hoang phí. Nếu biết tự nhận ra lỗi lầm này mà thành tâm sám hối, thì sẽ được cảm ứng".

Người tham gia pháp hội "Cầu Mưa", lần lần tăng thêm. Đại chúng vừa xướng tụng, vừa lễ bái. Trong lúc mọi người tụng niệm chú ngữ Cầu Mưa thì nền trời bắt đầu hiện lên những áng mây trắng, và gió cũng thổi đến.

1977, Tại công viên cầu Kim Môn.

Có mưa không? Vâng, đã có mưa. Sáng ngày hôm sau, tại huyện Mendocino, phía bắc thành phố Cựu Kim Sơn (Vạn Phật Thánh Thành nằm trong huyện này), báo chí đăng tải là đã có mưa. Đến 11:30 giờ trưa cùng ngày, mưa xuống khắp thành phố Cựu Kim Sơn. Những phóng viên nhà báo, trở lại Max Meadow, nơi mà họ đã đến và viết tin tức về pháp hội "Cầu Mưa" vào ngày hôm trước, để tường thuật sự việc, ngay tại nơi đây. Cô phóng viên tường thuật: "Nơi đây, một bàn thờ do các Phật tử thiết lập để cầu mưa. Trời vừa đổ mưa thuận theo lời cầu nguyện của họ. Hôm nay, một vũng nước lớn đọng nơi bàn thờ được thiết lập".

Ngài ở lại chùa, không đến tham gia pháp hội Cầu Mưa tại công viên cầu Kim Môn, nhưng trực tiếp chỉ đạo toàn pháp hội.

Mùa xuân năm 1978, Vạn Phật Thánh Thành.

Hội thảo về đề tài "Tử vong và lâm chung". Một phần của hai gốc cây "Ái Kiết", là chủ đề trong cuộc hội thảo về "Tử vong và lâm chung".

Mùa xuân năm 1978, Vạn Phật Thánh Thành.

Gốc cây này được tìm thấy trong chùa trong dịp hội thảo, và được mang đến cho Ngài. Ngài giải thích rằng gốc cây này chính là một cặp vợ chồng. Trong đời tiền kiếp, họ đã cùng nhau thề nguyền rằng đời đời kiếp kiếp sẽ không mãi rời nhau. Do vì cộng nghiệp, đời này họ trở thành hai gốc cây, vĩnh viễn ôm bọc lấy nhau. Ngài bảo: Ái tình vốn là cội gốc của dòng sanh tử luân hồi.

1978, Malaysia.
Ngài từ bi dạy dỗ, dẫn dắt tín chúng chân thành.

Vùng Vịnh, California.

Ngài bỏ rất nhiều sức lực để đi tìm đất đai và cơ sở để kiến lập đạo tràng tu học. Do nguyện lực hoằng dương chánh pháp, Ngài không nệ hà khó khăn khổ nhọc trong việc kiến lập một cộng đồng Phật giáo, cơ sở giáo dục, tự viện tu hành, viện phiên dịch kinh điển, v.v...

Viện Đại Bi, Vạn Phật Thánh Thành.

Hình Ngài chụp với bốn chúng đệ tử tại viện Đại Bi.

Vạn Phật Thánh Thành.

Ngài thuyết pháp trong kỳ thiền thất vào mùa đông. Mỗi năm, Vạn Phật Thánh Thành luôn tổ chức thiền thất vào mùa đông. Thiền thất chiếm khoảng vài tuần. Mỗi ngày, thiền sinh ngồi thiền từ ba giờ sáng đến mười hai giờ tối. Giữa mỗi lần ngồi, thiền sinh có hai mươi phút nghỉ ngơi. Vào buổi chiều, được nghỉ khoảng một giờ. Dưới sự dạy dỗ kiên nhẫn của Ngài, các đệ tử dần dần học những phương cách ngồi thiền. Khi đó, mọi người đều ngưng mọi công việc hằng ngày để tham gia vào kỳ thiền thất hiếm hoi này.

Vạn Phật Thánh Thành.

Tiểu trai đường (nhà ăn nhỏ) tại Vạn Phật Thánh Thành. Lúc đầu, tại Vạn Phật Thánh Thành, tất cả mọi vật đều rất đơn giản. Trong hình, Ngài cùng với các đệ tử tỳ kheo, tỳ kheo ni thọ trai. Củi đốt trong nhà sưởi là nguồn nhiên liệu chính để sưởi ấm đại chúng trong lúc ăn cơm.

Phòng Vô Ngôn.

Ngài hiển thị "Tam Muội Du Hý", trong lúc đang dạy về thần chú Thủ Lăng Nghiêm tại phòng Vô Ngôn. Mỗi câu chú, Ngài đều làm một bài kệ, bao hàm những nghĩa lý nhà Phật thâm thúy.

"Ái nhân bất thân cố kỳ nhân
Lễ bỉ phất đáp kính vị chân
Hồi quang phản chiếu cầu chư kỷ
Cảm ứng đạo giao mạt mê thần"
dịch:

"Thương người, người chẳng gần, hãy nhìn lại lòng nhân từ của mình.

Lễ người, người chẳng đáp, lòng cung kính của mình chưa chân thật.

Xoay ánh sáng lại vào mình, tìm giải đáp từ bên trong.

Cảm ứng đạo giao, chớ bị mê muội vì thần".

Năm 1977, mồng bảy tháng giêng, hai đệ tử xuất gia người Mỹ, Hằng Thật và Hằng Triều, vì cầu nguyện hòa bình thế giới, phát nguyện hành ba bước một lạy, từ chùa Kim Luân, Los Angeles, đến Vạn Phật Thánh Thành, bắc California. Tháng mười một, ông Vu Bình, hồng y Thiên Chúa giáo, hướng dẫn phái đoàn các tôn giáo đến viếng thăm Vạn Phật Thánh Thành.

Vùng biển phía tây, Mỹ quốc.

Hình Ngài chụp với hai thầy Hằng Thật và Hằng Triều, trong cuộc hành trình ba bước một lạy. Trong thời gian này, Ngài lập ra năm tông chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi. Sau này, tại Vancouver, Ngài cộng thêm một tông chỉ nữa là không nói láo.

Năm 1978, từ ngày ba mươi tháng bảy đến ngày hai mươi bảy tháng chín, thể theo lời thỉnh mời của các hội Phật Giáo vùng Đông Nam Á, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp Á Châu, thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, Đại Học Phật Giáo Pháp Giới qua Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Thái Lan, Hồng Kông. Trong mười hai ngày hoằng pháp tại Mã Lai Á, có hơn sáu ngàn người thọ giới quy y Tam Bảo. Từ mồng mười đến ngày mười bảy tháng chạp, Vạn Phật Thánh Thành cử hành lễ truy niệm và cầu siêu độ trong bảy ngày liền cho hồng y Vu Bình, thị trưởng thành phố Cựu Kim Sơn George Moscone, cùng bao linh hồn tử nạn trong pháp giới. Vào lúc ấy, Ngài giảng kinh Địa Tạng.

1978 Mã Lai Á.

Khi Ngài qua Đông Nam Á hoằng pháp, trên đường ghé lại Mã Lai Á, thầy Hằng Triều và sa di Quả Đồng đều bị bịnh, nên đồng tịnh dưỡng tại một căn phòng. Vì bịnh tình thầy Hằng Triều rất nghiêm trọng, nên Ngài bảo thầy Hằng Thật trông coi ngày đêm. Trưa hôm nọ, đang lúc tụng chú Đại Bi, sa di Quả Đồng chợt ngủ gục, đột nhiên thấy quỷ vô thường cỡi gió lạnh đến. Việc này cả hai thầy kia đều cảm giác được. Thân ốm gầy, đội nón cao, quỷ vô thường tuyên bố là thời gian đã đến, Quả Đồng nên đi theo nó. Giữa ranh giới sống chết, Quả Đồng run rẩy, lập tức vội vã niệm chú Đại Bi. Khi đó, thầy Hằng Triều đang nửa mê nửa tỉnh. Mặc dầu bận rộn mệt mỏi vì thuyết pháp cả ngày, nhưng Ngài vẫn từ bi đến thăm, nâng tay thầy Hằng Triều lên, khiến cho thầy từ từ mở mắt, tỉnh giác được hoàn cảnh xung quanh. Diêm Vương muốn thầy Hằng Triều chết. Vì vậy, Ngài bắt ấn viết chú đến cho Diêm Vương. Ngài nói rằng vị đệ tử này, rất thành tâm phụng đạo. Do đó, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Ngài cũng không cho phép Diêm Vương bắt đi. Sau đó Diêm Vương được thuyết phục và thầy Hằng Triều từ từ bình phục trở lại. Từ đó, cả hai thầy, Hằng Triều và Quả Đồng, nghiệm được bài học là khởi nhiều vọng tưởng rất nguy hiểm, phải nên dụng công tu hành trong đất tâm, tránh khởi tâm niệm ô trược. Sau khi lành bịnh, Ngài từ bi bảo thầy Hằng Triều:

Thầy tận lực thuyết phục Diêm Vương để cho con tiếp tục sống. Công đức tu hành tích tụ sau bao năm, nay đã hết trọn. Tuy vậy, đừng lo lắng, con vẫn có thể tích công bồi đức, vì Phật pháp mà nỗ lực tinh tấn tu hành.

Thuyết Pháp tại trường Đại học ở Mã Lai, 1978

Tại Mã Lai, 1978

Mã Lai Á.

Ngài ngồi trước cổng của một ngôi chùa. Nơi đó, Ngài viết kệ:

"Đi đứng nằm ngồi
Chớ rời vật này.
Rời xa vật này
Sẽ là sai lầm".

Phòng Vô Ngôn, Vạn Phật Thánh Thành.

Ngài giải thích cho các đệ tử về quyển "Phật Tổ Đạo Ảnh". Mỗi vị tổ, Ngài viết tám câu kệ. Trong lớp, Ngài dùng những chủ đề: "Động lực thôi thúc phát triển trí năng chủ quan", làm phương thức dạy. Các đệ tử, theo sự chỉ dẫn, thay phiên nhau, lên bảng viết, giải thích những câu kệ này bằng tiếng Anh và tiếng Tàu. Sau khi các đệ tử thực tập giảng giải xong, Ngài mới bắt đầu giải thích những câu kệ đó. Những lớp học như vầy, kéo dài khoảng bốn năm tiếng, bao gồm rất nhiều đề tài. Phụng sự giáo dục của Ngài là điều căn bản mà các đệ tử phải nhớ đến.

Ngài dạy học rất sớm (khoảng sáu giờ hay sáu giờ rưỡi), với nhiều lý do:

1/ Những người lo việc nấu nướng có thể tham dự lớp học trước khi đến nhà bếp làm việc.

2/ Thầy cô giáo và học sinh có thể tham dự trước khi đến trường học.

3/ Ngài có thể đi xuống thành phố Cựu Kim Sơn sớm.

Thỉnh thoảng, vừa lúc từ thành phố Cựu Kim Sơn trở về Vạn Phật Thánh Thành, Ngài liền dạy học, không nghỉ ngơi chút nào.

Ngài nói chuyện với sinh viên đại học U. C. ở Berkley

Lớp đối liễu từ 6:30-8:00 sáng tại Vạn Phật Thành

Năm 1979, trường tiểu học Dục Lương được dời về Vạn Phật Thánh Thành. Ngày mười bốn tháng ba, trong cuộc đàm luận với Quentin Kopp, ủy viên đoàn Tổng Quản thành phố Cựu Kim Sơn, Ngài tiên đoán rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ tan rã trong vòng mười năm. Tháng mười, ngày hai mươi tháng tám, kỳ truyền Tam Đàn Đại Giới lần thứ ba tại Vạn Phật Thánh Thành được viên mãn. Mồng bốn tháng mười một:

1/ Lễ khai quang thánh tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

2/ Khai mở đại học Phật Giáo Pháp Giới.

3/ Ngài hoàn tất giảng toàn bộ kinh Hoa Nghiêm trong chín năm.

4/ Đệ tử xuất gia người Mỹ, Hằng Thật và Hằng Triều, hoàn tất hành trình ba bộ một lạy.

Ngài giảng Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm, sớ kệ chú giải về chú Thủ Lăng Nghiêm, kinh Di Giáo.

Từ năm 1980 đến năm 1986, Ngài thành lập Trung Tâm Cứu Trợ Người Tị Nạn Đông Nam Á (Việt Nam, Lào, Cam Bốt).

Năm 1981, vào tháng chạp, Ngài tham dự đại hội Tăng Già Phật Giáo Quốc Tế lần thứ ba tại Đài Loan. Từ Ngày hai mươi chín tháng mười

một đến ngày hai mươi chín tháng chạp, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp Á Châu thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và Đại Học Phật Giáo Pháp Giới, lần thứ hai qua Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Mã Lai Á. Ngài thuyết pháp tại các trường đại học như Berkeley, Davis, Oregon, San Francisco State. Ngài giảng phẩm Tịnh Hạnh. Ngày hai mươi bốn tháng mười, kỳ truyền Tam Đàn Đại Giới tại Vạn Phật Thánh Thành lần thứ tư viên mãn. Tháng mười một, Vạn Phật Thánh Thành tổ chức đại lễ khánh thành ba cổng sơn môn, Vạn Phật Bảo Điện, Ngũ Quán Đường. Hàng ngàn người trong và ngoài nước như Đài Loan, Hồng Kông, Mã Lai Á, Tân Gia Ba, v.v... đến tham dự đại lễ. Ngài khai mở chương trình huấn luyện Tăng Ni và Cư Sĩ.

1979, Vạn Phật Thánh Thành.

Trong Tam Đàn Đại Giới lần thứ ba, Ngài làm Đắc Giới Hòa Thượng. Giới tử đồng quỳ lạy khi Ngài đi qua.

Đệ tử xuất gia cầu thọ giới

1979, Vạn Phật Thánh Thành.

Tam Đàn Đại Giới lần thứ ba. Hình chụp ba vị giới sư và bảy vị chứng minh sư (Tam Sư Thất Chứng), ngồi ở hàng giữa, và các tân giới tử, tỳ kheo và tỳ kheo ni (ngồi bên dưới). Lần truyền giới này, được sự tham gia của các vị giới sư người Tàu, người Việt (hòa thượng Đức Niệm), người Tích Lan, người Mỹ. Đây là biểu tượng đoàn kết thống nhất giữa những quốc gia Phật giáo, và nhất là hai truyền thống Bắc Tông và Nam Tông.

Sau lễ truyền Đại giới ở Vạn Phật Thành, 1979

Tại Vạn Phật Thành, 1979

Chủ trì nghi thức kiến lập cổng Tam Quan, Vạn Phật Thành (11-1979)

Ngài đón chào Pháp Sư Đạt Ma Nan Đà và Huệ Tăng đến thăm chùa Vạn Phật Thành

Lễ khai quang chánh điện chùa Vạn Phật Thành (11-1979) - Cắt băng khai quang chánh điện do đại diện chính quyền thị trấn Mendocino và đại diện các đoàn thể Phật giáo đến từ Mã Lai và Tân Gia Ba

1979, Vạn Phật Thánh Thành.

Tháng mười một, tại chánh điện Vạn Phật Thánh Thành, Ngài làm lễ khai quang thánh tượng Quán Âm Bồ Tát, ngàn tay ngàn mắt. Bao quanh Ngài là các đệ tử tỳ kheo trẻ tuổi người Mỹ và người Á Châu. Từ trái sang phải: Thầy Hằng Tá, Hàng Triều, Hằng Vô, Hằng Thật, Hằng Cống, và sa di Quả Nhi.

Vạn Phật Thánh Thành.

Hình Ngài chụp với vị Lạt Ma Tây Tạng, Karmapa. Các đệ tử của vị Lạt ma Karmapa gọi điện thoại đến chùa Kim Sơn Rất nhiều lần để mong tiếp chuyện với Ngài, nhưng Ngài không nhận. Sau đó, tự thân họ đến gặp, nhưng Ngài cũng không tiếp đón. Cuối cùng họ nhắn tin lại là Lạt ma Karmapa đang bị bịnh ung thư trầm trọng. Sau khi Ngài biết được tin này, bịnh tình của Lạt ma Karmapa bớt được phần nào. Sau này, tự thân Lạt ma Karmapa đến thăm Ngài tại Vạn Phật Thánh Thành. Tuy không nói rõ, nhưng lần thăm viếng này là biểu thị sự cảm ân của Lạt ma Karmapa đối với Ngài. Bất cứ Lạt ma Karmapa đi đến đâu, các đệ tử đều bài biện tràng phan bảo cái. Thế nên, lần thăm viếng Vạn Phật Thánh Thành này không vượt ngoài ngoại lệ. Vì vậy, một chiếc xe chở đầy đệ tử của Lạt ma Karmapa đi sớm một giờ, để họ có thể đến Vạn Phật Thánh Thành trước, hầu mong chuẩn bị cờ xướng, trống kèn Tây Tạng, v.v... Ai ngờ được xe của họ bị hư giữa đường. Hơn một giờ sau mới chạy được. Họ rất nóng lòng, lo lắng vì biết rằng

không thể tới Vạn Phật Thánh Thành trước khi Lạt ma Karmapa đến. Vì thế, Vạn Phật Thánh Thành rất an tĩnh khi Lạt ma Karmapa đến. Lúc đó, Ngài cùng đại chúng đang thọ trai. Lạt ma Karmapa cùng với thị giả tự thân đến tìm Ngài tại nhà ăn. Ngài mời họ ngồi vào hàng ghế bên cạnh cho đến khi thọ trai xong. Sau khi thọ trai, Ngài cùng Lạt ma Karmapa đi đến phòng phương trượng. Vừa đến phòng khách, đệ tử của Lạt ma Karmapa liền trải một mảnh lụa rất đẹp và trang hoàng những vật khác. Lạt ma Karmapa ngăn họ lại, bảo: "Không! Không! Không phải chỗ này. Hãy dẹp hết đi! "

Sau đó, Lạt ma Karmapa kéo một cái ghế, ngồi bên cạnh Ngài. Hai vị đàm luận thân mật. Khi đó, Ngài khuyên Lạt ma Karmapa nên xả bỏ tất cả, chánh thức xuống tóc xuất gia làm tăng. Ý của Ngài là khuyên Lạt ma Karmapa nên xả bỏ hết tất cả thanh danh, lợi dưỡng, thì thọ mạng mới được dài lâu. Nếu tiếp tục làm những lễ "Quán Đảnh", phung phí hết tinh lực quý báu, thì không có cách nào để bảo tồn sanh mạng. Lạt ma Karmapa không thể tiếp thọ lời khuyên của Ngài, nên sau lần thăm viếng đó, chẳng bao lâu qua đời.

Hội ngộ với Đại lão Hòa Thượng Quảng Khâm tại Đài Loan, 1981

Tại Mã Lai, 1981

Chuyển bánh xe Pháp tại Mã Lai, 1981

Lễ Quán Âm xuất gia (31-10-1982) trước cổng Tam Quan của Vạn Phật Thành.

Chánh điện chùa Vạn Phật Thành vào những năm mới vừa được thành lập

Lễ khai quang Chánh Điện chùa Vạn Phật Thành, 1982

Chủ trì lễ phóng sanh

Vạn Phật Thánh Thành.

Ngài ngồi bên ngoài thất phương trượng, tại Vạn Phật Thánh Thành.

1983, mồng hai tháng giêng, chùa Kim Luân cử hành lễ khai quang. Tượng Ngọc Phật phóng hào quang, tỏa điềm lành. Ngài giảng kinh Dược Sư, Niết Bàn, Luận Ngữ. Vạn Phật Thánh Thành bắt đầu lập truyền thống lễ bái Vạn Phật Bảo Sám hằng năm, trước ngày đại lễ Phật Đản. Từ tháng mười một đến tháng giêng năm kế, Ngài phái các đệ tử thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, đại học Phật Giáo Pháp Giới, lần thứ nhất qua Ấn Độ, Tân Gia Ba, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ Dương, Đức quốc, Úc Châu, Pháp quốc, và Anh quốc hoằng pháp.

Năm 1984, Ngài thành lập chùa Kim Phong ở Seattle, chùa Kim Phật ở Vancouver, Gia Nã Đại. Ngày hai mươi bảy tháng năm, đại học Phật Giáo Pháp Giới cử hành lễ tốt nghiệp đầu tiên. Ngài giảng chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông.

Năm 1985, Ngài giảng Chứng Đạo Ca của đại sư Huyền Giác, Thủy Kính Hồi Thiên Lục, Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm.

Tháng mười hai năm 1985.

Hình Ngài và pháp sư Hải Đăng (Nhất Chỉ Thiền). Lúc pháp sư Hải Đăng qua Mỹ thăm viếng Ngài, cùng đi có các viên chức chánh phủ cao cấp. Họ quay một cuốn phim về võ thuật của pháp sư Hải Đăng. Pháp sư Hải Đăng cũng truyền môn "Đồng Tử Công" căn bản cho các đệ tử của Ngài với điều kiện là không thể truyền công phu này ra ngoài. Ngài cũng thỉnh pháp sư Hải Đăng giảng kinh Lăng Nghiêm phần "Tứ chủng thanh tịnh minh hối" (lời dạy của Phật về bốn loại thanh tịnh). Ngài tán thán ca ngợi pháp sư Hải Đăng và nói rằng chỉ có những vị giữ giới thanh tịnh và tâm chánh trực mới có khí chất dũng mãnh giảng giải về đoạn kinh văn này. Để biểu hiện sự cung kính đối với pháp sư Hải Đăng, Ngài cùng các đệ tử cùng nhau quỳ xuống nghe giảng kinh.

Vào những năm cuối của thập niên tám mươi.

Hình Ngài chụp tại một đạo tràng chi nhánh, Gia Nã Đại. Dầu Ngài đi đến nơi nào, chúng sanh trong chín pháp giới đều tôn trọng cung kính. Những ai mở mắt thần (thiên nhãn thông) thỉnh thoảng có thể thấy họ, còn những người thường thì không thể thấy. Tuy chỉ có mắt thịt, nhưng đối với người có tâm thâm tín thì cũng có thể cảm nhận được. Với đức hạnh cao vời, Ngài cảm hóa được những chúng sanh hữu hình lẫn vô hình.

Lần nọ, khi thăm viếng một đạo tràng chi nhánh tại Gia Nã Đại, có một con rồng, ở nơi đây, đợi Ngài đã hơn hai ngàn năm, đến thọ giới quy y với Ngài.

Năm 1986, chùa Kim Sơn dời về địa điểm mới ở khu phố Tàu vùng Cựu Kim Sơn. Ngài thành lập hội in kinh Phật Giáo Pháp Giới tại Đài Loan. Từ mồng bốn đến mồng sáu tháng bảy, Vạn Phật Thánh Thành tổ chức lễ kỷ niệm mười năm thành lập. Mồng sáu tháng bảy, lễ tốt nghiệp chương trình huấn luyện Tăng Ni và Cư Sĩ lần đầu tiên được cử hành. Ngài thành lập chùa Hoa Nghiêm ở Calgary, Gia Nã Đại.

Năm 1987, ngày hai mươi chín tháng giêng, chùa Kim Sơn cử hành lễ khai quang ba tôn tượng đức Như Lai. Ngày hai mươi hai tháng ba, nhân dịp vía Bồ Tát Phổ Hiền. Chùa Kim Phong cử hành lễ khai quang thánh tượng chư Bồ Tát Phổ Hiền, Văn Thù, Vi Đà, Già Lam.

1987, mồng mười tháng năm, nhân dịp lễ vía Bồ Tát Văn Thù, chùa Kim Sơn cử hành lễ khai quang thánh tượng Văn Thù và Phổ Hiền.

Tháng bảy, Ngài tham dự và diễn giảng tại các hội nghị ở Newyork, Texas, vùng tây ngạn nước Mỹ.

Từ ngày mười tám đến ngày hai mươi bốn tháng bảy, Ngài chủ trì lễ Thủy Lục Không, thỉnh gần một trăm vị tăng từ Trung Quốc đại lục qua dự. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Trung

Quốc, có nhiều người Tàu từ nội địa lẫn hải ngoại đến tham dự đại lễ.

Tháng tám, Ngài khai mở hội nghị Liên Kết Các Tôn Giáo Trên Thế Giới. Ngài mời đại diện các đoàn thể Phật Giáo, Nho Giáo, Cơ Đốc Giáo, Hồi Giáo, và Đạo Giáo đến bàn thảo về những vấn đề nghiêm trọng trong xã hội hiện thời như luân lý, gia đình, khoa học, kỹ thuật, tôn giáo, giáo dục, v.v...

Cũng trong tháng tám, Ngài được mời đến trường đại học Berkeley tham dự đại hội liên tôn giữa Phật Giáo và Gia Tô Giáo, và thuyết giảng về đề tài: "Thiền và cầu nguyện".

1987, Vạn Phật Thánh Thành.

Đáp ứng lời mời của Ngài, phái đoàn tăng sĩ Phật giáo từ Trung Hoa lục Địa do pháp sư Minh Dương (phó chủ tịch hội Phật Giáo toàn Trung Quốc), pháp sư Chân Thiền, pháp sư Diệu Thiện, hướng dẫn, đến thăm viếng và làm lễ Thủy Lục Không tại Vạn Phật Thánh Thành.

Trong kỳ pháp hội Thủy Lục Không này, toàn thể tăng chúng ở tại nội đàn, ngoại đàn (mỗi đàn phân làm sáu đàn nhỏ), mỗi ngày đồng tụng kinh, niệm Phật, lễ sám. Tối đến, làm lễ "Diệm Khẩu Từ Bi" để siêu độ tất cả chúng sanh vô hình đang bị khổ nạn. Tất cả công đức trong kỳ pháp hội này đều hồi hướng về tất cả chúng sanh ở trên mặt đất, dưới nước hay trên không.

1987, Vạn Phật Thánh Thành.

Hình Ngài trong dịp pháp hội Thủy Lục Không.

Đại lễ Thủy-lục-không lần đầu tiên được tổ chức ở Vạn Phật Thành, 1987

Tại Vạn Phật Thành, 1987

Năm 1988, mồng sáu tháng tư, thư ký tiểu bang California, bà Giang Nguyệt Trụ, đến viếng thăm chùa Kim Sơn. Ngài đến đại học British Columbia ở Gia Nã Đại, thuyết giảng về đề tài: "Đại Học Yếu Chỉ, Nho Giáo, Căn Bổn Làm Người, Làm Thế Nào Để Phát Huy Truyền Thống Mỹ Đức Trung Quốc Trong Xã Hội Hiện Tại, Truy Tầm Trí Huệ và Hòa Hợp".

Ngày hai mươi tám tháng tám, Ngài chủ tọa hội nghị tôn giáo, luân lý, khoa học, giáo dục, triết học, học thuật, và thuyết giảng đề tài: "Chân nghĩa của sự đào sâu tiềm năng trí huệ của nhân loại".

Mồng mười tháng chín, Vạn Phật Thánh Thành cử hành đại lễ khai quang thánh tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng pháp hội Địa Tạng. Tháng Chạp, Ngài hướng dẫn phái đoàn thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, đại học Phật Giáo Pháp Giới qua Đài Loan, Tân Gia Ba, Mã Lai Á, và Hồng Kông hoằng pháp lần thứ ba, thể theo lời thỉnh mời của các đạo tràng lớn ở những nơi đó. Ngài cử hành pháp hội Hộ Quốc Tiêu Tai Hoạn Nạn và các hoạt động hoằng pháp khác. Ngài cũng thành lập Phật Học Viện Chánh Pháp tại Đài Loan.

Tại Mã Lai, 1988

Phái đoàn hoằng Pháp sang Mã Lai lần thứ ba, 1988

Trở về Hồng Kông hoằng Pháp, 1988

Chủ trì Pháp hội hộ quốc tại Đài Loan, 1988

Năm 1989, Ngài thuyết giảng về đề tài: "Những biến chuyển lớn ở Trung Quốc trong thế kỷ vừa qua" tại các đại học ở Mỹ quốc và hải ngoại.

Tháng giêng, Ngài là quý khách của cựu tổng thống Bush trong đại lễ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ. Ngài là đại biểu người đông phương duy nhất trong buổi lễ cầu nguyện Quốc Gia.

Tháng ba, Ngài thuyết giảng tại trung tâm hội Quaker ở Philadelphia về đề tài: "Phục hưng luân

lý, Đạo đức thực tiễn", và những điểm tương đồng giữa Phật giáo, Gia Tô giáo, Nho giáo. Ngài cũng diễn giảng cho hội Phật Giáo tại vùng Hoa Thịnh Đốn.

Mồng một tháng tư, linh mục John Rogers, giảng viên tôn giáo tại đại học Humboldt State, hướng dẫn vài chục nam nữ sinh viên đến tham quan Vạn Phật Thánh Thành. Ngài thuyết giảng đề tài: "Quan điểm trí huệ của Phật giáo", tại đại học Oregon. Ngài đến đại học British Columbia, Gia Nã Đại, thuyết giảng về đề tài: "Trách nhiệm căn bản làm người. Phật giáo và luân lý. Hiếu thảo là cội gốc làm người. Yếu chỉ lập mạng. Làm thế nào để xây dựng một gia đình hạnh phúc".

Tháng bảy, Ngài thuyết giảng về đề tài: "Làm thế nào để cải đổi nền giáo dục. Những chuyển biến lịch sử ở Trung Quốc trong thế kỷ vừa qua. Trung Quốc đạo đức quán", tại đại học Hạ Uy Di.

Từ ngày mười lăm tháng bảy, đến mồng năm tháng tám, đại học Phật Giáo Pháp Giới chủ tọa hội thảo và thực hành luân lý.

Mồng mười tháng tám, Ngài đàm luận với một giáo sư đại học Humboldt State về đề tài: "Đối thoại giữa Phật giáo và Gia Tô giáo".

Mồng hai tháng chín, kỳ truyền Tam Đàn Đại Giới lần thứ năm viên mãn. Mồng chín tháng chín, Ngài thuyết giảng tại đại học Minnesota ở thành phố Minneapolis về đề tài: "Làm thế nào để cải thiện nền giáo dục hiện thời. Những chuyển biến ở Trung Quốc trong vòng thế kỷ vừa qua". Từ mồng mười đến ngày mười một tháng chín, Ngài thuyết giảng tại đại học Wisconsin (Madison) về đề tài: "Những vấn đề căn bản giữa Phật giáo và con người. Sự quan hệ giữa các tôn giáo trên thế giới".

Từ ngày mười bảy đến ngày mười chín tháng chín, Ngài tới đại học British Columbia, Gia Nã Đại thuyết giảng về đề tài: "Trách nhiệm của chúng ta đối với xã hội, quốc gia, và thế giới. Khoa học căn bản. Quan điểm Phật giáo về cải đổi vận mệnh con người. Mục đích và sự phát triển chánh yếu cho thanh thiếu niên hiện tại. Luận về nhân quả trong Phật Giáo".

Từ mồng chín tháng mười đến mồng ba tháng mười một, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới

và đại học Phật Giáo Pháp Giới đến Đài Loan chủ trì pháp hội Quán Âm Đại Bi, Hộ Quốc Tiêu Tai Diệt nạn. Khi ấy, tại thành phố Cựu Kim Sơn, Mỹ quốc, xảy ra trận động đất lớn, Ngài tuyên bố rằng nếu còn ở tại thành phố Cựu Kim Sơn ngày nào thì Ngài không cho phép có thêm một trận động đất nào xảy ra nữa. Mồng bốn tháng mười một, Vạn Phật Thánh Thành cử hành lễ khai quang thánh tượng Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai. Từ mồng chín đến ngày mười một tháng mười một, Ngài giảng thuyết về đề tài: "Căn bản giáo dục là gì", và chủ tọa hội nghị Nghiên Cứu Phật Học cùng Cách Thức Tu Trì.

Từ ngày ba mươi tháng mười một đến mồng ba tháng chạp, Ngài thuyết giảng tại đại học Austin, Texas. Ngài thành lập Pháp Giới Thánh Tự tại Cao Hùng Đài Loan.

Tuyệt thực để cầu phước cho dân chúng Đài Loan, 1989

1989, Đài Loan.

Ngài hướng dẫn đoàn hoằng pháp đến Đài Loan, để cử hành pháp hội "Từ Bi Tiêu Tai Hộ Quốc". Vì chúng sanh ở Đài Loan, Ngài tuyệt thực trong ba mươi ngày liền. Đang khi tổ chức pháp hội này tại Đài Loan, thì ở vùng Cựu Kim Sơn, Mỹ Quốc, xảy ra một trận động đất lớn. Do đó, Ngài lập tức trở về Mỹ để cứu nạn, rồi bay trở qua Đài Loan, chủ trì pháp hội diễn giảng kinh điển tại vùng bắc bộ, trung bộ, nam bộ của Đài Loan (sau lần động đất tại vùng Cựu Kim Sơn, Ngài tuyên bố là nếu còn ở nơi đó một ngày, Ngài không bao giờ cho phép có một trận động đất nữa).

Ban đạo Từ khuyến khích cựu Tổng Thống George Bush

Các lãnh tụ Đài Loan cầu Ngài cố vấn

Cung kính bậc trưởng thượng và tôn sùng bậc hiền đức

Giáo dưỡng nầm non

Chào đón phái đoàn của ngài Minh Dương (phó chủ tịch hội Phật Giáo Trung Quốc) từ Trung Quốc sang, 1989

Năm 1990, mồng hai tháng hai, Ngài thuyết giảng tại đại học Berkeley về đề tài: "Đạo lý giữa đạo Phật và con người".

Mồng bảy tháng hai, Ngài chủ tọa đại hội Phật giáo Quốc Tế, với chủ đề: "Phật giáo trong thế kỷ thứ hai mươi mốt", do hội Dhammakaya ở Thái Lan tổ chức.

Ngày mười chín tháng hai, Ngài thuyết giảng tại University of California at Los Angeles về đề tài: "Làm thế nào để dẹp khổ đau, đạt được an lạc", và chủ tọa hội thảo tham thiền.

Tháng ba, báo Kim Cang Bồ Đề Hải được phát hành lần đầu tiên tại Đài Loan. Từ ngày hai mươi đến ngày hai mươi ba tháng tư, Ngài thuyết giảng tại thành phố Atlanta, Georgia.

Tháng năm, năm đệ tử xuất gia người Mỹ qua truyền giới tại chùa Long Hoa, Thượng Hải, Trung Quốc. Cựu tổng thống Bush đánh điện tín đến Vạn Phật Thánh Thành chúc mừng Ngài cùng các đệ tử. Mồng tám tháng năm, Ngài chánh thức nhậm chức "Chủ Lễ Tôn Giáo" trước cảnh sát trưởng thành phố Cựu Kim Sơn, ông Frank Jodan.

Từ ngày hai mươi sáu đến ngày hai mươi bảy tháng năm, Ngài thuyết giảng tại đại học University of Washington in Seattle.

Ngày mười sáu tháng sáu, cảnh sát trưởng thành phố Cựu Kim Sơn, ông Frank Jodan, đến viếng thăm Vạn Phật Thánh Thành và trao đổi ý kiến với Ngài về xã hội cùng giáo dục. Từ ngày hai mươi mốt đến ngày hai mươi bảy tháng sáu, Ngài thuyết pháp tại vùng Hoa Thịnh Đốn.

Từ ngày mười ba tháng bảy đến mồng bốn tháng tám, Vạn Phật Thánh Thành, chủ tọa hội thảo về: "Đạo Phật và con người trong hiện tại". Trong thời gian đó, Ngài thuyết về Mạnh Tử.

Từ ngày ba mươi mốt tháng tám đến ngày hai mươi mốt tháng chín, thể theo lời thỉnh mời của tín chúng Đài Loan, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, đại học Phật Giáo Pháp Giới qua Đài Loan, chủ trì pháp hội kỷ niệm 150 năm ngày sinh của đại lão hòa thượng Hư Vân, cùng đại lễ "Toàn dân niệm Phật cầu phước, tiêu tai hoạn nạn", tại tòa nhà kỷ niệm Trung Chánh, Đài Bắc. Có hàng chục ngàn người tham gia. Trên hư không, hiện muôn ngàn ánh sáng, báo hiệu điềm lành.

Tháng mười, thể theo lời thỉnh mời của các hội đoàn Phật giáo tại nước Anh, Pháp, Bỉ, và Ba Lan, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp quốc tế thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và đại học Phật Giáo Pháp Giới, qua Âu Châu thuyết pháp. Chủ đề: "Giáo lý đức Phật vượt thời gian và không gian. Trí huệ chân thật vĩnh hằng bất biến", trong đó nhấn mạnh đề tài: "Phật giáo và triển vọng hòa bình thế giới. Giáo dục trong Phật giáo và phương pháp ứng dụng. Dung hợp truyền thống Nam tông và Bắc tông trong Phật giáo, và hợp quần các tôn giáo trên thế giới".

Mồng bảy tháng mười, Vạn Phật thánh Thành tổ chức chương trình "Trưởng Thanh Đại Học", trong hai tuần lễ, với đề tài: "Hoạt động tinh tấn tu hành của người già". Kể từ đó, Vạn Phật Thánh Thành thường tổ chức chương trình này cho người già.

Mồng sáu tháng mười một, Ngài phái đệ tử qua Bắc Kinh cung thỉnh "Long Tạng (đại tạng kinh)" về Vạn Phật Thánh Thành, biểu tượng sự quan hệ giữa Phật giáo Trung-Mỹ trên đà phát triển và Phật giáo truyền sang Tây Phương. Chùa Kim Luân dời về địa điểm mới.

Lãnh đạo phái đoàn hoằng pháp sang Anh Quốc thăm viếng tăng đoàn Nam Tông, 1990

Đốn tiệm tuy thù, Thành công tắc nhất
Hà phân Nam Bắc
Thánh phàm tạm dị, Căn tánh khước đồng
Mạc luận Đông Tây.

Dịch:
Đốn tiệm tuy khác, Thành công tức một
Sao phân Nam Bắc
Thánh phàm tạm khác, Căn tánh đều đồng
Chớ luận Đông Tây.

-- Hòa Thượng Tuyên Hóa

Ngài là Thượng Khách tại hội nghị Quốc Tế về đề tài: "Phật giáo bước vào năm 2000", do Tổng hội Pháp Thân ở Thái Lan tổ chức.

Ngài sang Đài Loan nhiều lần để cầu quốc thái dân an.

Trong lần pháp hội Niệm Phật ở Quảng Trường Trung Chánh, một hào quang sáng ngời hiển hiện trên nền trời, 1990

Ngài được ông cảnh sát trưởng Jordan đề cử làm vị chủ lễ tôn giáo (8-5-1990)

1990, Anh Quốc.

Hình Ngài chụp với vị phương trượng Ajahn Sumedho của trung tâm Phật giáo Amaravati. Pháp sư Ajahn Sumedho rất tôn sùng, cung kính và tin tưởng Ngài. Pháp sư thường đến Vạn Phật Thánh Thành và các đạo tràng chi nhánh, để gần gũi, thân cận và tiếp thọ những lời giáo huấn của Ngài.

Năm 1991, viện Phiên Dịch Kinh Quốc Tế và Trung Tâm Hành Chánh của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới được dời về thành phố Burlingame, California.

Từ mồng tám đến hai mươi tháng giêng, do sự thỉnh mời của chùa Minh Nhật, tỉnh Kiết Lâm, Trung Quốc, Ngài phái các đệ tử qua đó thăm viếng và hội thảo về Phật Pháp.

Bắt đầu từ ngày mười sáu tháng hai, công phu khuya tại Vạn Phật Thành được kết hợp theo hai truyền thống Bắc-tông và Nam-tông. Tụng chú Lăng Nghiêm và kinh tiếng Pali. (Ghi chú: Năm 1992, sửa lại là cách mỗi ngày thay đổi tụng kinh bằng tiếng Anh và tiếng Tàu.)

Mồng ba tháng năm, thượng tọa Ajahn Amaro, đại diện tăng đoàn tại trung tâm Phật giáo Amaravatti, cúng dường y bát Nam-tông cho tăng đoàn Vạn Phật Thánh Thành. Đây là biểu tượng sự hợp nhất giữa Nam-tông và Bắc-tông, lật trang sử mới trong lịch sử Phật giáo.

Từ ngày hai mươi mốt tháng sáu đến ngày mồng sáu tháng bảy, pháp sư Ajahn Sumedho ở trung tâm Phật giáo Amaravati, hướng dẫn thiền thất theo truyền thống Nam tông tại Vạn Phật Thánh Thành.

Ngày mười bốn tháng bảy, kỳ Truyền Tam Đàn Đại Giới lần thứ sáu được tổ chức tại Vạn Phật Thánh Thành.

Ngày hai mươi tám tháng chín, nhân kỷ niệm mười năm thành lập Nhật Báo Quốc Tế, Ngài được mời đến thuyết giảng về chủ đề: "Phóng nhãn quan, nhìn thế giới".

Từ mồng bốn đến mười lăm tháng mười, Ngài phái các đệ tử thuộc phái đoàn hoằng pháp đến Seattle, Vancouver, Calgary, Edmonton, và Toronto thuyết pháp với đề tài: "Phật giáo là tôn giáo đang trên đà phát triển mạnh mẽ tại vùng Bắc Mỹ". Lại có những chủ đề khác như: "Không giết hại. Tâm an lạc của con người ảnh hưởng đến hòa bình thế giới. Ăn chay, sự chọn lựa của lòng từ bi và lý trí. Quan điểm Phật giáo về cộng nghiệp của một quốc gia và bIệt nghiệp của mỗi con người. Yếu tố quan trọng của nền giáo dục, luân lý".

Ngài thành lập chùa A Di Đà tại Hoa Liên, Đài Loan.

Tam Đàn Đại Giới năm 1991.
Ba vị Tôn Chứng Sư: Hòa Thượng Tuyên Hóa, Hòa thượng Trung Quán, Pháp Sư Sumedho.

Hình Ngài cung nghinh đại lão Hòa Thượng Pháp Đạt Ngõa Lạp (103 tuổi) khi vị này viếng thăm chùa Vạn Phật Thành (1991)

Năm 1992, Ngài chủ trì lễ sám hối cho bốn tỳ kheo (Hằng Trường, Hằng Triều, Hằng Tả, Hằng Thuận).

Từ mồng bảy tháng hai đến mồng ba tháng tư, thể theo lời thỉnh mời của các đoàn thể Phật giáo vùng Đông Nam Á, Ngài phái các đệ tử thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và đại học Phật Giáo Pháp Giới, đoàn hoằng pháp Á Châu, qua Đài Loan, Hồng Kông, Ấn Độ Dương, Tân Gia Ba, Mã Lai Á, lần thứ năm. Phái đoàn hoằng pháp chủ trì lễ Vạn Phật Bảo Sám trong ba tuần liên tiếp ở Mã Lai Á.

Ngày mười sáu tháng ba, đại học Humboldt State University thỉnh mời chư vị pháp sư tại Vạn Phật Thánh Thành làm lễ khai quang đại hội triển lãm văn hóa nghệ thuật Á Châu tại trường.

Ngày hai mươi tháng tư, thể theo lời thỉnh mời của cựu tổng thống Bush, Ngài hướng dẫn mười tám vị hội viên Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đến phủ Tổng Thống dự buổi tiệc tối do cựu tổng thống tiếp đãi.

T.H.P.G. P.G (Tổng hội Phật Giáo Pháp Giới) viếng thăm tòa Bạch-ốc: Mười tám thành viên của T.H.P.G.P.G nhận lời mời của cựu tổng thống Bush, đến dự buổi yến tiệc vào buổi tối do

cựu tổng thống thiết đãi vào ngày 20 tháng tư năm 1992 tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Thư mời dự tiệc của cựu tổng thống nhằm tỏ lòng tri ân Ngài đã từng đón tiếp cựu tổng thống tại quảng trường Portsmouth Square ở thành phố Cựu Kim Sơn vào bốn năm về trước, khi ông ta đang làm phó tổng thống của chính quyền Reagan và ra tranh cử tổng thống. Lúc ấy, vào ngày 14 tháng 9 năm 1988, trước quần chúng tại quảng trường Portsmouth Square, vốn là nhà lãnh đạo và phát ngôn viên của cộng đồng người Tàu, Ngài phát biểu: "Sống trên nước Mỹ, chúng ta phải tuyển chọn một vị tổng thống thông minh nhất, có trí huệ sáng suốt, chí công vô tư, không thiên vị. Vị tổng thống phải làm gương mẫu, không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói láo. Phù hợp với những tiêu chuẩn này thì mới xứng đáng làm tổng thống".

Cựu tổng thống Bush vì nhớ cuộc họp mặt đó, nên thỉnh mời Ngài đến dự buổi yến tiệc tại cung Bạch-ốc. Ngài nhận lời mời và hướng dẫn các thành viên đại biểu T.H.P.G.P.G, bao gồm tăng, ni, cư sĩ từ Mã Lai Á, Hương Cảng, Đài Loan, Việt Nam, Trung Quốc, Gia Nã Đại cùng các thành viên từ thành phố Cựu Kim Sơn, viện

Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế, và chùa Vạn Phật Thành.

Khi được hỏi tại sao nhiều nhân sĩ Phật giáo tham gia vào đảng Cộng Hòa, các thành viên của đoàn trả lời: "Thứ nhất, chúng tôi vì đáp ứng lời thỉnh mời của quý vị. Thứ hai, Phật tử chúng tôi quan tâm đến mối phúc lợi của quốc gia. Một quốc gia thanh bình an lạc hỗ trợ cho tôn giáo. Đặc biệt, chúng tôi quan tâm về việc cải cách nền giáo dục, nhằm phát huy truyền thống đạo đức thiện mỹ trong tâm thanh thiếu niên. Thêm nữa, đạo Phật là tôn giáo chính thống. Khi chánh quyền vững mạnh, tôn giáo mới hưng thịnh. Chánh quyền phải luôn vì phúc lợi của dân chúng mà phục vụ. Chúng tôi cảm thấy có trách nhiệm hỗ trợ chánh phủ được ổn định, hầu mong dân chúng đồng hưởng lợi ích".

Có vị tại phủ tổng thống bảo: "Tôi không ngờ rằng quý vị Phật tử theo đảng Cộng Hòa".

Đáp: "Chúng tôi không theo đảng phái nào cả, mà chỉ muốn góp sức để mang ích lợi đến cho mọi đảng phái như đảng Cộng Hòa, Dân Chủ, Độc Lập, và mọi người "Uống nước phải nhớ nguồn". Được hưởng thể chế tự do, nên chúng tôi phải nỗ lực phụng sự nước Mỹ. Dùng

chánh kiến chánh tri, người Phật tử chúng tôi nỗ lực cống hiến công sức cho quốc gia và thế giới. Việc tham dự yến hội này, chứng minh sự tham gia của chúng tôi, nhưng không giới hạn việc tham chính và làm việc cho một chính đảng nào cả. Chúng tôi muốn vận dụng quyền tự do dân chủ, đề xướng những phương thức mới mẻ để giải quyết những vấn đề trong xã hội, để khiến quốc gia hòa bình, thịnh trị an lạc".

Sáng ngày 28 tháng 4 năm 1992, thành viên của T.H.P.G.P.G tham dự nhiều chương trình sinh hoạt đặc biệt tại phủ tổng thống. Lãnh tụ lưỡng viện quốc hội được dẫn đầu bởi ông Robert Dole của tiểu bang Kansas, tham nghị viên, lãnh tụ đa đảng, cùng tham nghị viên Robert Michel, thỉnh mời đại chúng dùng điểm tâm tại phòng ăn quốc hội. Giáo sư Ronald Epstein và bác sĩ Randy Lum đại diện

T.H.P.G.P.G tham dự buổi điểm tâm. Tham nghị viên Dole lại tổ chức buổi yến tiệc tại thư viện cũ của Tham nghị đoàn. Thầy Hằng Lai và cư sĩ Hồ Công Hạo cùng một nhóm khoảng ba mươi vị lãnh tụ quốc hội đồng đàm luận, và chụp hình chung với các tham nghị viên. Sư cô Hằng Quý, nữ cư sĩ Hoàng Khả Thái, bác sĩ Hoàng Minh Lục và cư sĩ nữ Rosaline đồng dự

buổi cơm trưa với ông bà cựu phó tổng thống Dan Quayle và Marilyn tại phủ phó tổng thống, trên đài thiên văn của hải quân. Thầy Hằng Thật, cư sĩ nữ Hồ Quả Tương, cư sĩ nam Quả Cần, và Hoàng Quả Lâm thăm viếng tòa Bạch-ốc.

Ngày mười chín tháng năm, Ngài giảng pháp cho học sinh trường trung học Lowell tại chùa Kim Sơn.

Mồng bốn tháng bảy, ông Lâm Dương Cảng viện trưởng Ty Pháp Viện, Trung Hoa Dân Quốc, cùng vợ viếng thăm Vạn Phật Thánh Thành, và bàn thảo các vấn đề giáo dục Trung-Mỹ với viện trưởng trường đại học Phật Giáo Pháp Giới. Họ cũng viếng thăm viện Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế, bái kiến và cùng Ngài đàm luận về tương lai Trung Quốc, hiện tình nước Mỹ, và phương châm trị nước, v.v...

Ngày hai mươi chín tháng bảy, ông Lương Thúc Nhung cố vấn tổng thống Đài Loan, và là cựu viện trưởng Viện Lập Pháp, đến bái kiến Ngài. Ngày hai mươi tám tháng tám, ông Trịnh Vạn Trân tổng lãnh sự sứ quán Trung Hoa Đại Lục tại Cựu Kim Sơn đến bái kiến Ngài. Ngài bảo ông ta rằng trong tương lai ước nguyện sẽ làm nhịp cầu thống nhất Trung Quốc. Tháng tám, pháp hội Thủy Lục Không do chư pháp sư Đài Loan và Đại Lục hợp tác chủ trì. Ngày mười sáu tháng chín, Kỳ Truyền Tam Đàn Đại Giới lần thứ bảy được tổ chức tại Vạn Phật Thánh Thành.

Ngày hai mươi ba tháng mười, ông Edwin Derwiski, phó chủ tịch hội đồng ủng hộ tổng

thống Bush tái cử, đến bái kiến Ngài. Trong cuộc họp báo, Ngài kiến nghị rằng nếu cựu tổng thống Bush không nhận tiền lương, làm gương cho các nhà lãnh đạo nước Mỹ sau này thì nhất định sẽ tái đắc cử.

Trải qua bao năm truyền bá Phật pháp tại tây phương, dẫu chưa chính thức là công dân Mỹ, nhưng sự lo lắng và ưu tư của Ngài về đất nước và nhân dân Mỹ không bao giờ giảm sút. Ngài nhận thấy rằng hành động và cử chỉ của những người lãnh đạo quốc gia có sức ảnh hưởng đến quần chúng rất lớn lao. Có câu: "Bất cứ việc gì người trên làm, kẻ dưới đều gắng sức hành theo".

Đây là lý do mà Ngài mong muốn và cổ vũ những nhà lãnh đạo phải có đủ nhân phẩm đạo đức, và nêu gương lãnh đạo chân chính cho nhân dân. Bằng cách này, chiều hướng xấu xa băng hoại của xã hội có thể được chuyển đổi, và nhân dân được hưởng thanh bình, hạnh phúc ấm no.

Khi cựu tổng thống Bush ra ứng cử làm tổng thống nhiệm kỳ thứ hai vào năm 1992, nhân dịp một nhân viên văn phòng trợ lý liên lạc công cộng tại nhà trắng đến tiếp kiến Ngài tại trung

tâm Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế ở Burlingame, Ngài nói: "Nếu tổng thống Bush không nhận lương, Tôi dám bảo đảm là ông ta sẽ thắng cử tổng thống".

Sau này, Ngài cũng viết một lá thơ, gởi đến cựu tổng thống Bush, lập lại lời đề nghị của mình:

"Thơ trình tổng thống Bush tường lãm:

I. Tôi viết thơ này gởi đến Ông, khi nước Mỹ đang chuyển mình qua một trang sử mới: Thiên tai hoạn nạn như bão lụt động đất, và nhân họa như bịnh AIDS cùng bạo động, đang xảy ra khắp nơi trong nước. Tôi thành khẩn bàn bạc cùng kiến nghị đến với Ông trong thời điểm tranh cử tổng thống năm nay. Một lần nữa, tôi hy vọng rằng Ông sẽ sẵn sàng cố gắng hy sinh công sức để phục vụ cho nhân dân, như từng đã làm trong quá khứ.

Thưa Ông Tổng Thống! Chỉ người có đức hạnh mới có đủ tiêu chuẩn để lãnh đạo nước Mỹ. Do nhân dân tuyển cử, tất cả vấn đề trong và ngoài nước đều quy về trách nhiệm cho tổng thống. Trong thời điểm này, đối với Ông, việc tái thắng cử phải cần có dũng khí khác thường, nghĩa là phải bằng một sự hy sinh lớn lao với một phương pháp mới. Tôi có một phương

pháp sẽ khiến cho dân chúng hiểu rõ tài năng lãnh đạo của Ông. Tôi không sợ rằng Ông sẽ trách cứ vì những lời chân thật này. Tôi đề nghị Ông làm những việc mà những tổng thống thiển kiến khó hành được, tức là làm tổng thống mà không nhận lương bổng hay quà cáp, chỉ tình nguyện phục vụ cho quốc dân.

Nếu Ông thông báo cho nhân dân Mỹ biết là Ông sẽ không nhận lương bổng, chỉ tình nguyện đem tài đức để phục vụ quốc gia, thì tôi dám bảo đảm là nhất định Ông sẽ tái thắng cử tổng thống trong nhiệm kỳ bốn năm sắp tới. Ngoài ra, từ chối nhận lương bổng, Ông sẽ thâu phục được lòng dân mà không cần phần thưởng riêng tư. Đó là tinh thần đạo đức của tổng thống Thomas Jefferson, cha đẻ của nền dân chủ, người lãnh đạo dân tộc vượt qua những khó khăn trong buổi đầu lập quốc. Ngọn gió vô tư lợi của Ông sẽ lan tràn khắp nơi trên thế giới. Những nhà lãnh đạo trên toàn thế giới sẽ dẹp trừ tâm tham và noi theo gương đạo đức và dũng khí của Ông.

Một vị chính khách ra ứng cử tổng thống vì muốn đảm nhận trách nhiệm phục vụ dân tộc với tinh thần vô vị lợi sẽ được dân chúng tôn sùng mãi mãi. Một vị tổng thống không nhận

lương bổng hiển nhiên sẽ làm gương vô úy cho các nghị viên lưỡng viện của quốc hội, cùng các cấp đơn vị chánh phủ. Thế giới chỉ được lợi lạc khi có những nhà lãnh đạo anh hùng như thế. Do đó, tôi dám khuyên rằng Ông chớ lo lắng vì những chướng ngại cá nhân trong nhiệm kỳ tổng thống bốn năm sắp tới. Nhờ tâm vô tư lợi của Ông, nhân dân Mỹ sẽ cảm động và nhất định sẽ tái tuyển cử Ông làm tổng thống. Thái độ chân tâm thành ý, vì nước, vì dân, vì chánh nghĩa, và vì trách nhiệm sẽ khiến Ông hưởng lợi ích suốt đời.

II. Trong lá thư này, tôi cũng muốn nhấn mạnh vai trò quan trọng của nền giáo dục trong một quốc gia dân chủ. Xin Ông hãy quan tâm về việc trọng yếu này. Học sinh và học đường là nguồn phúc lợi của đất nước. Đầu tư hay cung ứng đầy đủ cho nền giáo dục và huấn nghệ phải đứng hàng đầu của quốc gia. Một quốc gia đầu tư về kiến thức của nhân dân sẽ đào luyện dân chúng có được những quyết định hợp lý hợp tình và hợp nhân tánh. Việc đầu tư của chánh phủ vào nền giáo dục sẽ được đền đáp bằng sự hỗ trợ của dân chúng về nền pháp trị dân chủ, hòa bình trong hằng ngày. Quốc dân được giáo dục kỹ càng thì họ sẽ phân biệt rõ ràng những

việc đúng sai, và khiến cho quốc gia hòa bình. Đây là cách bảo vệ quốc gia hay nhất. Nếu được như thế thì những vũ khí cùng binh lực tinh nhuệ thật không cần thiết. Ngược lại, nếu trẻ em không được giáo dục đàng hoàng, luôn có tâm ngỗ nghịch, không nhận ra giá trị tình thương của các nhà lãnh đạo thì chúng sẽ không xem trọng nền tự do dân chủ cùng bảo vệ duy trì hiến pháp. Hỏa tiển lớn nhất hay phi cơ bay nhanh nhất thật sẽ vô dụng, vì kẻ địch nguy hiểm nhất là con cái chúng ta, những kẻ bị kém trí huệ và thiếu kiến thức.

Thưa Ông Tổng Thống! Đại diện cho nhân dân Mỹ, tôi viết lá thơ trong thời điểm quyết liệt của cuộc bầu cử tổng thống, với niềm hy vọng là Ông sẽ giữ vững địa vị chánh đáng của một vị chèo lái con thuyền quốc gia. Tôi chẳng hề ngại rằng Ông sẽ cho lời kiến nghị này không thật tế hay lời nói quá thẳng thừng. Tuy nhiên, nếu chấp thuận ý kiến này thì nhất định Ông sẽ tái thắng cử tổng thống. Tôi không hề muốn cầu danh hay cầu lợi vì những lời kiến nghị này. Tôi chỉ muốn bầu cử một vị tổng thống tài đức nhất cho quốc gia này. Nếu Ông chấp nhận những lời kiến nghị trên thì nhân dân Mỹ sẽ được lợi

lạc vô cùng. Nếu Ông không chấp nhận thì tôi cũng hoàn thành trách nhiệm của mình.

"Chúng sanh trong thế giới mê mờ
Tài, sắc, danh, thực, thùy bao quanh
Người trí xả được năm món dục
Vượt hơn người, bậc thánh minh quân".

Trong lá thơ này, Ngài đưa ra kiến nghị lạ lùng: "Tổng thống không nhận lương bổng", và khuyến khích cựu tổng thống Bush lãnh đạo nước Mỹ bằng đức hạnh.

Năm 1988, khi ông Bush ra ứng cử tổng thống lần đầu tiên, Ngài đã từng khuyến khích ông ta phải nên làm một vị tổng thống không tranh, không tham, không cầu, không tự lợi, không ích kỷ, không nói láo. Năm 1992, vào lúc ông Bush ra tái ứng cử tổng thống, nền kinh tế nước Mỹ đang bị đình trệ, và sự tín nhiệm của tổng thống đang đi xuống. Trong hoàn cảnh đó, nếu theo lời kiến nghị của Ngài thì tổng thống Bush mới biểu hiện rõ quyết tâm thành ý phục vụ nhân dân.

Đương thời, vì nền hòa bình và phúc lợi của nước Mỹ và thế giới, Ngài ra thông cáo cho bốn chúng đệ tử tại chùa Vạn Phật Thành cùng các ngôi chùa chi nhánh, mỗi ngày tụng chú Đại Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm, cùng lễ Phật, bái sám.

Thể theo lời dạy, bốn chúng đệ tử của Ngài tụng chú Đại Bi mỗi tối từ ngày 30 tháng chín đến mồng 4 tháng mười một năm 1992, tức sau ngày tổng tuyển cử.

Vào ngày 23 tháng mười, 1992, Ông Edwin Derwinsky, phó chủ tịch hội đồng tổng tuyển cử của tổng thống Bush, được giáo sư Tsu, chủ tịch của hội đồng tuyển cử Mỹ-Á, hướng dẫn đến diện kiến Ngài và mở cuộc hội thảo tại trung tâm Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế. Trong buổi hội thảo, Ngài nhấn mạnh lại rằng nếu tổng thống Bush không nhận lương bổng, thì nhất định Ông sẽ tái thắng cử. Tuy nhiên, từ lúc đó, cựu tổng thống Bush vẫn chưa quyết định, nên việc tái thắng cử thật là một vấn đề khó khăn. Ngài cũng bảo rằng dẫu trường hợp nào, các Phật tử cũng phải cầu nguyện cho mối phúc lợi của nhân dân và cho nền hòa bình của thế giới. Tiếc thay, cựu tổng thống Bush và những nhân viên của ông ta cuối cùng quyết định bỏ qua lời kiến nghị của Ngài. Vì vậy, như Ngài đã tiên đoán, cựu tổng thống Bush bị thất cử.

Đương thời, nước Mỹ gặp phải rất nhiều vấn đề khó khăn. Bên cạnh thiên tai hoạn nạn, những vấn đề như xì ke ma túy lan tràn khắp nơi trong toàn quốc. Nạn trộm cướp và bạo loạn

tăng gia. Nạn thất nghiệp cũng lên cao. Những triệu chứng trên biểu thị phước đức của đại cường quốc này đang giảm dần.

Học sinh tiểu học Dục Lương và trung học Bồi Đức.

Lễ tốt nghiệp đại học Phật Giáo Pháp Giới.

Ông A. C. "Bud" Harrison, cựu thị trưởng thành phố Burlingame đã từng viếng thăm Ngài nhiều lần. Theo sự quan sát của ông ta, nhiều người Á Châu vốn là công dân tốt ở bổn quốc, nhưng khi qua Mỹ lại thay đổi tánh tình.

Ngài cũng nhấn mạnh về hệ thống trợ cấp an sinh xã hội không được phân phối đồng đều, và chỉ khuyến khích người dân làm biếng thêm; theo quan điểm của Ngài thì do nhân dân ai cũng có thể giữ súng đạn, khiến việc trị an trong xã hội rất khó khăn. Lại nữa, tình dục được dạy công khai tại bậc tiểu học. Tại cấp trung học, học sinh biết hút thuốc phiện, cho đến giết người, đốt nhà. Trong đại học, lắm khi sinh viên ngủ và tắm chung với nhau. Nếu như thế, làm sao họ trở thành công dân tốt được? Lại nữa, những luật lệ ở nước này thật rất phóng túng tự do. Vì vậy, nên giáo dục tại nước Mỹ thật sự bị phá sản.

Theo Ngài nhận thấy, những việc tệ hại xảy ra trong nước đều phát xuất từ nền giáo dục băng hoại: "Hiện nay, lúc còn nhỏ tuổi mà học sinh không chịu theo luật lệ thì tương lai chúng sẽ không màng đến luật pháp. Đây là điều thật rất nguy hiểm. Những đứa trẻ giết người, không theo luật lệ, v.v...thật ra không phải là những

đứa trẻ xấu xa, mà chỉ vì không dạy dỗ chúng đúng đắn. Đó là lỗi của người lớn".

Tháng giêng năm 1992, khi được mời đến tòa nhà trắng để tham dự buổi yến tiệc, Ngài đàm luận với bộ trưởng bộ giáo dục về hiện trạng suy đồi trầm trọng của nền giáo dục ở Mỹ, và nhấn mạnh về nền giáo dục luân lý đạo đức. Tại Mỹ, vừa hoằng dương Phật pháp, Ngài vừa cống hiến công sức cho nền giáo dục. Mục đích của Ngài là bồi dưỡng thế hệ trẻ với tinh thần không ích kỷ, không tự lợi, để nỗ lực cứu vãn nền văn hóa nước nhà.

Trong những bài giảng dạy, Ngài thường khuyến khích các đệ tử hãy cùng nhau nỗ lực giải quyết những vấn đề nan giải trong hiện tại ở Mỹ. Ví dụ, xì ke ma túy là một vấn đề nghiêm trọng nhất trong hiện thời. Ma túy không những làm lãng phí tiền bạc, lại còn làm hư hoại thân thể trí óc của con người, và là nguyên nhân chính của các tội ác. Vì vậy, trong những pháp hội giảng kinh, Ngài thường nhắc nhở tín chúng thính giả, lúc trở về nhà, hãy kêu gọi thân quyến đừng để con cái hút thuốc phiện, mà phải khuyến khích chúng hỗ trợ và phục vụ nền hòa bình cùng phúc lợi của quốc gia, nhân loại. Đây là trách nhiệm chung của mọi người.

Một vấn đề lớn ở xã hội Mỹ ngày một gia tăng là đồng tính luyến ái. Có những buổi diễn hành đồng tính luyến ái hằng năm nhằm tạo ảnh hưởng tại tòa án, để được mọi thành phần trong xã hội công nhận. Không nỡ ngồi nhìn những hiện tượng đi ngược lại thiên địa tạo hóa ngày càng phát triển rộng rãi, trong những bài thuyết giảng, Ngài thường nhắc nhở các đệ tử phải nhận chân sự nghiêm trọng của vấn đề này. Mỗi lần được các chánh khách chính phủ Mỹ đến cầu lời cố vấn, Ngài thường nhấn mạnh: "Riêng âm không thể sanh. Riêng dương không thể trưởng dưỡng. Đồng tính luyến ái khiến diệt chủng, vong quốc. Vì vậy phải khuyến khích họ sửa đổi tánh tình, chớ nên dung túng".

Đối với người xuất gia, vì trên cầu Phật đạo dưới cứu độ chúng sanh, nên tu hành với hành vi cao cả để mang lại hạnh phúc cho loài người. Đồng tính luyến ái không hướng lên tìm cầu sự tịnh hóa tâm linh mà chỉ hướng xuống tình dục trầm luân, khiến phát sanh nhiều vấn đề nghiêm trọng. Tuy biết rõ đồng tính luyến ái ngày càng lan rộng, nhưng vì lương tri Ngài vẫn phải đánh tiếng về vấn đề này, hầu mong họ sớm thức tỉnh trân trọng bảo tồn Phật tánh, không thể tiếp tục tạo nghiệp thọ báo.

Trong bao năm hoằng pháp tại Mỹ, đi đến đâu Ngài cũng phát dương sáu đại tông chỉ rộng rãi. Tuy có người nhận rõ những tông chỉ này rất quý, nhưng vì xã hội Mỹ vốn chạy theo chủ nghĩa vật chất, nên khó mà thực hành. Ngài thường bảo rằng phải hành những gì khó hành, phải nhẫn những gì khó nhẫn.

"Phải làm những gì không thể làm được. Phải như ngọn đèn cầy đứng vững trước gió mưa giông bão. Phải như vàng ròng chịu đựng nung nấu trui rèn".

Hội Phước Lợi Xã Hội thuộc viện Phật Giáo Cư Sĩ và bộ An Dưỡng tại Thượng Hải ở Trung Quốc tuyên dương Ngài: "Vị cao tăng bậc nhất toàn cầu".

Ngài phủ nhận lời tán thán đó.

Mồng tám tháng mười một, thể theo lời thỉnh mời của trường đại học University of California at Los Angeles, Ngài đến đó giảng thuyết về chủ đề: "Đạo Phật hiện tại. Đạo đức luân lý và giáo dục".

Ngày mười lăm tháng mười một, để cứu vãn nền giáo dục phá sản, Ngài tuyên bố rằng ngày hai mươi bảy tháng mười một là ngày "Chúc Thọ Người Già".

Ngày hai mươi tháng chạp, lễ Chúc Thọ Người Già trên bảy mươi tuổi được cử hành đầu tiên tại Los Angeles. Chùa Phước Huệ tại Mỹ Nồng ở Đài Loan được cúng dường cho Ngài. Ngài thành lập hội Pháp Giới Căn Bản Văn Hóa Giáo Dục tại Đài Loan.

Năm 1993, từ mồng ba đến mười tám tháng giêng, thể theo lời thỉnh mời của tín chúng Đài Loan, Ngài qua đó chủ trì pháp hội Lăng Nghiêm, Đại Bi và truyền tam quy y, năm giới cấm cho các cư sĩ. Khi ấy, có ba mươi tám người phát tâm xuất gia. Một Pháp Sư từ Trung Hoa đại lục qua chủ trì thiền thất, cải đổi gia phong ăn một ngày một buổi, đắp tăng y của Vạn Phật Thánh Thành. Thiền thất kết thúc, gia phong được phục hồi trở lại.

Ngày mười bốn tháng ba, một ứng cử viên nghị sĩ tiểu bang California cùng bốn người khác đến viếng thăm Ngài tại Vạn Phật Thánh Thành và trao đổi quan điểm về giáo dục cùng chính trị.

Mồng bốn tháng tư, lễ Lương Hoàng Bảo Sám được cử hành vào dịp khai quang chánh điện chùa Trường Đê, Long Beach ở Los Angeles. Các đệ tử cũng làm lễ chúc thọ Ngài. Ngài giảng kinh Chí Công Thiền Sư Thuyết Nhân Quả.

Ngày ba mươi tháng tư, ông Hác Bách Thôn, cựu viện trưởng viện Hành Pháp của Đài Loan, viếng thăm Ngài.

Ngày mười sáu tháng năm, đoàn đại biểu Vạn Phật Thánh Thành tham dự đại lễ Phật Đản được tổ chức tại đại học Berkeley. Mồng chín tháng sáu, ông "Bud" Harrison, thị trưởng thành phố Burlingame viếng thăm Ngài và trao đổi quan điểm về giáo dục cùng chính trị.

Từ mồng sáu đến ngày mười sáu tháng mười một, Ngài hướng dẫn phái đoàn hoằng pháp qua vùng đông bắc Mỹ, thuyết pháp tại Newyork, Rochester, và các nơi khác. Ngày ba mươi tháng mười một, ông "Bud" Harrison, thị trưởng thành phố Burlingame cùng bà phu nhân đến viếng thăm Ngài lần thứ hai. Nhân dịp đó, Ngài nói rằng tám đức tánh của con người: "Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ", là liều thuốc thần để cứu thế gian. Ngày mười bảy tháng mười hai, cô Edith Chen, nữ sĩ dương cầm quốc tế đến viếng thăm Ngài. Tại Sacramento, Ngài thành lập Pháp Giới Thánh Thành. Tịnh xá Viên Thông ở Đông Chí, Đài Loan được cúng dường cho Ngài.

Viết thư pháp.

Với ông Hác Bách Thôn, cựu viện trưởng viện Hành Pháp, Đài Loan, 30-4-1993

Trước văn phòng chính của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới. Chụp với ông thị trưởng "Bud" Harrison và phu nhân của thị trấn Burlingame.

Cùng thảo luận với Viện Trưởng Đại học liên hợp Tôn giáo ở Berkeley, ông Glenn Bucher, tại viện nghiên cứu Tôn Giáo Pháp Giới

Lễ Phật Đản, 1993

Năm 1994, ngày hai mươi sáu tháng giêng, Ngài mời ông Trần Lập Phu, cố vấn tổng thống Đài Loan, đến thuyết trình tại Vạn Phật Thánh Thành. Tháng giêng, các đạo tràng thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đồng tổ chức lễ Chúc Thọ Người Già lần thứ hai. Ngài chỉ định rằng chủ nhật đầu tháng mười một mỗi năm sẽ là ngày Chúc Thọ Người Già. Tháng hai, học sinh

trung học Bồi Đức thắng cuộc thi về Thể Chế Chánh Trị của nước Mỹ trong vùng quận nhất của tiểu bang California. Ngày hai mươi bảy tháng hai, Ngài chủ trì lễ khai quang hội Bồ Đề tại San Jose.

Mồng năm tháng ba, Ngài thuyết giảng cho hội Thanh Niên Phật Giáo Trung Quốc trường đại học Berkeley tại Vạn Phật Thánh Thành. Ngày hai mươi bảy tháng ba, thị trưởng thành phố Burlingame và chủ tịch hội đồng quản lý thị trấn Mendocino tham dự lễ vía Bồ Tát Quán Âm. Ngài thuyết giảng về đề mục: "Trợ giúp thế giới trở nên trong sáng".

Mồng chín tháng tư, nhận lời mời của liên hội Phật học đại học University at Los Angeles, University of California at Irvine, California Polytechnic Institute, Ngài thuyết giảng về đề tài: "Phật Giáo và Tâm Lý Học".

Ngày hai mươi tháng tư, thể theo lời mời của đại học Berkeley, Ngài đến tham dự lễ nghinh tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma. Từ ngày mười bảy đến ngày hai mươi ba tháng tư, Pháp Giới Thánh Thành cử hành lễ Lương Hoàng Bảo Sám. Vào ngày hai mươi bốn, các đệ tử tổ chức lễ chúc thọ cho Ngài.

Ngày hai mươi tám tháng năm, văn phòng Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và viện Phiên Dịch Kinh Điển Quốc Tế cử hành lễ khai quang. Ngày hai mươi chín tháng năm, Pháp Giới Thánh Thành cử hành lễ khai quang.

Tháng năm và tháng sáu, các đạo tràng thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới lần đầu tiên tổ chức lễ Nhi Đồng.

Ngày hai mươi ba tháng mười, thọ thần cây cổ thụ với 1989 tuổi ở núi Phổ Đà tỉnh Triết Giang tại Trung Quốc thỉnh cầu quy y với Ngài. Ngài thành lập viện Nghiên Cứu Học Thuật Các Tôn Giáo Thế Giới trong vùng đại học Berkeley. Tại Long Beach, Ngài thành lập chùa Phước Lộc Thọ. Chùa Kim Phong tại Seattle dời về địa chỉ mới.

Năm 1995, mồng mười tháng giêng, thầy Hằng Thật đại diện Ngài, nhận lời mời của ông Pete Wilson, cựu thống đốc tiểu bang California, tham dự lễ tái nhiệm cử chức thống đốc. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, tăng sĩ Phật giáo được thỉnh mời, đọc lời khai mạc lễ nhậm chức thống đốc. Tại San Jose, Ngài thành lập chùa Kim Thánh.

Mồng bảy tháng sáu, Ngài viên tịch tại Los Angeles, Mỹ quốc. Một ngọn đèn sáng trên thế gian đã tắt. Y theo lời di huấn của Ngài, bốn chúng đệ tử tại các đạo tràng thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đồng cử hành pháp hội tụng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, và niệm Phật trong vòng bốn mươi chín ngày. Ngày mười hai tháng sáu, lễ nhập quan được cử hành tại chùa Trường Đê,

Long Beach. Ngày mười sáu tháng sáu, kim quan Ngài được cung thỉnh về Vạn Phật Thánh Thành. Từ ngày hai mươi sáu đến ngày hai mươi tám tháng bảy, Vạn Phật Thánh Thành cử hành đại lễ Truy Ân và Trà Tỳ đại lão hòa thượng Tuyên Hóa.

Đại Niết Bàn

An tường thị tịch

Tăng, Ni, Cư sĩ cung thỉnh Ngài trở về chùa Vạn Phật Thành

Ai ai cũng có lúc đến rồi phải đi, chớ quá buồn khổ, hãy giữ tâm như thường ngày. Hãy phát tâm dụng công tu hành.

Lễ kính Pháp thể của Ngài tại chùa Trường Đề

Đánh trống Pháp lớn

Pháp thể của Ngài được cung nghinh vào Chánh Điện chùa Vạn Phật Thành

Đại chúng chí thành đảnh lễ Pháp thể Ngài chín lạy.

Mất Trời Trí Huệ Chợt Sa; Thế Nhân Đồng Thương Tiếc

Tại điện đường Đại Niết Bàn, Vạn Phật Thành

Chư Tỳ Kheo cung thỉnh linh quan của Ngài vào Vô Ngôn Đường

An trí Linh quan trong Vô Ngôn Đường

Các thân quyến của Ngài ở vùng Đông Bắc, Trung Quốc

Thỉnh Linh vị vào điện Tổ Sư

Các quí khách, chư tăng tham dự lễ Trà tỳ.

Tín chúng khắp nơi tham dự đại lễ Trà tỳ.

Tôi từ hư không đến
và trở về với hư không

Rãi bột Xá lợi của Ngài trong hư không

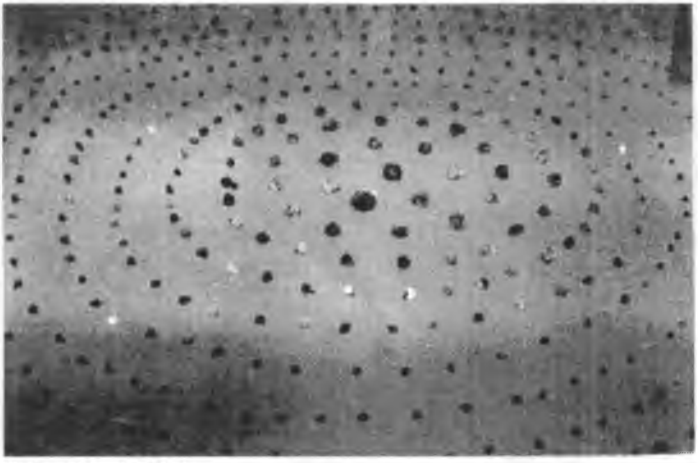

Toàn thân Xá lợi

Toàn thân Xá lợi

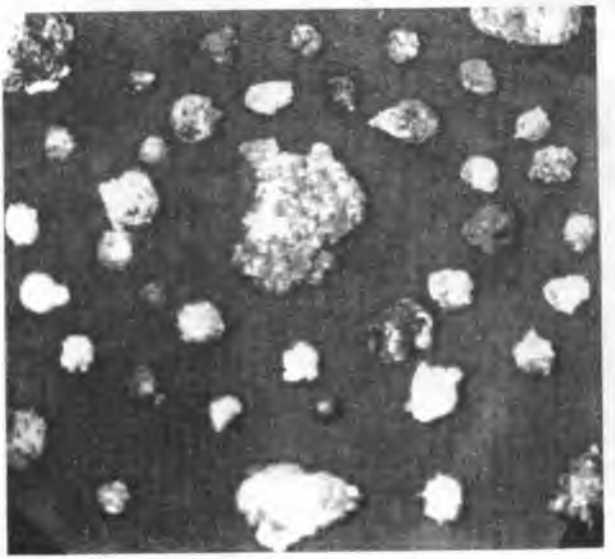

Toàn thân Xá lợi

Xá lợi xương tủy trắng sạch như tuyết sương

Xá lợi xương tủy trắng sạch như tuyết sương

Xá lợi xương tủy trắng sạch như tuyết sương

Tượng Phật A Di Đà mà Ngài đem từ miền Mãn Châu sang Mỹ, và thường cúng dường.

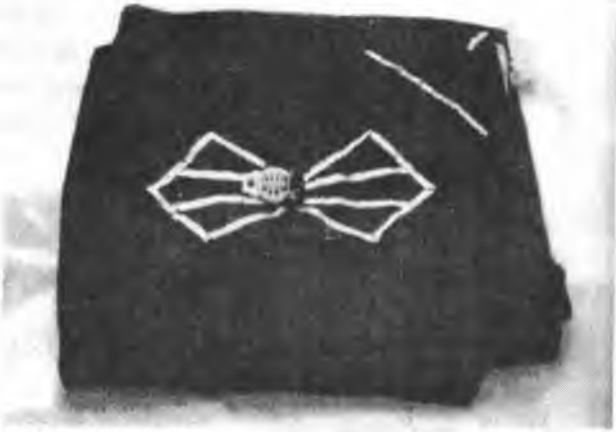

Y Tăng Già Lê

Sau khi thọ giới tăng ích từ Hòa Thượng Hư Vân, Ngài được thêm một bình bát

Nhật ký tu hành từ lúc 16 tuổi

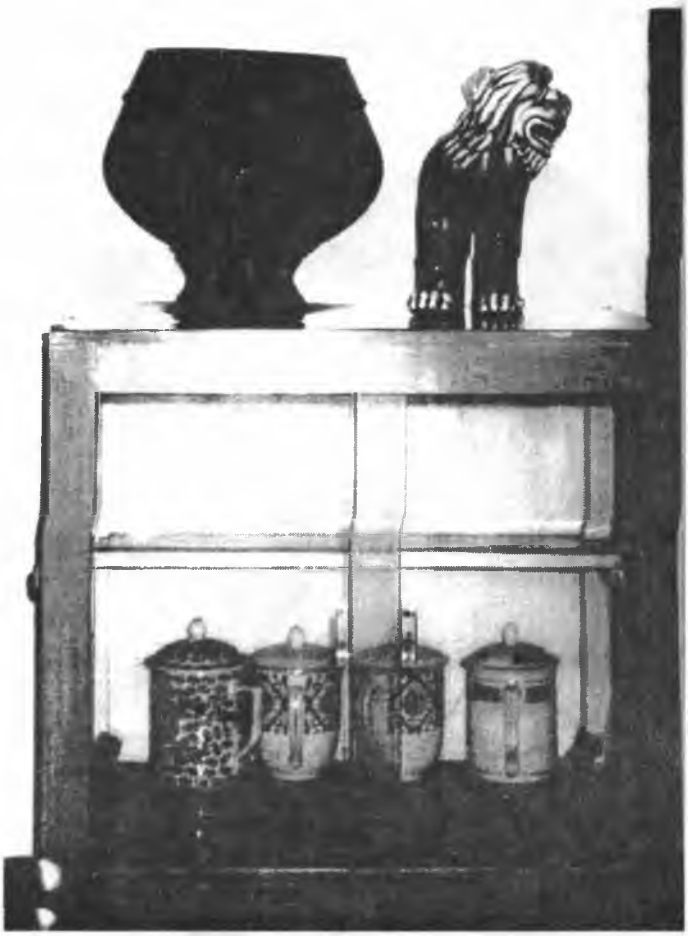

Bình bát Nam Tông và tách trà mà Ngài thường xử dụng ở Hồng Kông.

Y Vật Thường Ngày

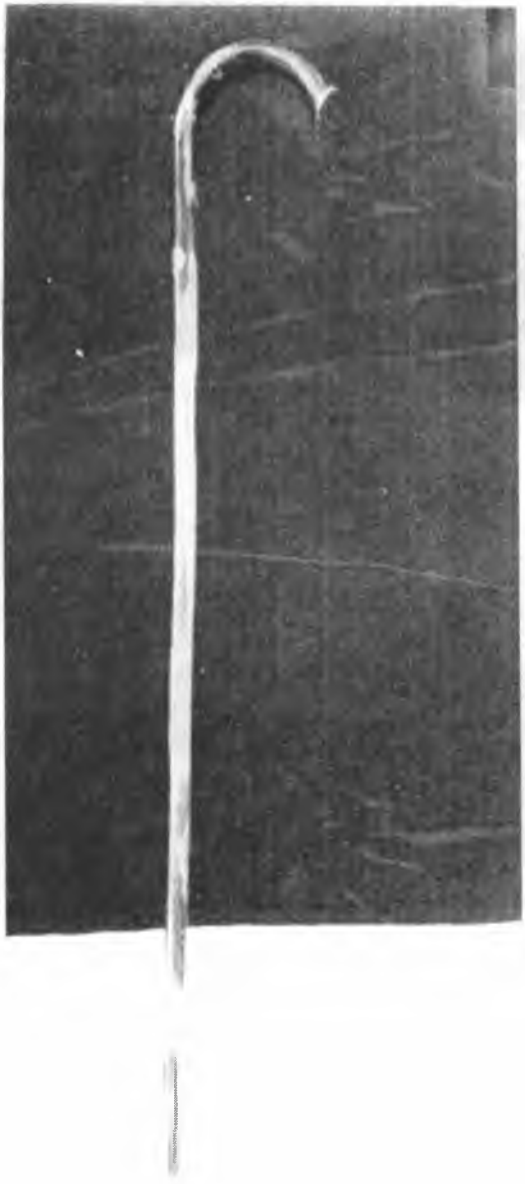

Những Pháp Vật: Linh, Phất trần, Tích trượng, Như Ý

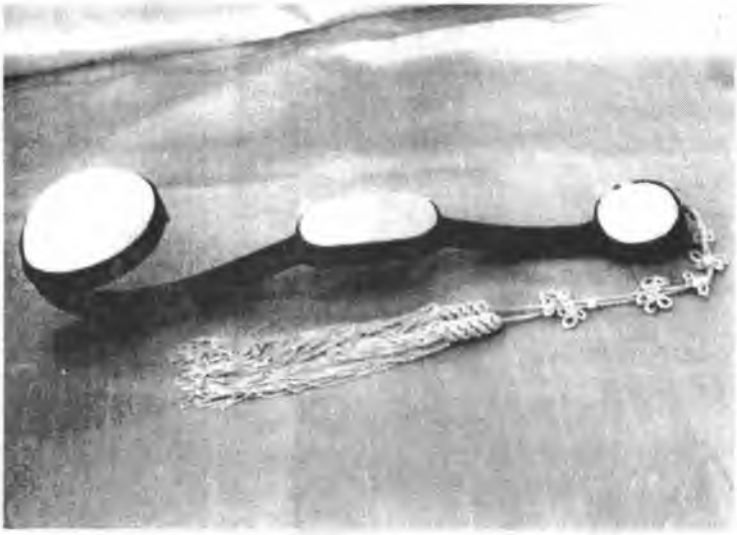

Chư sơn trưởng lão ban pháp từ cung điếu tại Hồng Kông

Tín chúng chiêm ngưỡng Xá lợi của Ngài tại Hội trường Bảo, Hồng Kông

Pháp hội tán thán công đức của Ngài tại Ma Cao

Đại biểu của hội Từ Tế

Cung nguỡng Xá lợi của Ngài

Đại lễ Truyền cúng

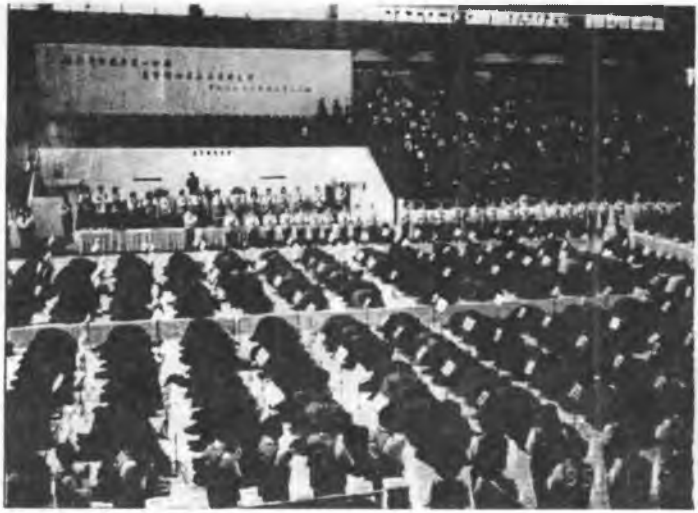

Lễ Phật bái sám, Đài Loan

Pháp hội Truy niệm